

BỘ ĐỀ ÔN TẬP

CUỐI HỌC KỲ I

MÔN TOÁN 6

NĂM HỌC 2024-2025

ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN 6*Thời gian làm bài: 90 phút***A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)****Phần 1. (1,5 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.***Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6 và ghi 1 đáp án đúng vào bài làm.***Câu 1.** Số nào dưới đây là một số nguyên?

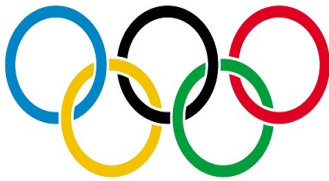
- A. 2,5 B. -2,5 C. -10 D. 0,33

Câu 2. Khi bỏ dấu ngoặc trong biểu thức $1018 - (32 - 207)$ ta được:

- A. $1018 - 32 + 207$ B. $1018 + 32 + 207$ C. $1018 - 32 - 207$ D. $1018 + 32 - 207$

Câu 3. Trong các hình sau hình nào có nhiều hơn 1 trục đối xứng?

Hình 2



Hình 3



Hình

Hình 4



1

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 4. Các hình có trục đối xứng là

- A. Hình A, C B. Hình B, D C. Hình A, C, D D. Hình C, D

Câu 5. Trong các hình sau hình có tâm đối xứng là

- A. Hình B, D B. Hình A, C C. Hình A, B, C, D. Hình A, D

Câu 6. Hình **không** có tâm đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình tam giác C. Hình vuông D. Hình lục giác đều.

Phần 2. (1,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.**Câu 7.** Điền **Đúng/Sai** trong các khẳng định sau?

- A. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.
 B. Trong hình thoi các góc đối không bằng nhau.
 C. Trong hình chữ nhật hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
 D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

Phần 3. (0,5 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:**Câu 8.** Tìm các chữ số x, y biết: số $\overline{x54y}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9.

Chỉ ghi lại kết quả của phép tính vào bài làm.

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Câu 9. (1,0 điểm)

- a. Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 6 và không lớn hơn 12 bằng hai cách
- b. Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần $-1; 6; 1; -10; 0; 15; -8; 20$

Câu 10. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

b) $5^{12}:5^{10} - 160:10 + 2024^0$

Câu 11. (1,0 điểm) Tìm $x \in \mathbb{C}$, biết

b) $218 - x = 425$

Câu 12. (1,0 điểm)

Câu lạc bộ thể thao ở một trường THCS có không quá 50 học sinh tham gia. Biết rằng khi chia số học sinh trong câu lạc bộ đó thành từng nhóm 5 học sinh hoặc 7 học sinh thì vừa đủ. Hỏi câu lạc bộ thể thao đó có bao nhiêu học sinh?

Câu 13. (2,0 điểm)

Sân nhà bạn An là hình chữ nhật có chu vi là 30m và chiều rộng 5m.

a. Tính diện tích sân nhà bạn An.

b. Bố An muốn dùng những viên gạch hình vuông cạnh là 50cm để lát sân. Hỏi số

tiền mà bố An phải trả để mua gạch lát sân là bao nhiêu, biết mỗi viên gạch có giá 18000 đồng?

Câu 14. (1,0 điểm)

Tìm các số nguyên x và y biết $(x-2)(xy-1)=5$

a,

b) Cho $A = 3^0 - 3^1 + 3^2 - 3^3 + 3^4 - \dots - 3^{2x-1} + 3^{2x}$. Tìm số tự nhiên x biết $4A - 1 = 27^{1349}$

----- **Hết** -----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Phần 1. (1,5 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	D	C	D	B

Phần 2. (1,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Câu 7. Mỗi ý của câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Ý	a	b	c	d
Đáp án	Đúng	Sai	Sai	Đúng

Phần 3.(0,5 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 8. HS chỉ cần ghi kết quả: 9540

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Câu	Ý	Đáp án	Biểu điểm
9 (1,0 điểm)	a	$C1: A = \{7; 8; 9; 10; 11; 12\}$ $C2: A = \{x \in N \mid 6 < x \leq 12\}$	0,25 0,25
	b	Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần là: - 10, - 8, - 1, 0, 1, 6, 15, 20	0,5
10 (2,0 điểm)	a	$22.69 - 41.22 + 22.72 = 22(69 - 41 + 72)$ $= 22.100 = 2200$	0,25 0,25
	b	$5^{12}:5^{10} - 160:10 + 2024^0 = 25 - 16 + 1$ $= 26 - 16 = 10$	0,25 0,25
11 (1,0 điểm)	a	$5x + 18 = 3$ $5x = 3 - 18$ $5x = -15$ $x = -3$ Vậy $x = -3$	0,25 0,25
	b	$218 - x = 425$ $x = 218 - 425$ $x = -207$ Vậy $x = -207$	0,25 0,25
12 (1 điểm)		Gọi số học sinh của câu lạc bộ thể thao của trường là x , $x \in \mathbb{N}^*$ và $x \leq 50$ Vì khi chia số học sinh trong câu lạc bộ thành từng nhóm 5 học sinh hoặc 7 học sinh thì vừa đủ nên: $x \in M; x \in N \Rightarrow x \in BC(5, 7)$ Ta có: $BCNN(5, 7) = 35$ Suy ra $BC(5, 7) = \{0; 35; 70; 105; \dots\}$ Vì $x \leq 50$ nên $x = 35$ Vậy câu lạc bộ thể thao có 35 học sinh	0,25 0,25 0,25 0,25
13 (1 điểm)	a	Chiều dài sân nhà An là: $30:2 - 5 = 10$ (m) Diện tích sân là: $5.10 = 50$ (m ²)	0,5 0,5
	b	Đổi $50 \text{ m}^2 = 500000 \text{ cm}^2$ Diện tích của một viên gạch là: $50.50 = 2500$ (cm ²) Số viên gạch cần để lát sân là: $500000 : 2500 = 200$ (viên) Số tiền mua gạch là: $200. 18000 = 3600000$ (đồng)	0,5 0,5
14 (1 điểm)	a	Vì $x, y \in \mathbb{Z}$ nên $x - 2; xy - 1 \in \mathbb{Z}$. Lại có $(x - 2)(xy - 1) = 5$ Mà $5 = 1.5 = 5.1 = (-1).(-5) = (-5).(-1)$ nên ta có các trường hợp sau:	0,25

		<p>+) TH1: $\begin{cases} x-2=1 \\ xy-1=5 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=3 \\ 3y-1=5 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=3 \\ y=2 \end{cases}$</p> <p>+) TH2: $\begin{cases} x-2=5 \\ xy-1=1 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=7 \\ 7y-1=1 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=3 \\ y=\frac{2}{7} \end{cases} \quad (\text{loại})$</p> <p>+) TH3: $\begin{cases} x-2=-1 \\ xy-1=-5 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=1 \\ y-1=-5 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=1 \\ y=-4 \end{cases}$</p> <p>+) TH4: $\begin{cases} x-2=-5 \\ xy-1=-1 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=-3 \\ -3y-1=-1 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=-3 \\ y=0 \end{cases}$</p> <p>Vậy các cặp số nguyên $(x; y)$ thỏa mãn đề bài là: $(3; 2); (1; -4); (-3; 0)$</p>	0,25
	b	<p>Tìm x biết $A = 1 - 3 + 3^2 - 3^3 + \dots + 3^{2x}$</p> <p>$3A = 3 - 3^2 + 3^3 - 3^4 + \dots - 3^{2x} + 3^{2x+1}$</p> <p>$1 - 3 + 3^2 - 3^3 + \dots + 3^{2x}$</p> <p>$A + 3A =$</p> <p>$+3 - 3^2 + 3^3 - 3^4 + \dots - 3^{2x} + 3^{2x+1}$</p> <p>$\Rightarrow 4A = 1 + 3^{2x+1}$</p> <p>$\Rightarrow 4A - 1 = 3^{2x+1}$</p> <p>Theo bài ra ta có: $3^{2x+1} = 27^{1349} \Rightarrow 3^{2x+1} = 3^{4047}$</p> <p>$\Rightarrow 2x+1 = 4047 \Rightarrow x = 2023$. Vậy $x = 2023$</p>	0,25 0,25

Lưu ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa

----- Hết -----

PHÒNG GD&ĐT TUẦN GIÁC
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS
TÊN PHÒNG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024 - 2025
MÔN: TOÁN
LỚP 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề gồm có: 02 trang

Họ và tên: SBD..... Lớp:

ĐIỂM	NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN

Mã đề 01

ĐỀ BÀI

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước kết quả mà em cho là đúng:

Câu 1: Số nào sau đây là số tự nhiên ?

- A. 0,5. B. 1. C. 1,5. D. $\frac{3}{2}$

Câu 2: Số phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} / 4 < x < 9\}$ là:

- A. 6 B. 4 C. 9 D. 5

Câu 3: Viết kết quả phép tính dưới dạng một lũy thừa $2^6 : 2^2$

- A. 2^8 B. 2^8 C. 2^4 D. 2^3

Câu 4: Kết quả của phép tính $346 + 457$ là

- A. 703 B. 803 C. 793 D. 903

Câu 5: Trong các số sau số nào là ước của 12 ?

- A. 5 B. 8 C. 12 D. 24

Câu 6: Số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b được kí hiệu là

- A. $a : b$ B. $a : b$ C. $a \setminus b$ D. $a \nmid b$

Câu 7: Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $-3; 1; 0; -5$.

- A. $-5; -3; 1; 0$ B. $-5; -3; 0; 1$ C. $0; 1; -3; -5$ D. $1; 0; -3; -5$

Câu 8: Kết quả của phép tính $(-24) + 24$ là:

- A. 0 B. -48 C. 48 D. 24

Câu 9: Tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 3cm là

- A. tam giác vuông cân. B. tam giác vuông.
C. tam giác đều. D. tam giác cân.

Câu 10: Hình vuông có bao nhiêu trục đối xứng:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 0

Câu 11: Hình nào dưới đây không có tâm đối xứng

- A. Hình bình hành B. Hình thoi C. 6 Hình chữ nhật D. Hình thang cân

Câu 12: Những hình ảnh nào dưới đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 2 và Hình 3. B. Hình 1 và Hình 2.
C. Hình 1, Hình 2 và Hình 3. D. Hình 1 và Hình 3.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)**Câu 1: (2,5 điểm)** Thực hiện phép tính sau:

- a) $13.25 + 13.75$
 b) $(-35) + (-15)$
 c) $23 \cdot (-75) + 23 \cdot (-25)$
 d) $31 + [26 - (53 + 26)]$

Câu 2: (1,5 điểm)

- a) Phân tích số 48 và 56 ra thừa số nguyên tố.
 b) Tìm ƯCLN(48, 56)
 c) Tìm BCNN(48, 56)

Câu 3. (1 điểm) Liệt kê rồi tính tổng các số nguyên x thỏa mãn $-9 \leq x \leq 7$.**Câu 4: (2 điểm)** Một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng 5 m, chiều dài 18 m.

- a) Tính diện tích nền nhà
 b) Nếu lát nền nhà bằng các viên gạch hình vuông có cạnh 50 cm thì cần bao nhiêu viên gạch (coi mạch vữa không đáng kể)?

PHÒNG GD&ĐT TUẦN GIÁC
 TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS
TÊN PHÒNG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024 - 2025
MÔN: TOÁN
LỚP 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề gồm có: 02 trang

Họ và tên: SBD..... Lớp:

ĐIỂM	NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN

Mã đề 02**ĐỀ BÀI****I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)****Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước kết quả mà em cho là đúng:****Câu 1:** Số nào sau đây là số tự nhiên ?

- A. 0,5. B. $\frac{3}{2}$ C. 1,5. D. 1.

Câu 2: Số phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} / 4 < x < 9\}$ là:

- A. 6 B. 9 C. 4 D. 5

Câu 3: Viết kết quả phép tính dưới dạng một lũy thừa $2^6 : 2^2$

- A. 2^4 B. 2^8 C. 2^8 D. 2^3

Câu 4: Kết quả của phép tính $346 + 457$ là

- A. 703 B. 903 C. 793 D. 803

Câu 5: Trong các số sau số nào là ước của 12 ?

- A. 5 B. 12 C. 8 D. 24

Câu 6: Số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b được kí hiệu là

- A. $a \setminus b$ B. $a : b$ C. $a \div b$ D. $a \nmid b$

Câu 7: Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $-3; 1; 0; -5$.

- A. $-5; -3; 0; 1$ B. $-5; -3; 1; 0$ C. $0; 1; -3; -5$ D. $1; 0; -3; -5$

Câu 8: Kết quả của phép tính $(-24) + 24$ là:

- A. -48 B. 0 C. 48 D. 24

Câu 9: Tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 3cm là

- A. tam giác đều. B. tam giác vuông.
C. tam giác vuông cân. D. tam giác cân.

Câu 10: Hình vuông có bao nhiêu trục đối xứng:

- A. 2 B. 4 C. 3 D. 0

Câu 11: Hình nào dưới đây không có tâm đối xứng

- A. Hình bình hành B. Hình thoi C. Hình thang cân D. 6 Hình chữ nhật

Câu 12: Những hình ảnh nào dưới đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Hình 2 và Hình 3.

B. Hình 1 và Hình 2.

C. Hình 1 và Hình 3.

D. Hình 1, Hình 2 và Hình 3.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1: (2,5 điểm) Thực hiện phép tính sau:

a) $13.25 + 13.75$

b) $(-35) + (-15)$

c) $23 \cdot (-75) + 23 \cdot (-25)$

d) $31 + [26 - (53 + 26)]$

Câu 2: (1,5 điểm)

a) Phân tích số 48 và 56 ra thừa số nguyên tố.

b) Tìm ƯCLN(48, 56)

c) Tìm BCNN(48, 56)

Câu 3. (1 điểm) Liệt kê rồi tính tổng các số nguyên x thoả mãn $-9 \leq x \leq 7$.

Câu 4: (2 điểm) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng 5 m, chiều dài 18 m.

a) Tính diện tích nền nhà

b) Nếu lát nền nhà bằng các viên gạch hình vuông có cạnh 50 cm thì cần bao nhiêu viên gạch (coi mạch vữa không đáng kể)?

PHÒNG GD&ĐT TUẦN GIÁC
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS
TÊN PHÔNG

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN

Hướng dẫn chấm Gồm có 01 trang

Phần I: Trắc nghiệm khách quan: (3 điểm) Mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Mã 1

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	C	B	C	A	B	A	C	C	D	C

Mã 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	A	D	B	C	A	B	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
1 (2,5đ)	a) $13 \cdot 25 + 13 \cdot 75 = 13 \cdot (25 + 75) = 13 \cdot 100 = 1300$	0,5
	b) $(-35) + (-15) = -50$	0,5
	c) $23 \cdot (-75) + 23 \cdot (-25) = 23 \cdot ((-75) + (-25)) = 23 \cdot (-100) = -2300$	0,5
	d) $31 + [26 - (53 + 26)] = 31 + (26 - 53 - 26)$ $= 31 - 53 = -22$	1
2 (1,5đ)	a) $48 = 2^4 \cdot 3$ $56 = 2^3 \cdot 7$	0,5 0,5
	b) $ƯCLN(48, 56) = 2^3 = 8$	0,5
	c) $BCNN(48, 56) = 2^4 \cdot 3 \cdot 7 = 336$	0,5
3 (1,0đ)	số nguyên x thỏa mãn $-9 \leq x \leq 7$ gồm $-9, -8, -7, -6, -5, -4, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7$ Ta có: $(-9) + (-8) + (-7) + (-6) + (-5) + (-4) + (-3) + (-2) + (-1) + 0 + 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 = (-9) + (-8) = -17$	
4 (2,0đ)	Diện tích nền nhà hình chữ nhật là: $5 \cdot 18 = 90 (cm^2)$	1,0
	Diện tích 1 viên gạch hình vuông cạnh 50 cm là: $50 \cdot 50 = 2500 (cm^2) = 0,25 (m^2)$	0,5
	Số viên gạch cần dùng để lát nền nhà là:	0,5

	$90 : 0,25 = 360$ (viên)	
--	--------------------------	--

Lưu ý: - Bài làm đúng theo cách khác vẫn cho điểm tối đa.

- Điểm toàn bài được làm tròn theo quy chế.

Đề 1

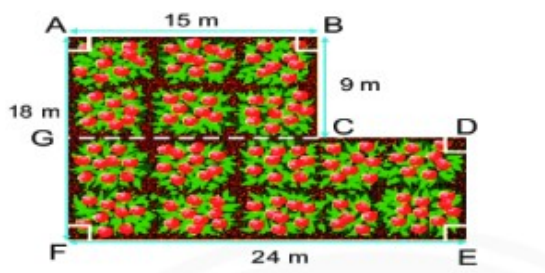
Phần 1: Trắc nghiệm khách quan (3đ).

Chọn chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng trong các câu sau:

Cho hình vẽ bên, trả lời 2 câu hỏi sau:

Câu 1. Chu vi mảnh đất hình chữ nhật ABCG là:

- A. 24m B. 48m
C. 39m D. 27m



Câu 2. Diện tích mảnh đất hình chữ nhật GDFF là:

- A. 216m^2 B. 33m^2
C. 360m^2 D. 42m^2

Câu 3. Tập hợp các số nguyên kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{N}^*$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{Z}^*$

Câu 4. Số đối của số -5 là:

- A. 5 B. -5 C. $\frac{1}{5}$ D. $-\frac{1}{5}$

Câu 5. Sắp xếp các số nguyên: $-2; 17; -5; 1; 6; 0$ theo thứ tự tăng dần là:

- A. $-5; -2; 0; 1; 6; 17$; B. $0; 1; 6; 17; -5; -2$;
C. $17; 6; -5; -2; 1; 0$; D. $17; 6; 1; 0; -2; 5$.

Câu 6. Một tàu ngầm đang ở vị trí dưới mực nước biển 120 m. Số nguyên âm biểu thị độ cao của tàu so với mực nước biển là:

- A. 120m B. -120m C. 20m D. -20m

Câu 7. Tập hợp các bội của 6 là:

- A. $A = \{-6; 6; 0; 23; -23\}$ B. $A = \{132; -132; 16\}$
C. $A = \{-1; 1; 6; -6\}$ D. $A = \{0; 6; -6; 12; -12; \dots\}$

Câu 8. Tập hợp các ước của -8 là:

- A. $A = \{1; -1; 2; -2; 4; -4; 8; -8\}$ B. $A = \{0; \pm 1; \pm 2; \pm 4; \pm 8\}$
C. $A = \{1; 2; 4; 8\}$ D. $A = \{0; 1; 2; 4; 8\}$

Câu 9. Hãy chọn câu đúng. Trục đối xứng của hình thang cân là:

- A. Đường thẳng đi qua trung điểm hai cạnh bên của hình thang cân.
B. Đường chéo của hình thang cân
C. Đường thẳng đi qua trung điểm hai đáy của hình thang cân.
D. Đường thẳng vuông góc với hai đáy của hình thang cân.

Câu 10. Trong các biển báo giao thông sau đây, biển nào có không có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

A. Hình a

B. Hình c

C. Hình b

D. Hình d

Câu 11. Tâm đối xứng của hình tròn là:

A. Tâm của đường tròn

B. Một điểm bất kì nằm bên trong đường tròn

C. Một điểm bất kì nằm trên đường tròn.

D. Một điểm bất kì nằm bên ngoài đường tròn.

Câu 12. Hình nào sau đây có trục đối xứng?



II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 13 (2đ). Thực hiện phép tính

a) $-45 + 25$

b) $(-10) \cdot (-8) : 4$

c) $(123 - 27) + (27 + 13 - 123)$

d) $2022.65 - 75.2022$

Câu 14(1,5đ). Cho số 123814:

a) Viết số trên thành tổng giá trị các chữ số của nó?

b) Chữ số 3 đứng ở hàng nào? Và có giá trị bằng bao nhiêu?

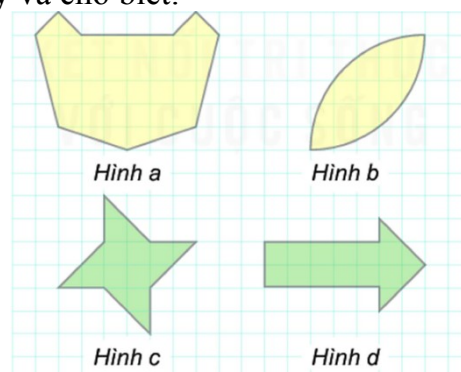
c) Viết các số sau bằng số La Mã: 13; 25?

Câu 15 (1,5đ). Quan sát những hình dưới đây và cho biết:

a) Hình nào không có trục đối xứng?

b) Hình nào có một trục đối xứng?

c) Hình nào có ít nhất hai trục đối xứng?



Câu 16(1đ). Quan sát trục số sau đây và trả lời các câu hỏi:



a) Các điểm B, C lần lượt biểu diễn số nào?

b) Điểm nào biểu diễn số -5?

c) So sánh hai số -4 và -1?

Câu 17(1đ). Tính điểm

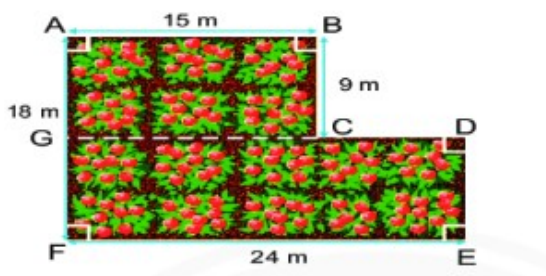
Một bài kiểm tra có 50 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được +5 điểm, mỗi câu trả lời sai được -3 điểm và 0 điểm cho mỗi câu chưa trả lời. Tính số điểm của một học sinh đạt được khi đã trả lời được 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được.

Đề 2

Phần 1: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3đ).

Chọn chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng trong các câu sau

Cho hình vẽ bên, trả lời 2 câu hỏi sau:



Câu 1. Chu vi mảnh đất GDEF là:

- A. 24m B. 66m
C. 39m D. 27m

Câu 2. Diện tích mảnh đất ABCG là:

- A. 135m^2 B. 33 m^2
C. 360 m^2 D. 42 m^2

Câu 3. Chọn câu đúng khi viết tập hợp số nguyên?

- A. $Z = \{0; 1; 2; 3; \dots\}$ B. $Z = \{\dots; -3; -2; -1; 0\}$
C. $Z = \{\dots; -2; -1; 0; 1; 2; \dots\}$ D. $Z = \{\dots; -2; -1; 1; 2; \dots\}$

Câu 4. Số đối của số 5 là:

- A. 5 B. -5 C. $\frac{1}{5}$ D. $-\frac{1}{5}$

Câu 5. Sắp xếp các số nguyên: 2; -17; 5; 1; -2; 0 theo thứ tự giảm dần là:

- A. 5; 2; 1; 0; -2; -17; B. -17; -2; 0; 1; 2; 5;
C. -17; 5; 2; -2; 1; 0; D. 0; 1; -2; 2; 5; -17;

Câu 6. Nếu -30m biểu diễn độ sâu là 30mdưới mực nước biển thì +20m biểu diễn độ cao là:

- A. -20m dưới mực nước biển B. 20m dưới mực nước biển
C. -20m trên mực nước biển D. 20m trên mực nước biển

Câu 7. Các bội của 4 là:

- A. $A = \{-4; 4; 0; 24; -24\}$ B. $A = \{132; -132; 16\}$
C. $A = \{-1; 1; 6; -6\}$ D. $A = \{0; 4; -4; 8; -8; 12; -12; \dots\}$

Câu 8. Tập hợp các ước của -6 là:

- A. $A = \{1; -1; 2; -2; 3; -3; 6; -6\}$ B. $A = \{0; \pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$
C. $A = \{1; 2; 4; 8\}$ D. $A = \{0; 1; 2; 4; 8\}$

Câu 9. Hình nào dưới đây có vô số trục đối xứng:

- A. Hình lục giác đều B. Hình tròn
C. Hình chữ nhật D. Hình vuông

Câu 10. Trong các loại biển báo sau, biển báo nào có trục đối xứng?



- A. Hình c) và Hình d) B. Hình a) và Hình d)
C. Hình c) và Hình b) D. Hình a) và Hình c)

Câu 11. Tâm đối xứng của hình chữ nhật là

- A. Giao điểm của hai đường chéo B. Giao điểm của hai cạnh vuông góc nhau
C. Hình chữ nhật không có tâm đối xứng D. Tất cả các phương án trên đều sai

Câu 12. Trong các chữ cái sau, những chữ cái nào có tâm đối xứng?

T E C H I N

- A. Chữ H, I, N B. Chữ T, E, C C. Chữ E, H, I D. Tất cả các chữ cái

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 13(2đ). Thực hiện phép tính

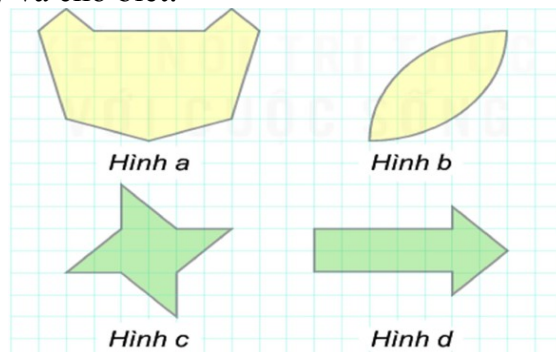
- a) $-15 + 30$
b) $(-20) : (-4) \cdot 7$
c) $(175 + 25 + 13) - (-15 + 175 + 25)$
d) $2023.15 - 25.2023$

Câu 14(1,5đ). Cho số 275623:

- a) Viết số trên thành tổng giá trị các chữ số của nó?
b) Chữ số 7 đứng ở hàng nào? Và có giá trị bằng bao nhiêu?
c) Viết các số sau bằng số La Mã: 15; 23?

Câu 15 (1,5đ). Quan sát những hình dưới đây và cho biết:

- a) Hình nào không có tâm đối xứng?
b) Hình nào có tâm đối xứng?
c) Hình nào có cả trục đối xứng và tâm đối xứng?



Câu 16(1đ). Quan sát trục số sau đây và trả lời các câu hỏi:



- a) Các điểm A, D lần lượt biểu diễn số nào?
b) Điểm nào biểu diễn số 3?
c) So sánh hai số -3 và -2?

Câu 17(1đ). Tính điểm

Một bài kiểm tra có 30 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được + 10 điểm, mỗi câu trả lời sai được - 5 điểm và 0 điểm cho mỗi câu chưa trả lời. Tính số điểm của một học sinh đạt được khi đã trả lời được 20 câu đúng, 5 câu sai và 5 câu chưa trả lời được.

4. Hướng dẫn chấm

Bài kiểm tra được tính theo thang điểm 10. Học sinh làm đúng đến đâu chấm điểm đến đó, học sinh làm theo cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa. Thang điểm nhỏ nhất là 0,25 điểm.

Đề 1

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	C	A	A	B	D	A	C	B	A	C

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
13 (2đ)	a) $-45 + 25$ $= -(45-25)$ $= -20$ b) $(-10) \cdot (-8) : 4$ $= 80 : 4$ $= 20$ c) $(123 - 27) + (27 + 13 - 123)$ $= 123 - 27 + 27 + 13 - 123$ $= (123 - 123) + (-27 + 27) + 13 = 13$ d) $2022.65 - 75.2022$ $= 2022(65 - 75)$ $= 2022 \cdot (-10) = -20220$	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
14 (1,5đ)	a) $123814 = 1.100\,000 + 2.10\,000 + 3.1000 + 8.100 + 1.10 + 4$ b) Chữ số 3 đứng ở hàng nghìn và có giá trị bằng 3000. c) Viết các số 13; 25 bằng số La Mã lần lượt là: XIII; XXV	0,5 0,5 0,5
15 (1,5đ)	a) Hình c không có trục đối xứng. b) Hình a, d có một trục đối xứng. c) Hình b có ít nhất 2 trục đối xứng	0,5 0,5 0,5
16 (1đ)	a) Điểm B biểu diễn số 3; Điểm C biểu diễn số -4. b) Điểm D biểu diễn số -5 c) $-4 < -1$	0,25 0,25 0,25 0,25
17 (1đ)	Khi trả lời được 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được thì số điểm của học sinh đó là: $35 \cdot (+5) + 10 \cdot (-3) + 5 \cdot 0$ $= 175 + (-30) + 0$ $= 175 - 30 = 145$ Vậy học sinh đó được 145 điểm.	0,25 0,25 0,25 0,25

Đề 2

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	C	B	A	D	D	A	B	D	A	A

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
13 (2đ)	a) $-15 + 30$ $= 30 - 15$ $= 15$ b) $(-20) : (-4) \cdot 7$ $= 5 \cdot 7$ $= 35$	0,25 0,25 0,25 0,25

	c) $(175 + 25 + 13) - (-15 + 175 + 25)$ $= 175 + 25 + 13 + 15 - 175 - 25$ $= (175 - 175) + (25 - 25) + (13 + 15) = 28$ d) $2023.15 - 25.2023$ $= 2023.(15 - 25)$ $= 2023.(-10) = -20230$	0,25 0,25 0,25 0,25
14 (1,5đ)	a) $275623 = 2.100\ 000 + 7.10\ 000 + 5.1000 + 6.100 + 2.10 + 3$ b) Chữ số 7 đứng ở hàng chục nghìn và có giá trị bằng 70000. c) Viết các số 15; 23 bằng số La Mã lần lượt là: XV; XXIII	0,5 0,5 0,5
15 (1,5đ)	a) Hình a, d không có tâm đối xứng. b) Hình b, c là hình có tâm đối xứng c) Hình b vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng	0,5 0,5
16 (1đ)	a) Điểm A biểu diễn số -2; Điểm D biểu diễn số -5. b) Điểm B biểu diễn số 3 c) $-3 < -2$	0,25 0,25 0,25 0,25
17 (1đ)	Khi trả lời được 20 câu đúng, 5 câu sai và 5 câu chưa trả lời được thì số điểm của học sinh đó là: $20 \cdot (+10) + 5 \cdot (-5) + 5 \cdot 0$ $= 200 + (-25) + 0$ $= 200 - 25 = 175$ Vậy học sinh đó được 175 điểm.	0,25 0,25 0,25 0,25

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ I

Năm học 2024 – 2025

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút

I. Trắc nghiệm (2 điểm) Chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng.

Câu 1. Kết quả của phép tính $2023^{2023} : 2023^{2022}$ là:

- A. 1 B. 2022 C. 2023 D. 2023^2

Câu 2. Tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 8 được viết là:

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 8\}$. B. $A = \{x \in \mathbb{N} | x < 8\}$.
 C. $A = \{x \in \mathbb{N} | x \leq 8\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x \geq 8\}$.

Câu 3. ƯCLN (24, 18) là:

- A. 8. B. 3. C. 6. D. 72.

Câu 4: BCNN (15, 30, 60) là :

- A. $2^4 \cdot 5 \cdot 7$. B. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$. C. 2^4 . D. $5 \cdot 7$.

Câu 5. Điền số thích hợp vào dấu * để số $\overline{711}^*$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- A. 5. B. 9. C. 3. D. 0.

Câu 6. Số đối của 5 là :

A. 5

B. -5

C. $-(-5)$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 7. Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 2dm và 40 cm. Diện tích hình thoi đó là:

A. 400 cm^2 .B. 600 cm^2 .C. 800 cm^2 .D. 200 cm^2 .

Câu 8. Trong các chữ cái sau: M, E, F, H chữ nào có tâm đối xứng?

A. H.

B. E.

C. F.

D. M.

II. Tự luận (8 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể)

a) $(-26) + 16 + (-34) + 84$

b) $95.56 + 95.44$

c) $(231+267) - (231 - 333)$

d) $80 - (4.5^2 + 2^3)$

Bài 2. (2 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

a) $x + 13 = 9$

b) $21.(x + 5) = 63$

c) $5^{x+1} - 2023^0 = 2^3.3$

d) $x^2 + 2.x$

$= 0$

Bài 3. (1,5 điểm) Thư viện của một trường có khoảng từ 400 đến 600 quyển sách. Nếu xếp vào giá sách mỗi ngăn 12 quyển, 15 quyển hoặc 18 quyển đều vừa đủ ngăn. Tính số sách của thư viện?

Bài 4. (2 điểm) Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài 12m và chiều rộng 2m.

a) Tính chu vi và diện tích lối đi đó.

b) Người ta lát gạch kín lối đi đó mỗi viên gạch hình vuông có độ dài cạnh là 40cm. Hỏi người ta phải lát bao nhiêu viên gạch (bỏ qua các mép vữa không đáng kể).

Bài 5. (0,5 điểm) Chứng minh rằng $3n + 2$ và $2n + 1$ các số nguyên tố cùng nhau.

Chúc các em làm bài tốt!

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút

I. THANG ĐIỂM - ĐÁP ÁN

Phần I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) : Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	B	D	B	A	A

PHẦN 2: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1 (2 điểm)	a) $(-26) + 16 + (-34) + 84$	
	$= [(-26) + (-34)] + (16 + 84)$	0,25
	$= -60 + 100 = 40$	0,25
	b) $95.56 + 95.44$	0,25

	$= 95. (56 + 44)$ $= 95. 100$ $= 9500$	0,25
	c) $(231+267) - (231 - 333)$ $= 231 + 267 - 231 + 333$ $= (231 - 231) + (267 + 333)$ $= 0 + 600$ $= 600$	0,25 0,25
	d) $80 - (4.5^2 + 2^3)$ $= 80 - (4.25 + 8)$ $= 80 - 108$ $= -28$	0,25 0,25
2 (2 điểm)	a) $x + 13 = 9$ $x = 9 - 13$ $x = -4$	0,25 0,25
	b) $21.(x + 5) = 63$ $x + 5 = 63 : 21$ $x + 5 = 3$ $x = -2$	0,25 0,25
	c) $5^{x+1} - 2023^0 = 2^3.3$ $5^{x+1} - 1 = 24$ $5^{x+1} = 25$ $5^{x+1} = 5^2$ $\Rightarrow x + 1 = 2$ $x = 1$	0,25 0,25
	d) $x^2 + 2.x = 0$ $x. (x + 2) = 0$ TH1: $x = 0$ TH2: $x + 2 = 0 \Rightarrow x = -2$	0,25 0,25
3 (1,5 điểm)	Gọi số sách cần tìm là a ($a \in \mathbb{N}^*$; $400 \leq a \leq 600$, quyển) Vì số sách xếp vào giá mỗi ngăn 12 quyển, 15 quyển hoặc 18 quyển đều vừa đủ ngăn nên ta có: $a : 12$; $a : 15$; $a : 18$ Suy ra: $a \in BC(12, 15, 18)$ Ta có: $BCNN(12, 15, 18) = 180$ $BC(12, 15, 18) = B(180) = \{0; 180; 360; 540; 720; \dots\}$	0,25 0,25 0,5

	$\Rightarrow a \in \{0; 180; 360; 540; 720; \dots\}$ Mà $400 \leq a \leq 600$, $a \in \mathbb{N}^*$ nên $a = 540$ Vậy số sách cần tìm là: 540 quyển	0,25 0,25
4 (2 điểm)	Chu vi của lối đi là: $(12 + 2).2 = 28\text{m}$	0,5đ
	Diện tích của lối đi là: $12.2 = 24\text{m}^2$	0,5đ
	Diện tích của mỗi viên gạch là: $40.40 = 1600\text{cm}^2$ Số viên gạch cần dùng là: $240000 : 1600 = 150$ viên	0,5đ 0,5đ
5 (0,5 điểm)	Gọi $d = \text{ƯCLN}(3n+2, 2n+1)$ với $d \in \mathbb{N}^*$ $\Rightarrow 3n+2 : d$ và $2n+1 : d$ $\Rightarrow 2.(3n+2) : d$ và $3.(2n+1) : d \Rightarrow 6n+4 : d$ và $6n+3 : d$ $\Rightarrow (6n+4) - (6n+3) : d \Rightarrow 6n+4 - 6n-3 : d \Rightarrow 1 : d$ Mà $d \in \mathbb{N}^* \Rightarrow d = 1$ nên $\text{ƯCLN}(3n+2, 2n+1) = 1$ $\Rightarrow 3n+2$ và $2n+1$ là hai số nguyên tố cùng nhau	0,25 0,25

***Chú ý:**

Nếu học sinh làm cách khác đúng thì thống nhất cho điểm tối đa theo thang điểm trên.

(Đề số 1)

Bài 1 (2 điểm): Thực hiện phép tính (Hợp lí nếu có thể):

- a) $45.37 + 45.63 - 100$
- b) $148.9 - 3^2.48$
- c) $307 - [(180.4^0 - 160) : 2^2 + 9] : 2$
- d) $12 + 3.\{90 : [39 - (2^3 - 5)^2]\}$

Bài 2 (3 điểm):

1. Tìm số nguyên x , biết:

- a) $x - 17 = 23$
- b) $2(x - 1) = 7 + (-3)$

c) $4.(x + 5)^3 - 7 = 101$

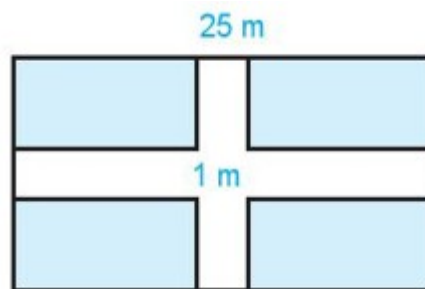
d) $2^{x+1}.3 + 15 = 39$

2. Tìm x biết:

$56 : x; 70 : x \text{ và } 10 < x < 20; x \in \mathbb{N}$

Bài 3 (2,5 điểm) Một trường THCS tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm thực tế ở nhà máy thủy điện Hoà Bình. Sau khi học sinh đăng kí, ban tổ chức tính toán và thấy rằng nếu xếp mỗi xe 36 học sinh, 40 học sinh hay 45 học sinh đều vừa đủ. Tính số học sinh đi trải nghiệm biết rằng số học sinh tham gia trong khoảng 1000 đến 1100 học sinh.

Bài 4 (2 điểm): Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 15m. Người ta làm hai lối đi rộng 1 m như hình vẽ. Phần đất còn lại dùng để trồng cây. Tính diện tích đất dùng để trồng cây.



Bài 5 (0,5 điểm): Cho $A = 2^0 + 2^1 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{19}$. Và $B = 2^{20}$. Chứng minh rằng A và B là hai số tự nhiên liên tiếp.

(Đề số 2)

I. Trắc nghiệm (2 điểm)

Câu 1: Biết $143 - x = 57$, giá trị của x là

- A) 86 B) 200 C) 144 D) 100

Câu 2: Chiếc đồng hồ gỗ dưới đây có dạng hình gì:



- A) Tam giác B) Hình vuông C) Hình chữ nhật D) Hình lục giác đều

Câu 3: Cho hình vuông ABCD. Khẳng định sai là:

- A) Hình vuông ABCD có bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = AD$.
 B) Hình vuông ABCD có bốn góc ở đỉnh A; B; C; D bằng nhau.
 C) Hình vuông ABCD có hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.

D) Hình vuông ABCD có hai cặp cạnh đối song song AB và BC; CD và AD.

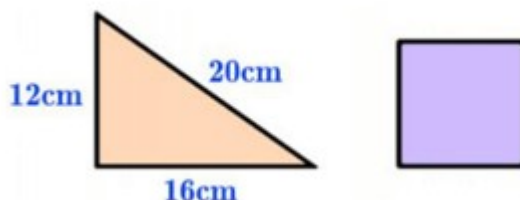
Câu 4: Tập hợp các ước chung của 12 và 20 là:

- A) {1; 2; 4; 5} B) {2; 4; 5} C) {1; 2; 4} D) {1; 4; 5; 15}

Câu 5: Số đối của số 20 là:

- A) 1 B) 0 C) -1 D) -20

Câu 6: Tam giác và hình vuông bên dưới có chu vi bằng nhau. Độ dài cạnh của hình vuông bên dưới là:



- A) 8cm B) 12cm C) 16cm D) 24cm

Câu 7: Có bao nhiêu số nguyên x thoả mãn $-4 < x < 3$.

- A) 7 B) 6 C) 5 D) 8

Câu 8: Thay x, y bằng những số nào để số $\overline{23xy}$ chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9?

- A) $x = 3; y = 0$ B) $x = 4; y = 0$
C) $x = 0; y = 4$ D) $x = 8; y = 5$.

II. Tự luận

Bài 1 (2 điểm): Thực hiện phép tính

- a) $2^2 \cdot 85 + 15 \cdot 2^2 - 2020^0$
b) $50 + [65 - (9 - 4)^2]$
c) $(39 - 19) : (-2) + (34 - 22) \cdot 5$
d) $123.456 + 456.321 - 256.444$

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm x

- a) $3x - 2 = 19$
b) $[43 - (56 - x)] \cdot 12 = 384$
c) $3^x \cdot 2 + 15 = 33$

Bài 3 (2 điểm): Cô Hoa muốn lát nền cho một căn phòng của nhà mình có hình chữ nhật với chiều dài là 8m và chiều rộng là 5m. Loại gạch lát nền được sử dụng là gạch vuông có cạnh 40cm. Hỏi cô Hoa phải sử dụng bao nhiêu viên gạch (coi mạch vữa không đáng kể).

Bài 4 (2 điểm): Bạn Hà có 42 viên bi màu đỏ và 30 viên bi màu vàng. Hà có thể chia nhiều nhất vào bao nhiêu túi sao cho số bi đỏ và bi vàng được chia đều vào các túi? Khi đó mỗi túi có bao nhiêu viên bi đỏ và vàng.

Bài 5 (0,5 điểm): Tìm cặp số tự nhiên x, y biết: $(x + 5)(y - 3) = 15$.

(Đề số 3)

I. Phần trắc nghiệm (2 điểm)

Câu 1: Số phần tử của tập hợp $A = \{1; 5; 6; 8; 10\}$ là:

- A) 10 B) 4 C) 5 D) 2

Câu 2: Số nào trong các số sau đây chia hết cho 3?

- A) 26 B) 223 C) 109 D) 2019

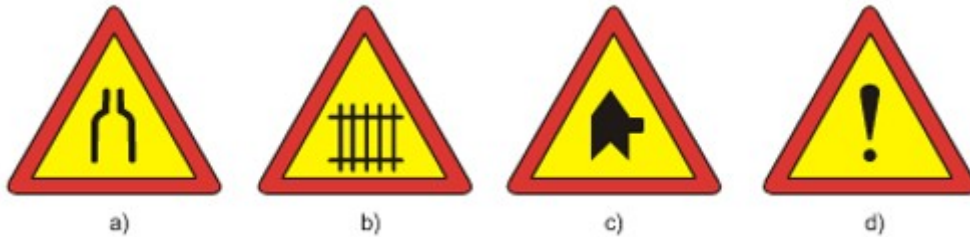
Câu 3: Kết quả của phép tính $3^4 \cdot 3^2 = ?$

- A) 3^6 B) 3^2 C) 3^8 D) 3^3

Câu 4: Số đối của số 3 là:

- A. 3 B. -3 C. 1 D. -1

Câu 5: Trong các biển báo dưới đây, biển báo nào có đối xứng trục:

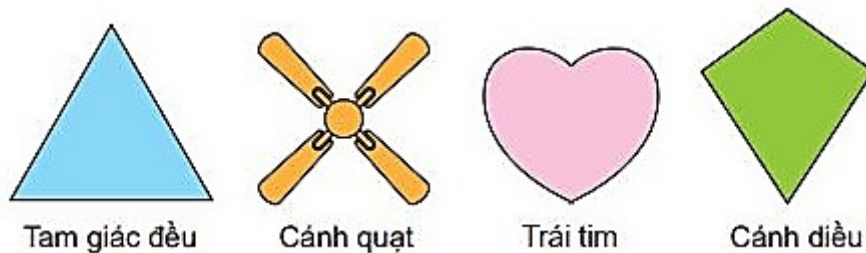


- A) a, b, c. B) b, c, d. C) a, c, d. D) a, b, d.

Câu 6: Trong các số: 2; 3; 6; 8 số nào là ước chung của 6 và 16 ?

- A) 3 B) 2 C. 6 D. 8

Câu 7: Những hình dưới đây, hình nào có đối tâm đối xứng.



- a) Tam giác đều b) Cánh quạt c) Cánh điều d) Trái tim.

Câu 8: Khẳng định nào sau đây là sai:

- a) Trong tam giác đều ba góc bằng nhau.
b) Hình lục giác đều có ba đường chéo chính bằng nhau.
c) Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau.
d) Hình thang cân có hai góc kề cạnh bên bằng nhau.

II. Tự luận

Bài 1 (2 điểm): Thực hiện phép tính:

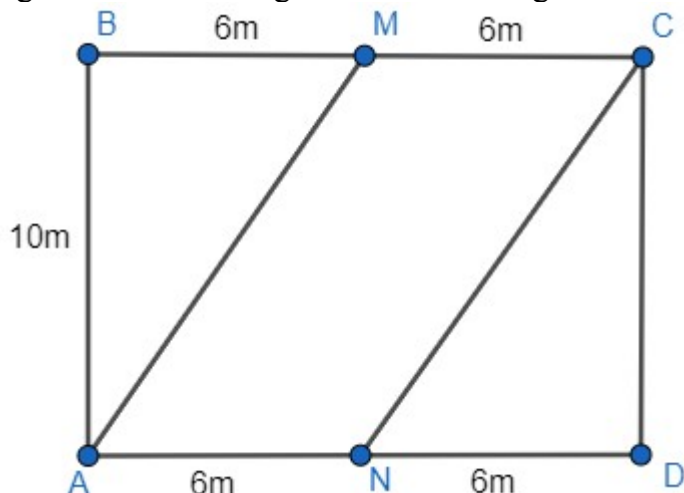
- a) $(4 + 32 + 6) + (10 - 32 - 2)$
b) $300:4 + 300:6 - 25$
c) $17.[29 - (-111)] + 29.(-17)$
d) $19.43 + (-20).43 - (-40)$

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm x:

- a) $200 - 8.(2x + 7) = 112$
b) $(2x - 123):3 = 33$

c) $H = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 < x \leq 3\}$

Bài 3 (2 điểm): Trên một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 10m, người ta chia khu để trồng hoa, trồng cỏ như hình bên. Hoa sẽ được trồng ở khu vực hình bình hành AMCN, cỏ sẽ được trồng ở phần đất còn lại. Tiền công để trả cho mỗi mét vuông trồng hoa là 50 000 nghìn đồng, trồng cỏ là 40 000 đồng. Tính số tiền công cần chi trả để trồng hoa và cỏ.



Bài 4 (2 điểm): Ba nhóm học sinh lớp 6 tham gia trồng cây trong dịp tết trồng cây. Mỗi học sinh nhóm thứ nhất trồng được 8 cây, mỗi học sinh nhóm thứ hai trồng được 9 cây, mỗi học sinh nhóm thứ ba trồng được 12 cây. Tính số cây mỗi nhóm trồng được biết rằng số cây mỗi nhóm trồng được ở trong khoảng từ 200 đến 250 cây.

Bài 5 (0,5 điểm): Cho $A = 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{119} + 7^{120}$. Chứng minh rằng A chia hết cho 57.

(Đề số 4)

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Cho tập $A = \{a; b; c; d; e; 5\}$. Số phần tử của tập A là

- A) 4 B) 5 C) 6 D) 7

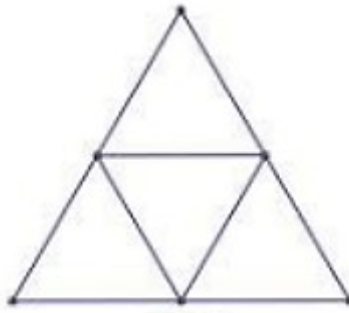
Câu 2: Khẳng định nào sau đây sai:

- A) Trên trục số, số -3 nằm bên trái số -4.
 B) Số 0 không là số nguyên âm cũng không là số nguyên dương.
 C) Số nguyên liền sau số 4 là số 5.
 D) Số đối của 5 là -5.

Câu 3: Kết quả của phép tính $A = 1 + 2 + \dots + 9$ là

- A) 50 B) 40 C) 55 D) 45

Câu 4: Số hình thoi trong hình vẽ là:



- A) 0 B) 1 C) 2 D) 3

Câu 5: Số tự nhiên x bất kỳ thỏa mãn điều kiện $0.(x - 3) = 0$. Số x bằng

- A) 0 B) 3
C) Số tự nhiên bất kỳ. D) Số tự nhiên bất kỳ lớn hơn 3

Câu 6: ƯCLN (60; 80) là

- A) 10 B) 20 C) 15 D) 25

Câu 7: Trong các biển báo dưới đây, biển báo nào có đối xứng trục:



a)



b)



c)



d)

- A) a, b, c. B) b, c, d. C) a, c, d. D) a, b, d.

Câu 8: Có bao nhiêu số nguyên tố có hai chữ số mà hàng đơn vị của nó là 1:

- A) 3 số B) 4 số C) 5 số D) 6 số

II. Tự luận

Bài 1: Thực hiện phép tính (Hợp lí nếu có thể)

- a) $18.17 - 3.6.7$
b) $33.(17 - 5) - 17.(33 - 5)$
c) $40 + (139 - 172 + 99) - (139 + 199 - 127)$

Bài 2: Tìm x

- a) $2x - 6 = 12$
b) $[(2x - 11):3 + 1].5 = 20$
c) $2.3^x = 10.3^{12} + 8.27^4$

Bài 3: Học sinh của lớp 6A khi xếp thành hàng 2, hàng 3, hàng 4 hoặc hàng 8 đều vừa đủ. Biết số học sinh của lớp 6A từ 38 đến 60 em. Tính số học sinh lớp 6A.

Bài 4: Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài 12m và chiều rộng 2m.

a) Tính chu vi và diện tích lối đi đó.

b) Người ta lát gạch kín lối đi đó mỗi viên gạch hình vuông có độ dài cạnh là 40cm. Hỏi người ta phải lát bao nhiêu viên gạch (bỏ qua các mép vữa không đáng kể).

Bài 5: Tính $A = 1 - 3 + 3^2 - 3^3 + 3^4 - \dots + 3^{98} - 3^{99} + 3^{100}$

(Đề số 5)

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Khẳng định nào sau đây sai:

- A) Tập số nguyên âm được kí hiệu là N.
- B) Số 0 không là số nguyên dương cũng không là số nguyên âm.
- C) 6 là số nguyên dương.
- D) -8 là số nguyên âm.

Câu 2: Trong biểu thức gồm có các dấu ngoặc $\{ \}$; $[]$; $()$ thì thứ tự thực hiện các phép tính đúng là:

- A) $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$
- B) $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$
- C) $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$
- D) $[] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$

Câu 3: Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A) Những số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9.
- B) Những số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3.
- C) Những số chia hết cho 5 và 2 có tận cùng là 5.
- D) Những số chia hết cho 5 thì chia hết cho 3.

Câu 4: Hình nào không có tâm đối xứng

- A) Hình tròn
- B) Tam giác đều
- C) Lục giác đều
- D) Hình vuông

Câu 5: Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các số nguyên tố

- A) $M = \{1; 2; 3; 5; 7\}$
- B) $N = \{0; 2; 3; 5; 7\}$
- C) $P = \{2; 3; 5; 7\}$
- D) $\{3; 5; 7; 9\}$

Câu 6: Tập hợp sau gồm bao nhiêu phần tử: $A =$

- A) 18
- B) 21
- C) 19
- D) 20

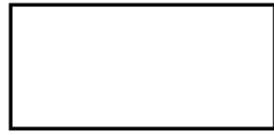
Câu 7: Tập hợp các ước của 6 là:

- A) $\{1; 2; 3; 6\}$
- B) $\{\pm 0; \pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$
- C) $\{0; 1; 2; 3; 6\}$
- D) $\{\pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$

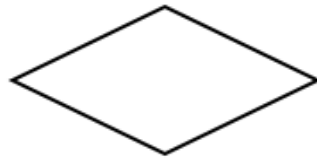
Câu 8: Hình nào trong các hình sau đây là hình thoi



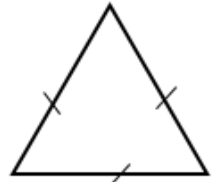
A.



B.



C.



D.

II. Tự luận

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $(39 - 19) : (-2) + (34 - 22) \cdot 5$

b) $25 \cdot (-2)^2 + 5 \cdot (2 + 3)$

c) $\{2^3 + [1 + (3 - 1)^2]\} : 13$

Bài 2: Tìm x nguyên

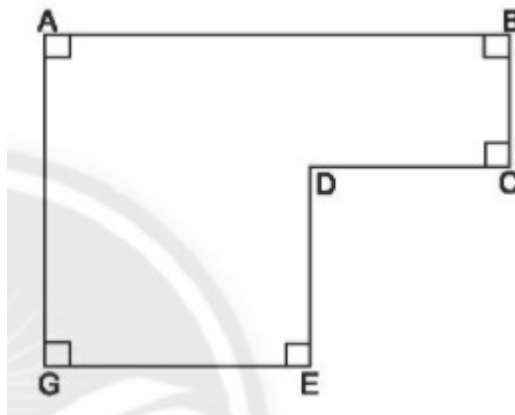
a) $20 - [4^2 + (x - 6)] = 90$

b) $(x + 3) \cdot (2x - 4) = 0$

c) $1000 : [30 + (2^x - 6)] = 3^2 + 4^2$ và $x \in \mathbb{N}$

Bài 3: Một số sách khi xếp thành từng bó 10 cuốn, 12 cuốn, 15 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng từ 200 đến 500. Tính số sách đó.

Bài 4: Cho hình bên:



Biết $AB = 7 \text{ cm}$, $BC = 2 \text{ cm}$, $CD = 3 \text{ cm}$ và $DE = 3 \text{ cm}$

a) Tính chu vi hình bên.

b) Tính diện tích hình bên.

Bài 5: Tìm số tự nhiên n để $(3n + 2)$ chia hết cho $(2n - 1)$.

(Đề số 6)

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{2; 0; 1; 6\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A) $\{2\} \in A$ B) $\{0; 1; 2\} \in A$ C) $A \subset \{1; 3; 5\}$ D) $3 \in A$

Câu 2: Nếu $x - 3$ là số nguyên âm lớn nhất, $y + 9$ là số nguyên dương nhỏ nhất thì $x + y$ bằng:

- A) 12 B) 6 C) 0 D) -6

Câu 3: Hình nào dưới đây có trục đối xứng.



A.



B.



C.



D.

Câu 4: Đối với biểu thức không có dấu ngoặc và chỉ có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì thứ tự thực hiện phép tính đúng là:

- A) Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ. B) Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ.
 C) Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa. D) Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia.

Câu 5: Tìm khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A) Một số chia hết cho 9 thì luôn chia hết cho 3.
 B) Nếu hai số chia hết cho 3 thì tổng của hai số đó chia hết cho 9.
 C) Mọi số chẵn thì luôn chia hết cho 5.
 D) Số chia hết cho 2 là số có chữ số tận cùng bằng 0; 2; 3; 4; 6; 8.

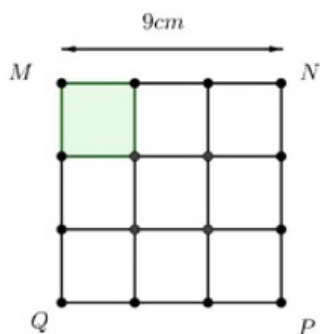
Câu 6: Phân tích 250 ra thừa số nguyên tố ta được:

- A) $2^2 \cdot 5^5$ B) $2 \cdot 125$ C) $2 \cdot 5^3$ D) $2^3 \cdot 5$

Câu 7: Trên tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, các ước của 7 là:

- A) $\{1; -1\}$ B) $\{7; -7\}$ C) $\{1; -1; 7; -7\}$ D) $\{1; 7\}$

Câu 8: Xếp 9 mảnh hình vuông nhỏ bằng nhau tạo thành hình vuông lớn MNPQ. Biết $MN = 9\text{cm}$. Diện tích một hình vuông nhỏ là:



- A) 9cm^2 B) 1cm^2 C) 3cm^2 D) 27cm^2

II. Tự luận

Bài 1: Thực hiện phép tính

- a) $(39 - 19) : (-2) + (34 - 22) \cdot 5$ b) $25 \cdot (-2)^2 + 5 \cdot (2 + 3)$ c) $\{2^3 + [1 + (3 - 1)^2]\} : 13$

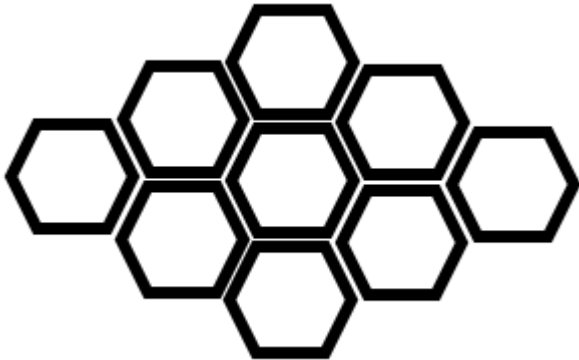
Bài 2: Tìm x nguyên

- a) $20 - [4^2 + (x - 6)] = 90$ b) $(x + 3) \cdot (2x - 4) = 0$
 c) $1000 : [30 + (2^x - 6)] = 3^2 + 4^2$ và $x \in \mathbb{N}$

Bài 3: Một cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút bi và 36 gói bánh thành một số phần thưởng như nhau để trao trong sơ kết học kỳ I. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần quà.

Bài 4: Bạn Bình sử dụng các ống hút dài 198mm, để tạo lên hình bên. Mỗi ống hút nước được cắt thành ba đoạn bằng nhau để tạo lên ba cạnh của mỗi lục giác đều như hình bên.

- a) Tính số ống hút mà bạn Bình cần dùng để hoàn thành hình bên.
b) Tính tổng chiều dài các ống hút mà bạn Bình đã dùng.



Bài 5: Cho $A = 9^{23} + 5.3^{43}$. Chứng minh rằng A chia hết cho 32.

(Đề số 7)

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Hình nào sau đây có đối xứng trục và đối xứng tâm



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A) Hình 3 B) Hình 1 C) Hình 2 D) Hình 4

Câu 2: Thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức: $A = 126 : (4^2 - 2)$ là:

- A) Phép chia – phép trừ – lũy thừa. B) Phép trừ – lũy thừa – phép chia.
C) Lũy thừa – phép trừ – phép chia. D) Lũy thừa – phép chia – phép trừ.

Câu 3: Khẳng định nào sau đây đúng:

- A) Những số có tận cùng là 0 thì chia hết cho 2 và 5.
B) Những số có tận cùng là 3 thì chia hết cho 3.
C) Những số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9.
D) Những số chia hết cho 5 và 3 thì chia hết cho 2.

Câu 4: Phân tích 120 ra số nguyên tố ta được kết quả là:

- A) $2^4.3.5$ B) $2^3.15$ C) $2^2.3.5$ D) $2^3.3.5$

Câu 5: Tập hợp A = cách viết nào sau đây đúng.

- A) $1 \notin A$ B) $\{1; 2\} \in A$ C) $4 \in A$ D) $5 \subset A$

Câu 6: Khẳng định nào sau đây sai.

- A) Tập số nguyên gồm các số nguyên âm, nguyên dương và số 0.

- B) Tập hợp số nguyên kí hiệu là $\mathbb{Z}$.
 C) Số 0 là số nguyên dương.
 D) -4 là số nguyên âm.

Câu 7: Số nguyên dương nhỏ nhất chia hết cho 4 và 6 là:

- A) 12 B) 2 C) 24 D) 6

Câu 8: Khẳng định nào sau đây đúng

- A) Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau.
 B) Hình vuông có bốn cạnh bằng nhau.
 C) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau.
 D) Hình thang có hai đường chéo bằng nhau.

II. Phần tự luận

Bài 1: Thực hiện phép tính

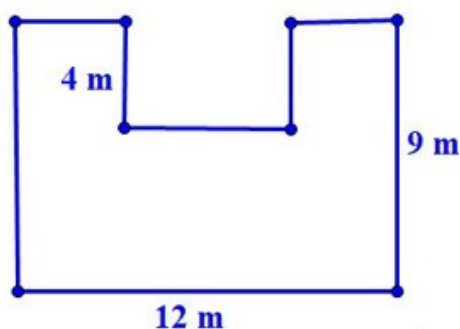
- a) $667 - 195.93:465 + 372$ b) $(7 + 3^3 : 3^2).4 - 3$
 c) $2002 - \{474 - 40.[3^4 - (8^2 + 7)] + 14^2 : 7\}$

Bài 2: Tìm x

- a) $3x + 10 = 4^2$ b) $164 - 2^2.(x - 5) = 5.16$ c) $4.2^x - 3 = 125$

Bài 3: Nhân ngày nhà giáo Việt Nam, các em học sinh lớp 6A đã mua 90 bông hoa hồng, 40 bông hoa cúc để kết thành những bó hoa tặng các thầy các cô sao cho số hoa hồng và số hoa cúc trong từng bó đều bằng nhau. Hỏi số bó hoa nhiều nhất có thể kết được là bao nhiêu? Khi đó mỗi bó hoa có bao nhiêu bông hoa mỗi loại?

Bài 4: Một mảnh vườn có dạng như hình bên dưới:



- a) Tính chu vi mảnh vườn.
 b) Người ta làm tường rào bao quanh khu vườn với giá 50 000 đồng mỗi mét. Hỏi tổng chi phí để làm tường rào là bao nhiêu.

Bài 5: So sánh A và B biết: $A = 2^{29}$ và $B = 5^{39}$.

(Đề số 8)

I. Trắc nghiệm: (3,0 điểm)

Khoanh tròn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng trong các câu sau đây:

Câu 1. Cách viết nào sau đây là đúng. Tập hợp các ƯC (24; 16) là: $A = \{1; 2; 4; 8\}$.

- A. $1 \notin A$ B. $\{2; 4\} \subset A$ C. $8 \subset A$ D. $4 \notin A$

Câu 2. Phép nhân $2.2.2.2.2$ được viết thành

- A. 2 B. 2^6 C. 6^2 D. 2^3

Câu 3. Không thực hiện phép tính, tổng nào sau đây chia hết cho 5

- A. $15 + 2021$ B. $2020 + 2022$ C. $2020 + 2025 + 2030$ D. $2020 + 2025 + 2029$

Câu 4. Trong hình bình hành nhận xét nào sau đây là sai?

- A. Các cạnh đối bằng nhau B. Các góc đối bằng nhau
C. Hai đường chéo vuông góc D. Các cạnh đối song song với nhau

Câu 5. Cho các số: 6; 13 ; 26; 35 trong đó số nguyên tố là:

- A. 6 B. 13 C. 26 D. 35

Câu 6. Chọn câu đúng nhất: Phép cộng số nguyên có các tính chất:

- A. Giao hoán và kết hợp B. Giao hoán C. Kết hợp D. Một đáp án khác

Câu 7. Kết quả của phép tính $2021^{2022} : 2021^{2021}$ là:

- A. 1. B. 2021. C. 2022. D. 2021^2

Câu 8 Tập hợp A các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 8 được viết là:

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 8\}$. B. $A = \{x \in \mathbb{N} | x < 8\}$.
C. $A = \{x \in \mathbb{N} | x \leq 8\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x \geq 8\}$.

Câu 9: BCNN (15, 30, 60) là :

- A. $2^4 . 5 . 7$. B. $2^2 . 3 . 5$. C. 2^4 . D. $5 . 7$.

Câu 10. Điền số thích hợp vào dấu * để số $711*$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- A. 5. B. 9. C. 3. D. 0.

Câu 11 Hình có một trục đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình bình hành. C. Hình thoi. D. Hình thang cân.

Câu 12. Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 20 cm và 40 cm. Diện tích hình thoi đó là:

- A. 400 cm^2 . B. 600 cm^2 . C. 800 cm^2 . D. 200 cm^2 .

Câu 13. Cho hình thang cân ABCD. Biết đáy nhỏ $AB = 3\text{cm}$, cạnh bên $BC = 2\text{cm}$, đáy lớn $CD = 5 \text{ cm}$. Chu vi của hình thang cân ABCD là:

- A. 6 cm. B. 10cm. C. 12cm. D. 15cm

Câu 14. Tổng các số nguyên x thỏa mãn $-5 < x < 5$ là:

- A. -5. B. 5. C. 0. D. 10.

Câu 15. Kết quả thực hiện phép tính $18 : (-3)^2 . 2$ là:

- A. 6. B. -6. C. -4. D. 4.

Câu 16. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?.

- A. 13°C . B. -5°C C. 5°C . D. -13°C .

Câu 17. Trong các chữ cái sau: M, E ,F , H chữ nào có tâm đối xứng?

- A. H. B. E. C. F. D. M.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)**Câu 18:** Thực hiện phép tính, tính hợp lý nếu có thể:

a. $82 + 24.18 - 100$

b. $(-26) + 16 + (-34) + 26$

Câu 19: (1,5 điểm) Tìm số nguyên x, biết:

a. $3 + x = -8$

b. $(35 + x) - 12 = 27$

c. $2^x + 15 = 31$

Câu 20: (1,5 điểm) Thư viện của một trường có khoảng từ đến quyển sách. Nếu xếp vào giá sách mỗi ngăn quyển, quyển hoặc quyển đều vừa đủ ngăn. Tính số sách của thư viện?**Câu 21: (1,5 điểm)**

Sân nhà bạn An là hình chữ nhật có chu vi là 30m và chiều rộng 5m.

a. Tính diện tích sân nhà bạn An.

b. Bố An muốn dùng những viên gạch hình vuông cạnh là 50cm để lát sân. Vậy bố An cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát hết sân đó?

Câu 22: (0,5 điểm)Cho $A = 2021^3$ và $B = 2020.2021.2022$

Không tính cụ thể các giá trị của A và B, hãy so sánh A và B.

TRƯỜNG THCS 719
TỔ : TOÁN - TIN

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 2024 - 2025
MÔN TOÁN – Khối lớp 6
Thời gian làm bài : 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh : Lớp:

Mã đề 744**I. Phần trắc nghiệm: (5 điểm).** Em hãy chọn đáp án đúng rồi điền vào bảng bài làm.**Câu 1.** Kết quả viết tích $7^6 \cdot 7^9 \cdot 7^{10}$ dưới dạng một lũy thừa bằng:

A. 7^{12}

B. 7^{15}

C. 7^{25}

D. 7^5

Câu 2. Trong các hình sau, hình nào không có tâm đối xứng?

A. Hình vuông

B. Hình chữ nhật

C. Hình thoi

D. Tam giác đều

Câu 3. Cho $a = b.q$ ($a, b, q \in \mathbb{Z}$, b khác 0). Chọn câu **SAI**:

A. a chia hết cho b

B. b là bội của a

C. b là ước của a

D. a là bội của b

Câu 4. Tổng của hai số nguyên khác dấu không đối nhau có kết quả là:

A. Bằng 0

B. Số nguyên dương

C. Số nguyên âm nếu số nguyên âm có phần số tự nhiên lớn hơn.

D. Số nguyên âm

Câu 5. Trong các chữ cái và số dưới đây. Chữ cái và số nào có hai trục đối xứng?

A. A và 8 B. C và 3 C. T và 8 D. H và 0

Câu 6. Kết quả của $a - (b + c - d)$ là:

A. $a - b - c + d$ B. $a - b - c - d$ C. $a - b + c - d$ D. $a + b + c - d$

Câu 7. Chọn câu **SAI**:

- A. Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên dương
- B. Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên dương
- C. Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên âm
- D. Tích của hai số nguyên dương là một số nguyên dương

Câu 8. Chọn câu **SAI**:

- A. Số nguyên dương bé nhất là 0 B. Không có số nguyên dương lớn nhất
- C. Số nguyên âm lớn nhất là -1 D. Không có số nguyên âm bé nhất

Câu 9. Trong các số tự nhiên dưới đây, số nào là số nguyên tố?

A. 114 B. 305 C. 303 D. 101

Câu 10. BCNN(24; 8) là :

A. 6 B. 36 C. 24 D. 48

Câu 11. Tập các ước của -8 là:

- A. $\{1; 2; 4; 8; -1; -2; -4; -8\}$ B. $\{1; 2; 4; 8\}$
- C. $\{1; 2; 4; 8; 0; -1; -2; -4; -8\}$ D. $\{-1; -2; -4; -8\}$

Câu 12. ƯCLN(12; 24; 6) bằng:

A. 3 B. 12 C. 6 D. 24

Câu 13. Bạn Uyên có 20 000 đồng. Bạn Uyên mượn bạn Hiền 30 000. Số tiền của bạn Uyên là:

A. 10 000 B. 50 000 C. $-50\,000$ D. $-10\,000$

Câu 14. Tập hợp nào sau đây chứa các phân tử là số nguyên tố?

- A. $\{11; 13; 15; 19\}$ B. $\{41; 43; 47; 49\}$
- C. $\{2; 5; 11; 31\}$ D. $\{1; 3; 5; 7\}$

Câu 15. Tính chất nào sau đây **KHÔNG** là tính chất hình thoi

- A. 4 cạnh bằng nhau B. Hai đường chéo vuông góc
- C. 4 góc bằng nhau D. Các cạnh đối song song

Câu 16. Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 15m và diện tích bằng 120m².

Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật đó là:

A. 23 m² B. 23 m C. 15 m D. 46 m

Câu 17. Cho a, b là các số nguyên có bốn chữ số. Giá trị nhỏ nhất của tổng $a + b$ là:

A. 0 B. 19998 C. -19998 D. -1

Câu 18. Cho biết $-12 < x < 0$. Số x là:

A. $x = 0$ B. $x = 2$ C. $x = -2$ D. $x = -1$

Câu 19. Hai số nguyên a và b có tích $a.b$ dương và tổng $a + b$ dương. Khi đó:

A. $a > 0$ và $b > 0$ B. $a > 0$ và $b < 0$ C. $a < 0$ và $b > 0$ D. $a < 0$ và $b < 0$

Câu 20. Cho tập $A = \{ x \in \mathbb{N} / 3 \leq x < 15 \}$. Số nào sau đây không thuộc tập A

A. 3

B. 5

C. 15

D. 7

II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm) Trình bày bài giải vào tờ giấy thi**Câu 1:** (2,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $5^2 \cdot 2 - 3^2 \cdot 4$

b) $(-10) \cdot (-22)$

c) $(-23) + 69 + (-19) + 23$

d) $(1267 - 196) - (267 + 304)$

Câu 2: (1,0 điểm)

a. Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần:

68; 0; -1; 2022; 59; -12; -2022.

b. Tính tổng các số x biết: $-5 < x \leq 5$ **Câu 3:** (1,0 điểm) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 9m.

a) Tính diện tích nền nhà.

b) Nếu lát nền nhà bằng những viên gạch hình vuông cạnh 60cm và giá một viên gạch là 45 000đ thì cần bao nhiêu tiền để mua đủ gạch?

Câu 4: (1,0 điểm)Tính giá trị của $M = a_1 + a_2 + a_{2021}$ biết $a_1; a_2; a_3; \dots; a_{2021} \in \mathbb{Z}$ và thỏa mãn

$$a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{2021} = 0 \text{ và } a_1 + a_2 = a_3 + a_4 = \dots = a_{2019} + a_{2020} = a_{2021} + a_1 = 2$$

----- HẾT -----

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM CUỐI KÌ I MÔN TOÁN 6

Chương	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
I	Số tự nhiên	Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	4 C1, 2, 3, 8			2 C1a, b					2đ (20%)
	Tính	Tính chia	4								1đ

II	chia hết trong tập hợp các số tự nhiên.	hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	C3, 6,14								(10%)
III	Số nguyên	Số nguyên âm, số nguyên dương, các phép tính trong Z.	4 C,1 1,13 ,15, 16.		4 C14, 17,1 0,12	2 C2a, b		2 C1c ,d		1 C4	5đ (40%)
IV	Các hình phẳng trong thực tiễn	Hình chữ nhật và hình thoi.	2 C17 ,18					2 C3 a,b			1,5 (15%)
V	Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên	Hình có tâm đối xứng, hình có trục đối xứng.	2 C19 ,20								0,5 (5%)
Tổng			16 câu (4 đ)		4 câu (1 đ)	4 câu (2đ)		4 câu (1 đ)		1 câu (1đ)	29 câu 10đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I MÔN TOÁN -LỚP 6

TT	Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết - Nhận biết phân tử thuộc tập hợp, số tự nhiên. Thông hiểu - Thực hiện được phép tính nhanh. Vận dụng - Vận dụng thứ tự thực hiện phép tính.	4 (TN)	2 (TL)		
	Tính chia hết trong tập hợp số tự nhiên	Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố.	Nhận biết - Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, bội, ước.	4 (TN)			
	Số nguyên	Số nguyên	Nhận biết - Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, bội, ước. Thông hiểu - So sánh các số nguyên Vận dụng - vận dụng tính nhanh tổng các số nguyên.	4 (TN)	4 (TN) 2 (TL)	2 (TL)	1 (TL)
2	Một số hình phẳng trong thực tiễn	Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết - Nhận biết hình thoi, hình chữ nhật. Thông hiểu Tính chu vi hình chữ nhật từ diện tích. Vận dụng Vận dụng tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông. Áp dụng vào thực tế.	2 (TN)		2(TL)	
	Tính đối xứng của hình phẳng trong	Hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.	Nhận biết - Nhận biết hình có tâm đối xứng và hình có trục đối xứng.	2(TN)			

	tự nhiên.						
Tổng				16	8	4	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

PHÒNG GD&ĐT KRÔNG PẮC
TRƯỜNG THCS 719

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I
MÔN : TOÁN 6
NĂM HỌC: 2024 – 2025

I. PHẦN ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM:

Mã đề Câu	742	743	744	745
1	B	B	C	B
2	C	C	D	C
3	A	B	B	D
4	A	B	C	C
5	B	A	D	B
6	D	C	A	C
7	D	C	A	A
8	A	B	A	B
9	C	A	D	C
10	B	C	C	A
11	C	D	A	C
12	B	A	C	C
13	B	A	D	B
14	C	C	C	B
15	A	C	C	B
16	B	B	D	A
17	D	C	C	C
18	D	D	B	A
19	B	D	A	A
20	A	A	C	B

B. PHẦN TỰ LUẬN.

Phần	Nội dung	Điểm
Câu 1a,b (1 điểm)	$\begin{aligned} \text{a. } 5^2 \cdot 2 - 3^2 \cdot 4 &= 25 \cdot 2 - 9 \cdot 4 \\ &= 100 - 36 \\ &= 64. \end{aligned}$ $\begin{aligned} \text{b. } (-10) \cdot (-22) &= 10 \cdot 22 \\ &= 220. \end{aligned}$	0,5 0,5
Câu 1b (1 điểm)	$\begin{aligned} \text{a. } (-23) + 69 + (-19) + 23 \\ &= (23 - 23) + (69 - 19) \\ &= 0 + 50 = 50. \end{aligned}$	0,5 0,5
Câu 2 (1 điểm)	<p>a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần là: - 2022; - 12; - 1; 0; 59; 68; 2022.</p> <p>b) Các số x thỏa mãn : $-5 < x \leq 5$ $x = -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 4; 5.$ Tổng = 5</p>	0,5 0,5
Câu 3 (1 điểm)	<p>a. Diện tích nền nhà là: $9 \cdot 8 = 72(\text{m}^2)$</p> <p>b. Số viên gạch cần lát nền là: $72 : 0,36 = 200$ (viên) Cần số tiền để mua đủ gạch là: $200 \cdot 45\,000 = 9\,000\,000$ (đ)</p>	0,5 0,5
Câu 4 (1 điểm)	$a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{2021} = 0$ <p>Ta có</p> $(a_1 + a_2) + (a_3 + a_4) + \dots + (a_{2019} + a_{2020}) + a_{2021} = 0 \quad (*)$ <p>Với 2020 số $a_1; a_2; a_3; a_4; \dots; a_{2020}$ khi nhóm 2 số vào một nhóm ta được 1010 nhóm.</p> <p>Thay $a_1 + a_2 = a_3 + a_4 = \dots = a_{2019} + a_{2020} = 2$ vào (*) ta được</p> $2 + 2 + \dots + 2 + a_{2021} = 0$ $2 \cdot 1010 + a_{2021} = 0$ $2020 + a_{2021} = 0$ $a_{2021} = -2020$ <p>Ta có $a_1 + a_2 = 2$; $a_{2021} = -2020$ thay vào M ta được:</p> $M = a_1 + a_2 + a_{2021} = 2 + (-2020) = -2018$ <p>Vậy $M = -2018$</p>	0,5 0,5

ĐỀ MINH HOẠ KIỂM TRA HỌC KÌ I-TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6 và ghi 1 đáp án đúng vào bài làm.

Câu 1: Trong các tập hợp sau tập hợp nào là tập hợp số tự nhiên?

A. $\{0; 1; 2; 3; \dots\}$

B. $\{1; 3; 5; 7; 9\}$

B. $\{0; 1; 2; 3\}$

D. $\{2; 4; 6; 8; 10\}$

Câu 2: Số đối của số 5 là

A. $\frac{1}{5}$

B. -5

C. $-\frac{1}{5}$

D. -(-5)

Câu 3: Trong các hình dưới đây, hình có tâm đối xứng là:



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4.

Câu 4: Hình nào dưới đây có vô số trục đối xứng

A. Hình lục giác đều

B. Hình vuông

C. Hình chữ nhật

D. Hình tròn

Phần 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Câu 5: Trong các số tự nhiên từ 0 đến 10. Xét tính đúng/ sai của các khẳng định sau

- a) có các số 0; 2; 4; 6; 8; 10 là các hợp số.
- b) có các số 2; 3; 5; 7 là các số nguyên tố.
- c) có các số 0; 4; 6; 8; 9; 10 là các hợp số.
- d) có các số 1; 2; 3; 5; 7; 9 là các số nguyên tố.

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 6: BCNN của các số sau: $6; 24$ và 80 là:

Câu 7: Giá trị của biểu thức $5^2 \cdot 75 - 75 : 5^2$ là:

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 8 (1 điểm): Cho tập hợp: $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \text{ chẵn và } x < 10\}$ và $B = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \text{ chẵn và } x \leq 10\}$. Hãy mô tả các tập hợp đó bằng cách liệt kê các phần tử của chúng.

Câu 9 (0,75 điểm): Tính giá trị của biểu thức sau(tính nhanh nếu có thể)

$$A = 12 - 3^4 : 3^2$$

$$B = 8^2 \cdot 99 - 8^2 \cdot 79 - 10 \cdot 2^3$$

Câu 10 (1 điểm): Bạn An cầm số tiền 120000 đồng đến một nhà sách để mua bút và vở. Bạn An mua 5 chiếc bút và 15 quyển vở. Giá tiền một quyển vở 6500 đồng, giá tiền một chiếc bút là 4000 đồng. Hỏi bạn An có đủ tiền để mua bút và vở hay không ?

Câu 11 (1 điểm): a, Biểu diễn các số nguyên sau trên một trục số: $-4; -3; -5; 0; 4; 3$

b, So sánh hai số (-39) và (-54) .

Câu 12 (1,25 điểm): Cho tam giác đều ABC .

- a) Gọi tên các đỉnh của tam giác.
- b) Viết tên các cạnh bằng nhau , các góc bằng nhau của tam giác.

Câu 13 (1 điểm): Một mảnh vườn hình vuông cạnh 22 m (Hình vẽ bên). Người ta làm một lối đi xung quanh vườn rộng 2m thuộc đất của vườn. Phần đất còn lại dùng để trồng trọt.

22m

22m

- a) Tính chu vi mảnh vườn?
- b) Tính diện tích trồng trọt của mảnh vườn?

Câu 14(1 điểm) Một máy thăm dò đáy biển ngày hôm trước hoạt động ở độ cao – 946 m (so với mực nước biển). Ngày hôm sau người ta cho máy nổi lên 55 m so với hôm trước. Hỏi ngày hôm sau máy thăm dò đáy biển hoạt động ở độ cao nào?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Toán - Lớp 6 (Thời gian: 90 phút)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm).

1) Phần 1: 4 câu đầu mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	B	A	D

2) Phần 2:**Câu 5** (1 điểm)

- a) sai
b) đúng
c) đúng
d) sai

3) Phần 3:**Câu 6** (0,5 điểm) Kết quả là: 240**Câu 7** (0,5 điểm) Kết quả là: 1872**II. PHẦN TỰ LUẬN** (7 điểm).

Câu	Nội dung	Điểm
8(1điểm)	$A = \{0;2;4;6;8;10\}$ $B = \{2;4;6;8;10\}$	0,5 0,5
9 (0,75điểm)	$A = 12 - 3^4 : 3^2 = 12 - 3^2 = 12 - 4 = 8$ $B = 8^2.99 - 8^2.79 - 10.2^3$ $B = 8^2(99 - 79) - 10.8$ $B = 8^2.20 - 80$ $B = 64.20 - 80 = 1280 - 80$ $B = 1200$	0,25 0,5
10 (1điểm)	Số tiền bạn An mua 5 bút là: $5.4000 = 20\ 000$ (Đồng) Số tiền bạn An mua 15 vở là $15. 6500 = 97\ 500$ (Đồng) Tổng số tiền An phải trả là : $20\ 000 + 97\ 500 = 117\ 500$ (Đồng) Vì $120\ 000 > 117\ 500$ Vậy Bạn An có đủ tiền để mua bút và vở.	0,25 0,25 0,25 0,25
11 (1điểm)	a, Biểu diễn được các số nguyên sau trên một trục số: $-4; -3; -5; 0; 4; 3$ b) So sánh được : $(-39) > (-54)$.	0,5 0,5
12 (1điểm)	a) Tên các đỉnh của tam giác ABC là: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C. b) Tên các cạnh bằng nhau là: $AB = AC = BC$.	0,5 0,5

	Tên các góc bằng nhau là : $\hat{A} = \hat{B} = \hat{C}$.	
13 (1,25điểm)	Chu vi của mảnh vườn là : $22.4 = 88(\text{m})$ Mảnh vườn hình vuông còn lại có cạnh là : $(22 - 4) = 18(\text{m})$ Diện tích trồng trọt của mảnh vườn là : $18. 18 = 324(\text{m}^2)$	0,25 0,5 0,5
14 (1điểm)	Vì máy nổi lên 55 m so với hôm trước nghĩa là máy di chuyển theo chiều dương Ngày hôm sau, máy thăm dò hoạt động ở độ cao: $(- 946) + 55 = - (946 - 55) = -891(\text{m})$ Vậy ngày hôm sau, máy thăm dò hoạt động ở độ cao -891 m.	0,25 0,5 0,25

***Ghi chú : Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.**

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN: TOÁN LỚP 6

Thời gian 90 phút (không kể thời gian chép đề)

ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu có đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Cách viết nào sau đây là đúng. Tập hợp $M = U^C(12; 18) = \{1; 2; 3; 6\}$

- A. $1 \notin M$ B. $2 \in M$ C. $12 \in M$ D. $6 \notin M$

Câu 2: Tập hợp $A = \{x \in \mathbb{Q} / -5 < x < 6\}$ Tổng tất cả các phần tử x thuộc tập A là:

- A. 0 B. -5 C. 6 D. 5

Câu 3: Kết quả sắp xếp các số: -14; -99; 5; -110; 23; 0 theo thứ tự tăng dần là:

- A. - 110; -99; -14; 0; 5; 23 B. -14; -99; -110; 0; 5; 23
 C. - 110; -14; -99; 0; 5; 23 D. 0; 5; 23; -14; -99; -110

Câu 4: Kết quả của phép tính $2022^{2024} : 2022^{2023}$ là:

- A. 1; B. 2022; C. 2023; D. 2022^2

Câu 5: Mũi khoan của một giàn khoan trên biển đang ở độ cao 3m trên mực nước biển, chú công nhân điều khiển nó hạ xuống 13m. Vậy mũi khoan ở độ cao nào (so với mực nước biển) sau khi hạ?

- A. -10 m B. - 3 m C. -16 m D. 16 m

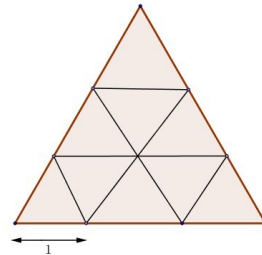
Câu 6: Kết quả của phép tính $(31 - 45) - (-45 - 29)$ là:
 A. -150. B. 150 C. -60. D. 60.

Câu 7: Để số $\overline{42^*}$ chia hết cho cả 2^3 và 5 thì * bằng:
 A. 5. B. 8. C. 0. D. 9.

Câu 8: Hình thang cân có độ dài cạnh bên bằng 6 cm, độ dài đáy nhỏ 12 cm, độ dài đáy lớn 18 cm. Chu vi hình thang cân đó bằng:
 A. 36 cm; B. 72 cm; C. 52 cm; D. 42 cm.

Câu 9: Trong hình vẽ sau có bao nhiêu hình thoi?

- A. 4 B. 5
 C. 6 D. 7



Câu 10: Bạn Lan mua 3 quyển vở, 2 cây bút bi. Giá mỗi quyển vở là 10 000 đồng, giá mỗi cây bút bi là 5 000 đồng. Hỏi số tiền bạn Lan phải trả là bao nhiêu tiền?
 A. 40 000 đồng B. 50 000 đồng
 C. 60 000 đồng D. 70 000 đồng

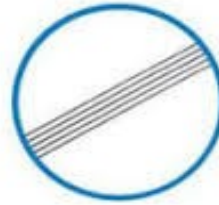
Câu 11: Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1, hình 2, hình 3 B. Hình 1, hình 2, hình 4
 C. Hình 2, hình 3, hình 4 D. Hình 1, hình 2, hình 3, hình 4

Câu 12: Trong các hình thực tế sau, hình nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1, hình 2 B. Hình 2, hình 3
 C. Hình 1, hình 3 D. Hình 1, hình 3, hình 4

Phần II: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 13 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể):

b) $53.29 - 88.43 + 53.59$;

b) $23 + (-38) + 57 + (-62)$;

c) $130 - 6 \cdot [5^2 + (-15)]$.

Câu 14 (1,5 điểm) : Tìm x biết:

a) $4 + x = -12$ a) $x - 52 : 26 = 15 - 20$

c) $5^x - 5 = 20$

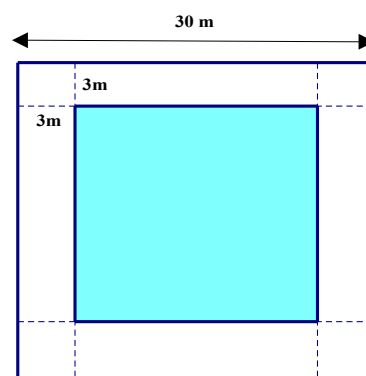
Câu 15: (1,0 điểm) Một giá sách ở thư viện của một trường có khoảng từ 500 đến 700 quyển sách. Nếu xếp vào giá sách mỗi ngăn 15 quyển, 18 quyển hoặc 20 quyển đều vừa đủ ngăn. Hỏi giá sách trong thư viện đó có bao nhiêu cuốn?

Câu 16. (2,0 điểm)

Một mảnh vườn hình vuông cạnh 30 m. Người ta làm một lối đi xung quanh vườn rộng 3m thuộc đất của vườn. Phần đất còn lại dùng để trồng trọt.

a) Tính chu vi mảnh vườn?

b) Tính diện tích trồng trọt của mảnh vườn?

**Câu 17.** (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên n, biết $2n - 1$ chia hết cho $6 - n$.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 đ

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
B	D	A	B	A	D	C	D	D	A	A	C

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Thang điểm
Câu 13 1,5 điểm	a	$53.29 - 88.43 + 53.59 = 53(29+59) - 88.43$ $= 53.88 - 88.43 = 88(53-43) = 88.10 = 880$	0,5 đ
	b	$23 + (-38) + 57 + (-62) = (23+57) + [(-38)+(-62)]$ $= 80 + (-100) = -20$	0,5 đ
	c	$130 - 6 \cdot [5^2 + (-15)]$ $= 130 - 6 \cdot [25 + (-15)] = 130 - 5 \cdot [10] = 130 - 50 = 80$	0,5 đ
Câu 14 1,5 điểm	a	$4 + x = -12$ $x = -16$	0,5 đ
	b	$x - 52 : 26 = 15 - 20$	0,5 đ

		$x = -3$																
	c	$5^x - 5 = 20$ $x = 2$	0,5 đ															
Câu 15 1,0 điểm	1đ	Gọi số sách cần tìm là a ($a \in \mathbb{N}^*$; $500 \leq a \leq 700$) Theo bài ra ta có: $a \vdots 15$; $a \vdots 18$; $a \vdots 20$ Suy ra: $a \in BC(15, 18, 20)$ Ta có: $BCNN(15,18,20) = 180$ $BC(15,18,20) = \{0; 180; 360; 540; 720; ... \}$ Mà $a \in BC(15, 18, 20)$ và $500 \leq a \leq 700$ nên $a = 540$ Vậy số sách cần tìm là: 540 quyển.	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ															
Câu 16 2,0 điểm	a	Chu vi mảnh vườn là: $4. 30 = 120$ m	0,5 đ															
	b	Diện tích mảnh vườn là: $30.30 = 900 \text{ m}^2$ Diện tích lối đi là: $3.30.2 + 3.24.2 = 324 \text{ m}^2$ Diện tích phần đất dùng để trồng trọt là: $900-324=576\text{m}^2$	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ															
Câu 17 1,0 điểm	1,0 đ	Tìm số tự nhiên n, biết $2n - 1$ chia hết cho $6 - n$. Ta có $6 - n \vdots 6 - n$ suy ra $2(6 - n) \vdots 6 - n \Rightarrow 12-2.n \vdots 6 - n$ Để $2.n - 1 \vdots 6 - n$ thì $2.n - 1 + 12 - 2.n \vdots 6 - n \Rightarrow 11 \vdots 6 - n$ $6 - n \in U(11) = \{-11; -1; 1, 11\}$ Ta có các trường hợp sau <table><tr><td>6 - n</td><td>-11</td><td>-1</td><td>1</td><td>11</td></tr><tr><td>n</td><td>17</td><td>7</td><td>5</td><td>-5</td></tr><tr><td></td><td>Thoả mãn</td><td>Thoả mãn</td><td>Thoả mãn</td><td>Không thoả mãn</td></tr></table> Vậy với số tự nhiên $x \in \{5; 7; 7\}$ thì $2.n - 1$ chia hết cho $6 - n$	6 - n	-11	-1	1	11	n	17	7	5	-5		Thoả mãn	Thoả mãn	Thoả mãn	Không thoả mãn	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
6 - n	-11	-1	1	11														
n	17	7	5	-5														
	Thoả mãn	Thoả mãn	Thoả mãn	Không thoả mãn														

Lưu ý: Học sinh làm cách khác mà đúng thì vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

MÔN: TOÁN 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng (từ câu 1 đến câu 12)

Câu 1. Cho tập $A = \{2; 3; 4; 5\}$. Phần tử nào sau đây thuộc tập A.

- A. 1 B. 3 C. 7 D. 8

Câu 2. Tập hợp A các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 8 được viết là:

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 8\}$. B. $A = \{x \in \mathbb{N} | x < 8\}$.
C. $A = \{x \in \mathbb{N} | x \leq 8\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x \geq 8\}$.

Câu 3. ƯCLN (24, 18) là:

- A. 8. B. 3. C. 6. D. 72.

Câu 4: Kết quả của phép tính $2021^{2022} : 2021^{2021}$ là:

- A. 1. B. 2021. C. 2022. D. 2021^2

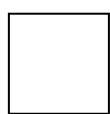
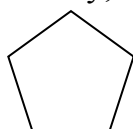
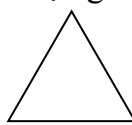
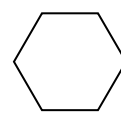
Câu 5. BCNN (15, 30, 60) là :

- A. $2^4 \cdot 5 \cdot 7$. B. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$. C. 2^4 . D. $5 \cdot 7$.

Câu 6. Điền số thích hợp vào dấu * để số $\overline{711}^*$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- A. 5. B. 9. C. 3. D. 0.

Câu 7. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình lục giác đều



Câu 8. Hình có một trục đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình bình hành.
C. Hình thoi. D. Hình thang cân.

Câu 9. Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 20 cm và 40 cm. Diện tích hình thoi đó là:

- A. 400 cm^2 . B. 600 cm^2 . C. 800 cm^2 . D. 200 cm^2 .

Câu 10. Cho hình thang cân ABCD. Biết đáy nhỏ $AB = 3\text{cm}$, cạnh bên $BC = 2\text{cm}$, đáy lớn $CD = 5\text{cm}$. Chu vi của hình thang cân ABCD là:

- A. 6 cm. B. 10cm. C. 12cm. D. 15cm

Câu 11. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?

- A. 13°C . B. -5°C C. 5°C . D. -13°C .

Câu 12. Hình nào có tâm đối xứng trong các hình sau ?

- A. Hình tam giác đều. B. Hình vuông. C. Hình thang. D. Hình thang cân.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13: (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $(-18) + 25 - 21$

b) $24.82 + 24.18 - 100$

c) $(-26) + 48 + (-34) + 42$

d) $476 - \{5.[409 - (8.3 - 21)^2] - 1724\}$.

(1,0 điểm). Tìm số nguyên x, biết:

Câu 14

a) $3 + x = -8$

b) $(20 - 2.x) : 2 = 60$

Câu 15(1,5 điểm). Một đội y tế có 48 bác sĩ và 216 y tá được điều động đi tham gia phòng chống Covid-19. Để phục vụ được nhiều nơi có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành bao nhiêu tổ để số bác sĩ cũng như số y tá được chia đều vào các tổ ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu bác sĩ và bao nhiêu y tá ?

Câu 16(1,5 điểm) . Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 8m và chiều dài bằng 15 m.

a) Tính chu vi và diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó.

b) Người ta tính rằng trung bình cứ 1m² thì thu hoạch được 8kg cải bắp với giá bán 7000 đồng/kg. Tính số tiền thu được sau khi bán hết số cải bắp trên mảnh vườn đó.

Câu 17 (1,0 điểm).

Cho $B = 4^1 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 5

a)

b) Tìm hai số tự nhiên x và y thỏa mãn: $2^x + 3^y = 82$

C. HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

I. Trắc nghiệm(3,0 điểm). Mỗi câu đúng cho 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	C	B	B	D	D	D	A	C	B	B

II. Tự luận

Câu	ý	Nội dung	Điểm
13	a)	$(-18) + 25 - 21 = 14$	0,5đ
	b)	$24.82 + 24.18 - 100 = 24.(82 + 18) - 100$ $= 24.100 - 100 = 2300$	0,25đ 0,25đ
	c)	$(-26) + 48 + (-34) + 42 = [(-26) + (-34)] + (48 + 42)$	0,25đ

		$= -60 + 90 = 30$	0,25đ
	d)	$476 - \{5.[409 - (8.3 - 21)^2] - 1724\}$ $= 476 - \{5.[409 - 9] - 1724\}$ $= \dots = 200$	0,25đ 0,25đ
14	a)	$3 + x = -8$ $x = -8 - 3$ $x = -11$	0,25đ 0,25đ
	b)	$(20 - 2.x) : 2 = 60$ $20 - 2.x = 60 : 2$ $20 - 2.x = 30$ $\dots x = -10; 2 = -5$	0,25đ 0,25đ
15		<p>Gọi số tổ nhiều nhất có thể chia được là $x (x \in \mathbf{N}^*)$</p> <p>Khi đó $48 : x$ và $216 : x$, mà x lớn nhất nên $x = \text{ƯCLN}(48, 216)$</p> <p>Ta có $\text{ƯCLN}(48, 216) = 24$</p> <p>Vậy số tổ nhiều nhất có thể chia được là 24 tổ</p> <p>Khi đó mỗi tổ có $48 : 24 = 2$ bác sỹ và $216 : 24 = 9$ y tá</p>	0,25đ 0,25đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ
16	a)	<p>Chu vi hình chữ nhật là:</p> $(15 + 8) \cdot 2 = 46(\text{m})$ <p>Diện tích hình chữ nhật là:</p> $15 \cdot 8 = 120(\text{m}^2)$	0,5đ 0,5đ
	b)	<p>Số tiền thu được khi bán hết cái bắp là:</p> $120 \cdot 8 \cdot 7000 = 6\,720\,000$ (đồng)	0.5đ
17	a)	$4^1 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 5 Cho B = Giải: Ta có $B = 4(1 + 4) + 4^3(1 + 4) + \dots + 4^{299}(1 + 4)$ $= 4.5 + 4^3.5 + \dots + 4^{299}.5$ $= 5.(4 + 4^3 + \dots + 4^{299}) : 5$ Vậy B : 5	0,25đ 0,25đ
	b)	<p>Tìm hai số tự nhiên x và y thỏa mãn: $2^x + 3^y = 82$</p> <p>Giải</p> <p>- Nếu $x = 0$, ta có: $1 + 3^y = 82$</p>	0,25đ

		$3^y = 81 \rightarrow y = 4$ - Nếu $x \geq 1$ thì $(2^x + 3^y)$ lẻ còn 82 chẵn nên không có giá trị x, y Vậy $x = 0, y = 4$ là giá trị cần tìm	0,25đ
--	--	--	-------

Chú ý: Nếu HS không làm theo HD chấm mà làm cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1

MÔN TOÁN - LỚP 6

Thời gian làm bài : 90 phút;

Họ tên : Số báo danh :

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu là:

A. Z

B. $\mathbb{N}^*$

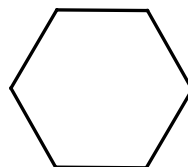
C. R

D. N

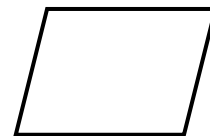
Câu 2: Trong các hình sau, hình có *trục đối xứng* là:



Hình a



Hình b



Hình c

Hình d

A. Hình b, c, d

B. Hình a, b, d

C. Hình a, c, d

D. Hình a, b, c

Câu 3: Trong hình vuông, mỗi góc bằng bao nhiêu độ?

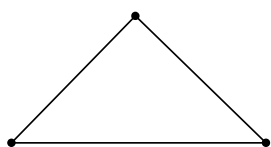
A. 90°

B. 120°

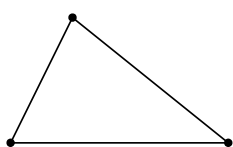
C. 30°

D. 60°

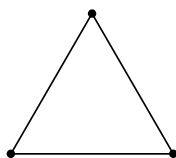
Câu 4: Trong các hình dưới đây, hình nào là tam giác đều?



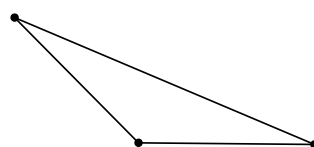
(1)



(2)



(3)



(4)

A. Hình (1).

B. Hình (3).

C. Hình (4).

D. Hình (2).

$$A = \{x \in \mathbb{N} \mid 3 < x \leq 6\}$$

Câu 5: Cho tập hợp . Tập hợp A viết dưới dạng liệt kê các phần tử là:

A. {3;4;5}

B. {4;5}

C. {4;5;6}

D. {3;4;5;6}

Câu 6: Tập hợp các số nguyên là ước của 4 là:

A. {1;-1;2;-2;4;-4}

B. {0;4;-4;8;-8;...}

C. {0;4;8;12;16}

D. {1;2;4}

Câu 7: Thứ tự thực hiện phép tính với biểu thức có ngoặc là:

A. $()^{\text{R}} \{ \}^{\text{R}} []$ B. $()^{\text{R}} []^{\text{R}} \{ \}$ C. $[]^{\text{R}} \{ \}^{\text{R}} ()$ D. $[]^{\text{R}} ()^{\text{R}} \{ \}$

Câu 8: Số nguyên tố là:

A. số chỉ có một ước.

B. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.

C. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

D. số có nhiều hơn hai ước.

Câu 9: Số đối của số 12 là:

A. 0

B. 12

C. $-(-12)$

D. -12

Câu 10: Số 20 chia hết cho số nào sau đây?

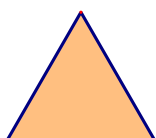
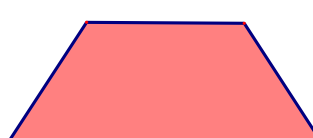
A. 3

B. 15

C. 10

D. 40

Câu 11: Trong các hình sau, có bao nhiêu hình có tâm đối xứng?



A. 4.

B. 1.

C. 3.

D. 2.

Câu 12: Trong các phân số sau, phân số nào tối giản?

A. $\frac{10}{12}$

B. $\frac{75}{60}$

C. $\frac{13}{17}$

D. $\frac{17}{34}$

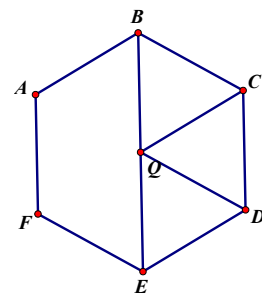
II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**Bài 1. (2,0 điểm)** Thực hiện phép tính (*tính nhanh nếu có thể*)

a) $-5 - (-105) - 3^3$

b) $15.(-30) + 15.(-70)$

Bài 2. (1,0 điểm) a) Biểu diễn các số nguyên -2 và 4 trên trục số.b) So sánh (có giải thích): (-3) và (-6) .**Bài 3. (2,0 điểm)**

a) Quan sát hình vẽ bên. Hãy kể tên hình tam giác đều, lục giác đều có trong hình.

b) Cho hình thoi ABCD có $AB = 5\text{cm}$. Vẽ hình và viết tên các cạnh, các góc đối, các đường chéo của hình thoi ABCD.**Bài 4. (1,0 điểm)** Sân nhà bạn Tâm hình chữ nhật có chiều dài 18m và chiều rộng 6m. Ba bạn Tâm mua loại gạch hình vuông có cạnh 0,6m để lát sân. Tính số viên gạch Ba bạn Tâm cần mua để lát sân.**Bài 5. (1,0 điểm)** Một trường THCS xếp hàng 20, 25, 30 đều dư 13 học sinh nhưng khi xếp hàng 45 còn thừa 28 học sinh. Tính số học sinh trường đó, biết rằng số học sinh trường đó nhỏ hơn 1000.----- **HẾT** -----

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

<div>Mã đề Câu</div>	Đáp án
1	D
2	D
3	A
4	B
5	C
6	A
7	B
8	C
9	D
10	C
11	D
12	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Bài 1. (2,0 điểm).	a)	$-5 - (-105) - 3^3$ $= -5 + 105 - 27$ $= 100 - 27$ $= 73$	0,5 0,25 0,25
	b)	$-15 \cdot (-30) + 15 \cdot (-70)$ $= 15[(-30) + (-70)]$ $= 15 \cdot (-100)$	0,5 0,25

		= - 1500	0,25
Bài 2. (1,0 điểm).	a)	Biểu diễn được mỗi số được 0,25đ	0,5
	b)	So sánh và trình bày được cách làm được 0,5đ (Chỉ so sánh không trình bày cách so sánh được 0,25đ)	0,5
Bài 3. (1,0 điểm).	a)	Nêu đúng mỗi hình được 0,25đ	1,0
	b)	Vẽ hình đúng Nêu được đúng các yếu tố của hình	0,5 0,5
Bài 4. (1,0 điểm).		Diện tích sân nhà hình chữ nhật là: $18 \cdot 6 = 108 \text{ m}^2$	0,5
		Diện tích viên gạch hình vuông là: $0,6 \cdot 0,6 = 0,36 \text{ m}^2$	0,25
		Số viên gạch cần để lát vừa đủ sân là: $108 : 0,36 = 300$ viên	0,25
Bài 5. (1,0 điểm).		Gọi số học sinh của trường là a (học sinh) và $0 < a < 1000$, $a \in N$	
		Vì số học sinh chia khi xếp hàng 20, 25, 30 đều dư 13 nên $a - 13$ là bội chung của 20, 25, 30	0,25
		$\text{BCNN}(20, 25, 30) = 300$	
		Do đó $a - 13 \in \{0; 300; 600; 900; 1200; \dots\}$	0,25
		Suy ra $a \in \{13; 313; 613; 913; 1223; \dots\}$	0,25
		Vì $0 < a < 1000$ và a chia cho 45 dư 28 nên chọn có số học sinh trường đó là 613 học sinh.	
		Vậy số học sinh của trường là 613 (học sinh)	0,25

Đề kiểm tra học kì 1 Toán 6 KNTT - Đề 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Em hãy chọn câu trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước câu trả lời đó vào bài làm.

Câu 1. Tập hợp các chữ cái trong cụm từ “NHA TRANG” là:

- (A) {NHA; TRANG}; (B) {N; H; A; T; R; A; N; G};
(C) {N; H; A; T; R; G}; (D) {NHA TRANG}.

Câu 2. Khẳng định nào sau đây đúng?

- (A) Số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3; (B) Số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9;
(C) Số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì (D) Số có chữ số tận cùng là 9 thì chia hết cho 9.

chia hết cho 2;

Câu 3. Trong biểu thức gồm có các dấu ngoặc $\{\}$; $[\]$; $()$ thì thứ tự thực hiện các phép tính đúng là:

- (A) $\{\} \rightarrow [\] \rightarrow ()$; (B) $() \rightarrow [\] \rightarrow \{\}$;
 (C) $\{\} \rightarrow () \rightarrow [\]$; (D) $[\] \rightarrow \{\} \rightarrow ()$.

Câu 4. Tập hợp nào sau đây chứa các phần tử là số nguyên tố?

- (A) $\{1; 3; 5; 7\}$; (B) $\{11; 13; 15; 19\}$;
 (C) $\{41; 43; 47; 49\}$; (D) $\{2; 5; 11; 31\}$.

Câu 5. Trong tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, tập hợp các ước của 11 là:

- (A) $\{1; -1\}$; (B) $\{11; -11\}$;
 (C) $\{1; 11\}$; (D) $\{-1; 1; 11; -11\}$.

Câu 6. ƯCLN(6;12) là:

- A. 6
 B. 12
 C. 2
 D. 72

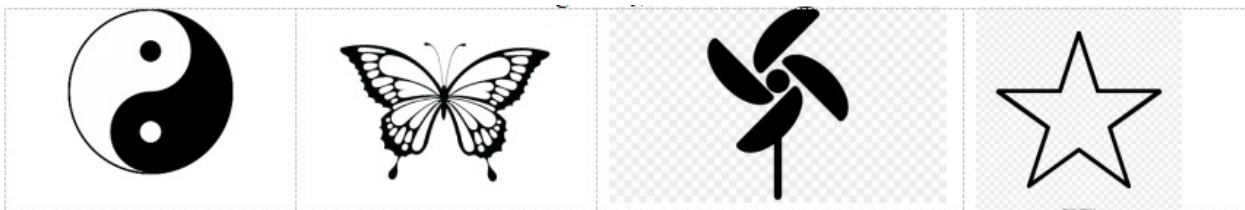
Câu 7. Khẳng định nào sau đây đúng?

- (A) Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau; (B) Hình vuông có bốn cạnh bằng nhau;
 (C) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau. (D) Hình thang có hai đường chéo bằng nhau.

Câu 8. So sánh ba số 5; -13; 0, kết quả đúng là:

- (A) $0 < 5 < -13$; (B) $0 < -13 < 5$;
 (C) $-13 < 0 < 5$; (D) $5 < -13 < 0$.

Câu 9. Có bao nhiêu hình có trục đối xứng trong các hình sau:



- (A) Chỉ một hình; (B) Cả bốn hình;
 (C) Hai hình; (D) Ba hình.

Câu 10. Cho bốn số sau: 12; 30; 98; 99. Khẳng định nào sau đây đúng?

- (A) Có ba số chia hết cho 3; (B) Không có số nào chia hết cho cả 2 và 5;
(C) Có hai số chia hết cho 9; (D) Cả bốn số đều chia hết cho 2.

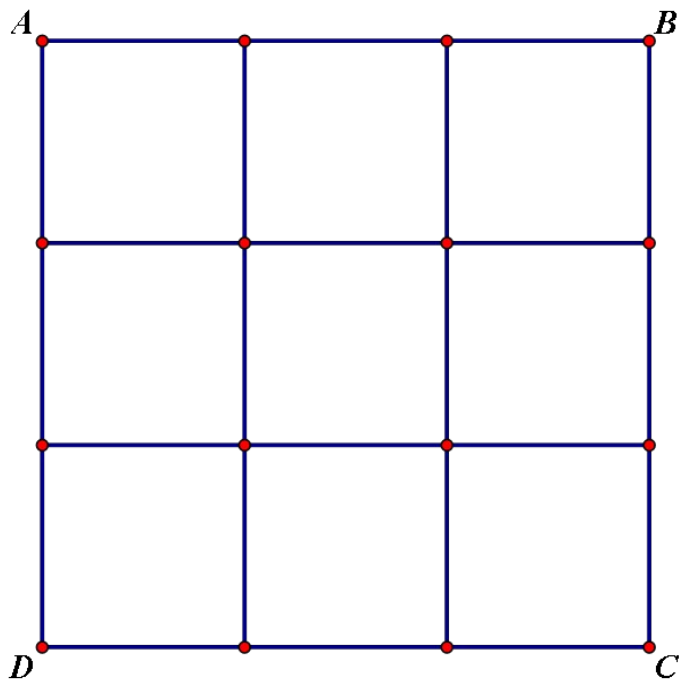
Câu 11. Tập hợp nào sau đây chứa các phần tử đều là hợp số?

- (A) {2; 9; 12; 15}; (B) {0; 10; 100; 1000};
(C) {11; 22; 33; 44}; (D) {4; 35; 201; 2010}.

Câu 12.

Hình vuông ABCD được tạo thành từ 9 hình vuông nhỏ như hình vẽ bên. Biết cạnh $AB = 9\text{cm}$. Diện tích của một hình vuông nhỏ bằng:

- (A) 1 cm^2 ;
(B) 27 cm^2
(C) 9 cm^2 ;
(D) 3 cm^2 .



PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 13 (2,0 điểm). Tính:

a) $23.25 + 75.23 - 1300$;	b) $36 : 3^2 - 5.2^2$;
c) $183 + 80 : [20 - 4(5^2 - 24)]$	d) $(-125) - [148 + 5.(-25)]$

Câu 14 (1,5 điểm). Tìm số nguyên x, biết:

- a) $x + 21 = 6$ b) $x - 10 = -8$
c) $(-8)x = (-7).(-6) - 2$

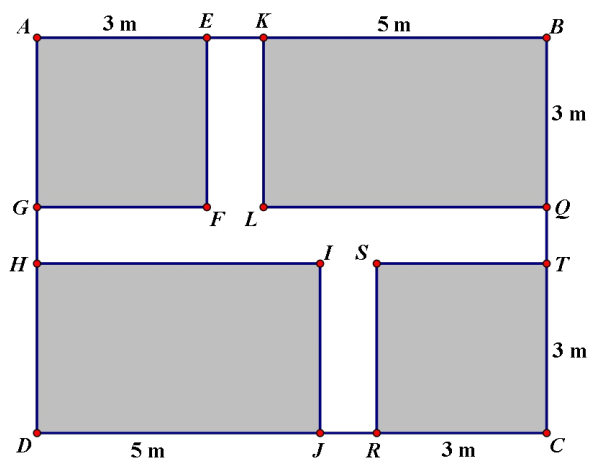
Câu 15 (1,0 điểm). Một tấm vải hình chữ nhật có kích thước 120 cm 160 cm. Người thợ may muốn cắt tấm vải thành các miếng hình vuông có độ dài cạnh theo cm là số tự nhiên, đồng thời không muốn thừa ra bất kì miếng vải nào. Hỏi người thợ may có thể cắt được miếng vải hình vuông có cạnh lớn nhất là bao nhiêu?

Câu 16 (2,0 điểm).

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 7 m. Người ta chia mảnh vườn thành bốn khu gồm hai khu hình vuông cạnh 3 m, hai khu hình chữ nhật có chiều dài 5 m, chiều rộng 3 m và chừa lại phần lối đi (màu trắng).

a) Tính diện tích phần lối đi.

b) Người ta muốn lát gạch toàn bộ lối đi bằng những viên gạch hình vuông có cạnh bằng 50 cm. Tính số gạch cần dùng.



Câu 17 (0,5 điểm). Tìm tất cả các số nguyên tố p sao cho $p+2$, $p+4$ cũng là số nguyên tố.

-----Hết-----

Đáp án Đề kiểm tra học kì 1 Toán 6 KNTT - Đề 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	B	D	D	A
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	C	A	D	C

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Thang điểm
13	a) $23.25 + 75.23 - 1300 = 23.(25 + 75) - 1300$ $= 23.100 - 1300 = 2300 - 1300 = 1000.$	0,5
	b) $36:3^2 - 5.2^2 = 36:9 - 5.4$ $= 4 - 20 = -16.$	0,5
	c) $183 + 80:[20 - 4(5^2 - 24)] = 183 + 80:(20 - 4.1)$ $= 183 + 80:16 = 183 + 5 = 188.$	0,5
	d) $(-125) - [148 + 5.(-25)] = (-125) - [148 + (-125)]$ $= (-125) - 148 - (-125) = (-125) + 125 - 148 = -148$	0,5
14	a) $x + 21 = 6$ $x = 6 - 21$ $x = -15$ Vậy $x = -15.$	0,5
	b) $x - 10 = -8$ $x = (-8) + 10$ $x = 2$ Vậy $x = 2.$	0,5
	c) $(-8)x = (-7).(-6) - 2$ $(-8)x = 42 - 2$ $(-8)x = 40$ $x = 40:(-8)$ $x = -5$ Vậy $x = -5.$	0,5

15	Gọi độ dài cạnh của mỗi miếng vải hình vuông là x (cm) ($x \in \mathbb{N}^*$). Để không thừa ra bất kì miếng vải nào thì $120 \vdots x$ và $160 \vdots x$. Để có thể cắt được miếng vải có độ dài cạnh lớn nhất thì x phải là ƯCLN của 120 và 160.	0,5
	Ta có: $120 = 2^3 \cdot 3 \cdot 5$ và $160 = 2^5 \cdot 5$. $\text{ƯCLN}(120; 160) = 40$ nên $x = 40$. Vậy người thợ may có thể cắt được miếng vải hình vuông có cạnh lớn nhất là 40 cm.	0,5
16	a) Diện tích phần lối đi được tính bằng diện tích cả mảnh vườn trừ đi tổng diện tích bốn khu (hai khu hình vuông có diện tích bằng nhau, hai khu hình chữ nhật có diện tích bằng nhau). Diện tích phần lối đi là: $7 \cdot 9 - 2 \cdot 3^2 - 2 \cdot 3 \cdot 5 = 15 (\text{m}^2)$.	1,0
	b) Đổi $15 \text{ m}^2 = 150\,000 \text{ cm}^2$. Số viên gạch cần dùng để lát toàn bộ lối đi là: $150\,000 : (50 \cdot 50) = 60$ (viên)	1,0
17	<ul style="list-style-type: none"> Nếu $p = 2$ thì $p + 2 = 4$ không phải là số nguyên tố. Nếu $p = 3$ thì $p + 2 = 5$ và $p + 4 = 7$ là các số nguyên tố. Nếu $p > 3$ thì $p = 3k + 1$ hoặc $p = 3k + 2$ với $k \in \mathbb{N}^*$. <ul style="list-style-type: none"> Nếu $p = 3k + 1$ thì $p + 2 = 3k + 3 \vdots 3$ nên $p + 2$ là hợp số. Nếu $p = 3k + 2$ thì $p + 4 = 3k + 6 \vdots 3$ nên $p + 4$ là hợp số. <p>Vậy chỉ có $p = 3$ là số nguyên tố thỏa mãn yêu cầu đề bài.</p>	1,0

ĐỀ ÔN HỌC KÌ I

MÔN: TOÁN – Lớp 6

I. Trắc nghiệm: (3,0 điểm)

Ghi ra giấy thi chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1: Cho tập $P = \{2; 3; 4; 5\}$. Phần tử nào sau đây thuộc tập P .

- A. 3 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 2. Kết quả của phép tính $8^6 : 8^3$ là:

- A. 8^2 B. 8^3 C. 8^4 D. 8^5 .

Câu 3. Số nào dưới đây chia hết cả 3 và 5?

- A. 1010 B. 1945 C. 1954 D. 2010

Câu 4. Số 75 được phân tích ra thừa số nguyên tố là:

- A. $2 \cdot 3 \cdot 5$; B. $3 \cdot 5 \cdot 7$; C. $3 \cdot 5^2$; D. $3^2 \cdot 5$;

Câu 5. BCNN(3; 4; 5) bằng:

- A. 20 B. 40 C. 60 D. 80

Câu 6. Kết quả của phép tính: $(-12) + 4$ là:

- A. 16 B. 8 C. -16 D. -8

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. $-5 > 0$ B. $-12 < -11$ C. $-12 > 8$ D. $-7 < -8$

Câu 8. Số nguyên liền sau số -8 là:

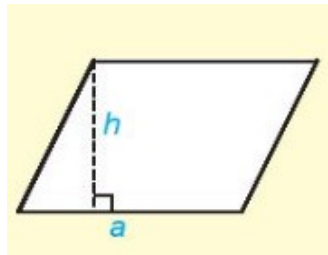
- A. -9 B. -7 C. 9 D. 7

Câu 9. Số đo mỗi góc của tam giác đều là:

- A. 40° B. 50° C. 60° D. 70°

Câu 10: Cho hình 1, công thức tính diện tích của hình bình hành là:

- A. $S = a.b$ B. $S = \frac{1}{2}a.h$
C. $S = \frac{1}{2}b.h$ D. $S = a.h$



Hình 1

Câu 11: Cho hình thoi ABCD có 2 đường chéo d_1 và d_2 .

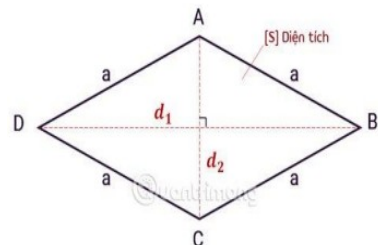
Diện tích hình thoi ABCD là:

A) $S = \frac{1}{2}d_1d_2$

B) $S = \frac{1}{2}d_1$

C) $S = \frac{1}{2}d_2$

D) $S = d_1d_2$



Câu 12. Hình nào *không* có tâm đối xứng trong các hình sau?

- A. Hình chữ nhật. B. Hình vuông. C. Hình thoi. D. Tam giác cân.

II. Tự luận: (7,0 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau một cách hợp lý.

a) $8.(-2).(-5)$

b) $24.25 + 24.75$

c) $215 - (115 - 90)$

d) $240 - [76 - (9 - 3)^2]$

Bài 2. (1,0 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

a) $x + 8 = 5$;

b) $2x - 6 = -18$;

Bài 3. (1,0 điểm) Học sinh khối 6 của một trường có khoảng 100 đến 150 học sinh. Biết rằng khi xếp hàng thành 6 hàng, 8 hàng, 10 hàng thì vừa đủ hàng. Tính số học sinh khối 6 của trường đó?

Bài 4. (2,0 điểm)

Sân nhà bạn An là hình chữ nhật có chiều dài 15m và chiều rộng 6m.

a. Tính diện tích sân nhà bạn An.

b. Bố bạn An muốn dùng những viên gạch hình vuông cạnh là 50cm để lát sân. Vậy bố bạn An cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát hết sân đó? (coi mạch vữa không đáng kể)

c. Tính tổng số tiền vừa đủ để bố bạn An mua gạch lát. Biết giá mỗi viên gạch lát nền là 40.000 đồng

Bài 5. (1,0 điểm)

Chứng minh rằng: $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{119}$ chia hết cho 13.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	D	C	C	D	B	B	C	D	A	D

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
1 (2,0 điểm)	a)	$8 \cdot (-2) \cdot (-5) = 8 \cdot 10 = 80$	0,5
	b)	$24 \cdot 25 + 24 \cdot 75 = 24 \cdot (25 + 75) = 24 \cdot 100 = 2400$	0,5
	c)	$215 - (115 - 90) = 215 - 115 + 90 = 100 + 90 = 190$	0,5
	d)	$240 - [76 - (9 - 3)^2] = 240 - [76 - 6^2] = 240 - 40 = 200$	0,5

2 (1,0 điểm)	a)	$x + 8 = 5$ $x = 5 - 8$ $x = -3$	0,5
	b)	$2x - 6 = -18$ $2x = -18 + 6$ $2x = -12$ $x = -6$	0,5
3 (1,0 điểm)		Gọi số học sinh khối 6 của trường đó là x (học sinh), $x \in \mathbb{N}^*, 100 \leq x \leq 150$	0,25
		Khi xếp thành 6 hàng, 8 hàng, 10 hàng đều vừa đủ nên ta có $x:6; x:8; x:10$	0,25
		Hay $x \in BC(6;8;10)$	0,25
		Ta có: $6 = 2.3$ $8 = 2^3$ $10 = 2.5 \Rightarrow BCNN(6,8,10) = 2^3.3.5 = 120$ $\Rightarrow BC(6,8,10) = B(120) = \{0;120;240;360;\dots\}$	0,25
4 (2,0 điểm)		Vậy số học sinh khối 6 của trường đó là 120 học sinh	
	a)	- Diện tích sân nhà bạn An là $15 \cdot 6 = 90 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
	b)	- Diện tích một viên gạch lát nền hình vuông là $0,5 \cdot 0,5 = 0,25 \text{ (m}^2\text{)}$ - Số viên gạch cần dùng để lát nền nhà là $90 : 0,25 = 360 \text{ (viên)}$	0,5
	c	Tổng số tiền vừa đủ để bố bạn An mua gạch lát là $360 \cdot 40\,000 = 14\,400\,000 \text{ (đồng)}$	0,5
5 (2,0 điểm)		$A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{119}$ $A = (1 + 3 + 3^2) + (3^3 + 3^4 + 3^5) + \dots + (3^{117} + 3^{118} + 3^{119})$ $A = 13 + 3^3.(1 + 3 + 3^2) + \dots + 3^{117}.(1 + 3 + 3^2)$	0,5

		$A = 13. (1 + 3^3 + \dots + 3^{117}) : 13 \text{ (đpcm)}$	0,5
--	--	---	-----

TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỠ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

ĐỀ SỐ 1

Năm học 2023 - 2024

Môn: TOÁN

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Họ và tên học sinh:; Lớp: 6.....

(Đề thi gồm 03 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng cho các câu sau và ghi kết quả vào giấy kiểm tra (Ví dụ: Câu 1: A ; Câu 2: B; ...)

Câu 1: Gọi A là tập hợp các chữ số của số 2024 thì:

- A. $A = \{2; 0; 2; 4\}$ B. $A = \{0; 2; 4\}$ C. $A = \{2; 4\}$ D. $A = \{0; 4\}$

Câu 2: Giá trị của biểu thức $23.142 - 23.42$ bằng:

- A. 23 B. 2300 C. 142 D. 2342

Câu 3: Số nào là số nguyên tố?

- A. 1 B. 9 C. 6 D. 2

Câu 4: Đáp án nào dưới đây là **sai**?

- A. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó
 B. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất
 C. Số 0 và 1 không là số nguyên tố, cũng không là hợp số
 D. Mọi số nguyên tố đều là số lẻ

Câu 5: Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Số 0 là số nguyên âm và cũng là số nguyên dương
 B. Tập hợp số nguyên gồm số nguyên âm, số nguyên dương và số 0
 C. Các số $-1; -2; -3; -4; \dots$ là số nguyên âm

D. Số nguyên dương là số tự nhiên khác 0

Câu 6: Kết quả phép tính: $6 - 2 \cdot (-7) = ?$

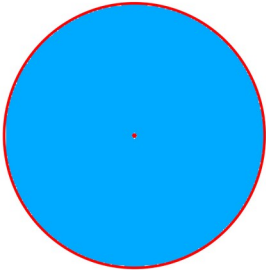
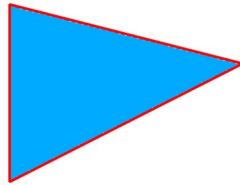
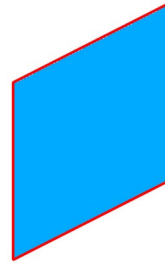
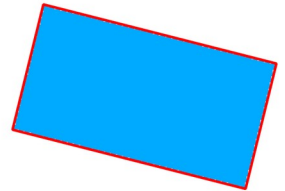
A. 8

B. - 20

C. 20

D. - 8

Câu 7: Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng?



A. Hình tròn

B. Hình tam giác

C. Hình thoi

D. Hình chữ nhật

Câu 8: Cho hình thang cân $ABCD$ có đáy là AB và CD . Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. AB và BC bằng nhau

B. AB và CD không song song với nhau

C. AD và BC bằng nhau

D. AB và CD vuông góc với nhau

Câu 9: Hình nào sau đây có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Hình 1 và Hình 2.

B. Hình 1 và Hình 3.

C. Hình 2 và Hình 3.

D. Hình 1, Hình 2 và Hình 3.

Câu 10: Trong các câu sau, câu nào **sai**?

A. Hình vuông có 4 trục đối xứng

B. Hình tròn có vô số trục đối xứng

C. Hình bình hành có đúng 2 trục đối xứng

D. Hình chữ nhật với 2 kích thước khác nhau có đúng 2 trục đối xứng.

Câu 11: Hình nào sau đây **không** có tâm đối xứng:

A. Hình tam giác

B. Hình vuông

C. Hình thoi

D. Hình tròn

Câu 12: Hình ảnh Quốc kì Việt Nam có số trục đối xứng, tâm đối xứng lần lượt là:



A. 5; 1

B. 2; 1

C. 1; 0

D. 1; 1

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13 (2,0 điểm): Thực hiện phép tính (Hợp lí nếu có thể)

a) $(-35) + 28 + 35 + (-18)$

b) $24 \cdot (-53) + 24 \cdot (-47)$

c) $4 \cdot (-8) \cdot 25 \cdot (-125) \cdot 31$

d) $134 - [(-2)^3 \cdot 5^2 + 6 \cdot 25] + 2024^0$

Câu 14 (1,5 điểm): Tìm x , biết:

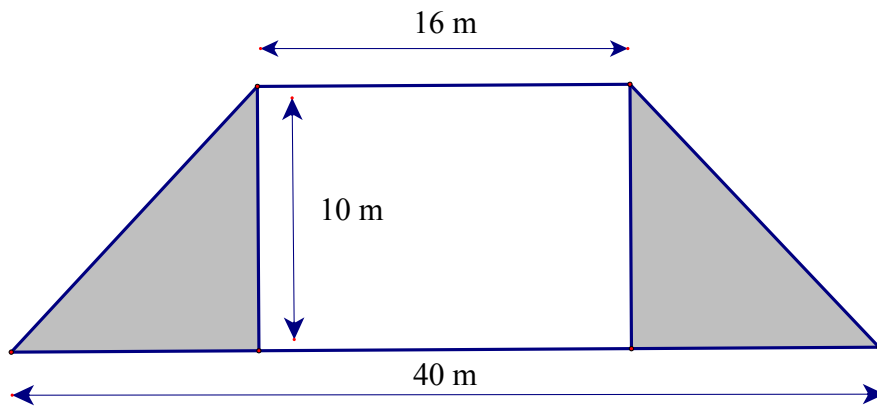
a) $x - 15 = -10$

b) $(100 - 3x) : 2 = -19$

c) $(2x - 8)(x + 7) = 0$

Câu 15 (1,5 điểm): Học sinh khối 6 của một trường có từ 200 đến 300 em. Khi cho xếp thành 8 hàng, 10 hàng, 15 hàng thì đều vừa đủ. Hãy tìm số học sinh khối 6 của trường đó.

Câu 16 (1,5 điểm): Cô Trang có một khu vườn dạng hình thang cân kích thước như hình vẽ. Cô dự định dùng phần vườn hình chữ nhật để trồng hoa và phần vườn còn lại để trồng cây ăn quả.



- a) Tính diện tích khu vườn và diện tích vườn dùng để trồng hoa?
- b) Cô Trang tính rằng cứ mỗi m^2 trồng cây ăn quả, cô cần đầu tư hết 150 000 đ tiền cây giống. Hỏi cô phải đầu tư bao nhiêu tiền để trồng cây ăn quả trong vườn như dự định?

Câu 17 (0,5 điểm): Cho $A = 2113^{2000} - 2011^{2000}$. Chứng minh A chia hết cho cả 2 và 5.

Hết

TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỲ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

ĐỀ SỐ 2

Năm học 2023 - 2024

Môn: TOÁN

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Họ và tên học sinh:; Lớp: 6.....

(Đề thi gồm 03 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng cho các câu sau và ghi kết quả vào giấy kiểm tra (Ví dụ: Câu 1: A ; Câu 2: B; ...)

Câu 1: Gọi M là tập hợp các chữ số của số 2023 thì :

- A. $M = \{2; 0; 2; 3\}$ B. $M = \{0; 2; 3\}$ C. $M = \{2; 3\}$ D. $M = \{0; 2\}$

Câu 2: Giá trị của biểu thức $64.130 - 64.30$ bằng:

- A. 6400. B. 750. C. 7000. D. 500.

Câu 3: Số nào là hợp số?

- A. 0 B. 5 C. 9 D. 7

Câu 4: Đáp án nào dưới đây là **đúng**?

- A. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó
 B. Số 5 là số nguyên tố duy nhất
 C. Số 0 và 1 vừa là số nguyên tố vừa là hợp số
 D. Mọi số nguyên tố đều là số lẻ

Câu 5: Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Số nguyên âm luôn nhỏ hơn 0
 B. Tập hợp các số nguyên dương gồm tất cả các số tự nhiên khác 0
 C. Các số $1; 2; 3; 4; \dots$ là số nguyên dương
 D. Tập hợp số nguyên gồm tất cả các số nguyên âm và tất cả các số nguyên dương

Câu 6: Kết quả phép tính: $23 \cdot (-2) - 4 = ?$

- A. 50 B. - 50 C. 40 D. - 40

Câu 7: Vật dụng nào sau đây vừa có tâm đối xứng và vừa có trục đối xứng



- A. Cái thớt B. Cái chảo C. Con dao D. Cái thìa

Câu 8: Cho hình bình hành ABCD. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. AB và BC song song với nhau
 B. AB và CD song song với nhau
 C. AB và CD bằng nhau
 D. AD và BC bằng nhau

Câu 9: Biển báo **không** có trục đối xứng là?



(1)



(2)



(3)



(4)

A. Biển báo 1
báo 4

B. Biển báo 2

C. Biển báo 3

D. Biển

Câu 10: Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Mỗi đường chéo là một trục đối xứng của hình chữ nhật

B. Mỗi đường thẳng đi qua tâm một đường tròn là trục đối xứng của hình tròn

C. Mỗi đường thẳng đi qua trung điểm của hai cạnh đối diện là trục đối xứng của hình thoi

D. Mỗi đường chéo là một trục đối xứng của hình bình hành

Câu 11: Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng ?

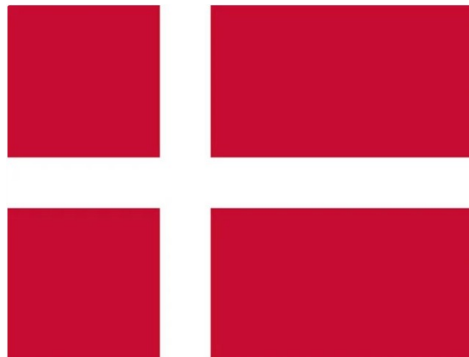
A. Tam giác đều

B. Hình vuông

C. Hình thang

D. Hình chữ nhật

Câu 12: Hình ảnh Quốc kì Đan Mạch có số trục đối xứng và tâm đối xứng lần lượt là:



A. 4; 1

B. 2; 1

C. 2; 0

D. 1; 0

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13 (2,0 điểm): Thực hiện phép tính (Hợp lí nếu có thể)

a) $(-56) + 27 + 56 + (-17)$

b) $61.(-42) + 61.(-58)$

c) $(-4). 8. (-25). 125. 29$

d) $166 - [(-3)^3 . 5 + 4.5^2] - 2023^0$

Câu 14 (1,5 điểm): Tìm x , biết:

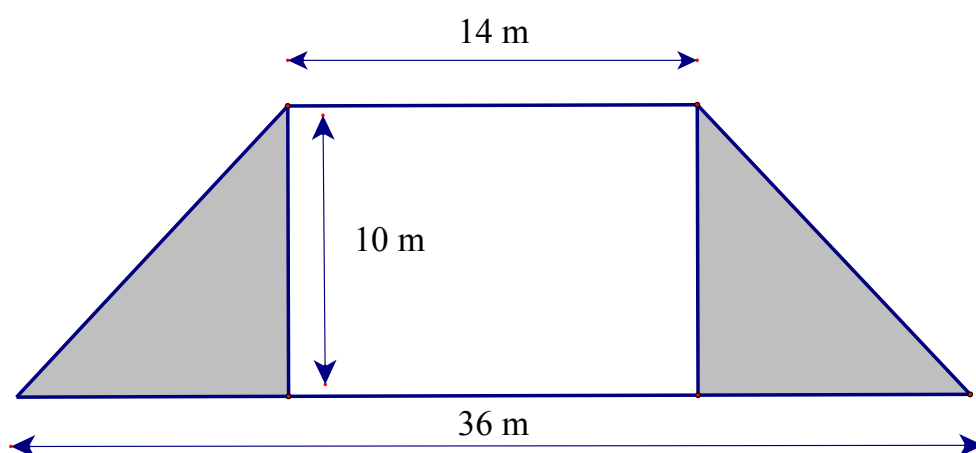
a) $x - 24 = -14$

b) $(88 - 4x) : 2 = -6$

c) $(3x + 9)(x - 10) = 0$

Câu 15 (1,5 điểm): Số sách khi xếp thành các bó 10 cuốn, 12 cuốn, 16 cuốn thì đều vừa đủ. Hãy tìm số sách biết số sách trong khoảng 400 đến 500.

Câu 16 (1,5 điểm): Bác Dân có một khu vườn dạng hình thang cân kích thước như hình vẽ. Bác dự định dùng phần vườn hình chữ nhật để trồng hoa và phần vườn còn lại để trồng cây ăn quả.



a) Tính diện tích khu vườn và diện tích vườn dùng để trồng hoa?

b) Bác Dân tính rằng cứ mỗi m^2 trồng cây ăn quả, bác cần đầu tư hết 160 000 đ tiền cây giống. Hỏi bác phải đầu tư bao nhiêu tiền để trồng cây ăn quả trong vườn như dự định?

Câu 17 (0,5 điểm): Cho $N = 2017^{2020} - 2013^{2020}$. Chứng minh rằng N chia hết cho 10.

Hết

PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM
TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỠ

ĐÁP ÁN & BIỂU ĐIỂM
ĐỀ KT CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: TOÁN 6

Năm học 2023 - 2024

I. Phần trắc nghiệm: 0,25đ/câu x 12 câu = 3 điểm

ĐỀ 1	Câu 1: B	Câu 2: B	Câu 3: D	Câu 4: D	Câu 5: A	Câu 6: C
	Câu 7: B	Câu 8: C	Câu 9: D	Câu 10: C	Câu 11: A	Câu 12: C

ĐỀ 2	Câu 1: B	Câu 2: A	Câu 3: C	Câu 4: A	Câu 5: D	Câu 6: B
	Câu 7: A	Câu 8: A	Câu 9: C	Câu 10: B	Câu 11: C	Câu 12: D

II. Phần tự luận: 7 điểm

		Đề số 1	Đề số 2	
Câu 13 (2,0đ)	a	$(-35) + 28 + 35 + (-18)$ $= [(-35) + 35] + [28 + (-18)]$ $= 0 + 10$ $= 10$	$(-56) + 37 + 56 + (-17)$ $= [(-56) + 56] + [37 + (-17)]$ $= 0 + 20$ $= 20$	0,25đ 0,25đ
		$24.(-53) + 24.(-47)$ $= 24.[(-53) + (-47)]$ $= 24.(-100)$ $= -2400$	$51.(-36) + 51.(-64)$ $= 51.[(-36) + (-64)]$ $= 51.(-100)$ $= -5100$	0,25đ 0,25đ
	c	$4.(-8).25.(-125).31$ $= 4.25.(-8).(-125).31$ $= 100.1000.31$ $= 3\ 100\ 000$	$(-4).8.(-25).125.29$ $= (-4).(-25).8.125.29$ $= 100.1000.29$ $= 2\ 900\ 000$	0,25đ 0,25đ

	d	$134 - [(-2)^3 \cdot 5^2 + 6.25] + 2024^0$ $= 134 - [(-8) \cdot 25 + 6.25] + 1$ $= 135 - [(-200) + 150]$ $= 135 - [-50]$ $= 135 + 50$ $= 185$	$166 - [(-3)^3 \cdot 5 + 4.5^2] - 2023^0$ $= 166 - [(-27) \cdot 5 + 4.25] - 1$ $= 165 - [(-135) + 100]$ $= 165 - [-35]$ $= 165 + 35$ $= 200$	0,25đ
				0,25đ
Câu 14 (1,5đ)	a	$x - 15 = -10$ $x = (-10) + 15$ $x = 5$	$x - 24 = -14$ $x = (-14) + 24$ $x = 10$	0,25đ
				0,25đ
	b	$(100 - 3x) : 2 = -19$ $100 - 3x = (-19) \cdot 2$ $3x = 100 - (-38)$ $3x = 100 + 38$ $3x = 138$ $x = 138 : 3$ $x = 46$	$(88 - 4x) : 2 = -6$ $88 - 4x = (-6) \cdot 2$ $4x = 88 - (-12)$ $4x = 88 + 12$ $4x = 100$ $x = 100 : 4$ $x = 25$	0,25đ
				0,25đ
	c	$(2x - 8)(x + 7) = 0$ <p>TH1: $2x - 8 = 0$</p> $2x = 8$ $2x = 8 : 2$ $x = 4$ <p>TH2: $x + 7 = 0$</p> $x = -7$	$(3x + 9)(x - 10) = 0$ <p>TH1: $3x + 9 = 0$</p> $3x = -9$ $x = (-9) : 3$ $x = -3$ <p>TH2: $x - 10 = 0$</p> $x = 10$	0,25đ
				0,25đ
Câu 15 (1,5đ)		Gọi số học sinh là x (em) $(x \in \square, 200 \leq x \leq 300)$	Gọi số sách là x (cuốn) $(x \in \square, 400 \leq x \leq 500)$	0,25đ
		Theo đề bài:	Theo đề bài:	0,25đ

		$\left. \begin{array}{l} x : 8 \\ x : 10 \\ x : 15 \end{array} \right\} \Rightarrow \begin{array}{l} \in \\ x \end{array} \text{BC}(8, 10, 15)$	$\left. \begin{array}{l} x : 10 \\ x : 12 \\ x : 16 \end{array} \right\} \Rightarrow \begin{array}{l} \in \\ x \end{array} \text{BC}(10, 12, 16)$	
		<p>Ta có:</p> $\left. \begin{array}{l} 8 = 2^3 \\ 10 = 2 \cdot 5 \\ 15 = 3 \cdot 5 \end{array} \right\} \Rightarrow \text{BCNN}(8, 10, 15) = 120$	<p>Ta có:</p> $\left. \begin{array}{l} 10 = 2 \cdot 5 \\ 12 = 2^2 \cdot 3 \\ 16 = 2^4 \end{array} \right\} \Rightarrow \text{BCNN}(10, 12, 16) = 240$	0,5đ
		<p>BC(8, 10, 15) = B(120) = [0; 120; 240; 360; ...]</p> <p>Mà $200 \leq x \leq 300$</p> <p>$\Rightarrow x = 240$ (thỏa mãn)</p> <p>Vậy số học sinh là: 240 (em)</p>	<p>BC(10, 12, 16) = B(240) = [0; 240; 480; 720; ...]</p> <p>Mà $400 \leq x \leq 500$</p> <p>$\Rightarrow x = 480$ (thỏa mãn)</p> <p>Vậy số sách là: 480 (cuốn)</p>	0,25đ 0,25đ
Câu 16 (1,5đ)	a	<p>Diện tích khu vườn là:</p> $(40 + 16) \cdot 10 : 2 = 280 \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Diện tích trồng hoa là:</p> $16 \cdot 10 = 160 \text{ (m}^2\text{)}$	<p>Diện tích khu vườn là:</p> $(36 + 14) \cdot 10 : 2 = 250 \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Diện tích trồng hoa là:</p> $14 \cdot 10 = 140 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5đ 0,5đ
	b	<p>Diện tích trồng hoa quả là:</p> $280 - 160 = 120 \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Số tiền cần đầu tư là:</p> $120 \cdot 150\,000 = 18\,000\,000 \text{ (đ)}$	<p>Diện tích trồng hoa quả là:</p> $250 - 140 = 110 \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Số tiền cần đầu tư là:</p> $110 \cdot 160\,000 = 17\,600\,000 \text{ (đ)}$	0,25đ 0,25đ
Câu 17 (0,5đ)		$\begin{aligned} A &= 2113^{2000} - 2011^{2000} \\ &= 2113^{4 \cdot 500} - \overline{1} \\ &= (2113^4)^{500} - \overline{1} \\ &= (\overline{1})^{500} - \overline{1} \\ &= \overline{1} - \overline{1} = \overline{0} \end{aligned}$ <p>Vậy A chia hết cho cả 2 và 5.</p>	$\begin{aligned} N &= 2017^{2020} - 2013^{2020} \\ &= 2017^{4 \cdot 505} - 2013^{4 \cdot 505} \\ &= (2017^4)^{505} - (2013^4)^{505} \\ &= (\overline{1})^{505} - (\overline{1})^{505} \\ &= \overline{1} - \overline{1} = \overline{0} \end{aligned}$ <p>Vậy N chia hết cho 10.</p>	0,25đ 0,25đ

(HS có cách giải khác, làm đúng kết quả thì vẫn đạt điểm tối đa)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

MÔN: TOÁN 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng (từ câu 1 đến câu 12)

Câu 1. Cho tập $A = \{2; 3; 4; 5\}$. Phần tử nào sau đây thuộc tập A.

- A. 1 B. 3 C. 7 D. 8

Câu 2. Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 0 B. 2 C. 4 D. 6.

Câu 3. Các số $-12; 8; 49; -9; 0$ được sắp xếp từ bé đến lớn là :

- A. $-9; -12; 0; 8; 49$ B. $-12; -9; 0; 8; 49$ C. $0; 8; -9; -12; 49$ D. $0; -12; -9; 8; 49$

Câu 4: Kết quả của phép tính $2021^{2023} : 2021^{2022}$ là:

- C. 1. B. 2021. C. 2022. D. 2021^2

Câu 5. BCNN (15, 30, 60) là :

- C. $2^4 . 5 . 7$. B. 2^4 . C. $2^2 . 3 . 5$. D. $5 . 7$.

Câu 6. Điền số thích hợp vào dấu * để số $\overline{711}^*$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- C. 5. B. 9 . C. 3 . D. 0.

Câu 7. Trong các hình dưới đây, hình nào dưới đây là hình lục giác đều



(1)

(2)

(3)

(4)

- A. Hình (3). B. Hình (2). C. Hình (1). D. Hình (4).

Câu 8. Hình có một trục đối xứng là:

- B. Hình chữ nhật. B. Hình bình hành. C. Hình thoi. D. Hình thang cân.

Câu 9. Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 20 cm và 40 cm. Diện tích hình thoi đó là:

- C. 400cm^2 . B. 600cm^2 . C. 800cm^2 . D. 200cm^2 .

Câu 10. Trong tập hợp Z các ước của -12 là:

- A. $\{1; 3; 4; 6; 12\}$ B. $\{-1; -2; -3; -4; -6; -12; 1; 2; 3; 4; 6; 12\}$
D. $\{-1; -2; -3; -4; -6; -12\}$ C. $\{-1; -2; -3; -4; -6; -12; 0; 1; 2; 3; 4; 6; 12\}$

Câu 11. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?.

- A. 13°C . B. -5°C C. 5°C . D. -13°C .

Câu 12. Hình nào có tâm đối xứng trong các hình sau?

- A. Hình tam giác đều. B. Hình vuông. C. Hình thang. D. Hình thang cân.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13: (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

- a) $(-18) + 25 - 21$ b) $24.82 + 24.18 - 100$
 c) $(-26) + 48 + (-34) + 42$ d) $476 - \{5.[409 - (8.3 - 21)^2] - 1724\}.$

(1,5 điểm). Tìm số nguyên x, biết:

Câu 14

- a) $3 + x = -8$ b) $(20 - 2.x) . 2 = 60$ c) $(x - 5)^3 = 8$

Câu 15 (1,5 điểm). Một đội y tế có 48 bác sĩ và 216 y tá được điều động đi tham gia phòng chống Covid-19. Để phục vụ được nhiều nơi có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành bao nhiêu tổ để số bác sĩ cũng như số y tá được chia đều vào các tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu bác sĩ và bao nhiêu y tá?

Câu 16 (1,5 điểm). Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 8m và chiều dài bằng 15m.

- a) Tính chu vi và diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó.
 b) Người ta tính rằng trung bình cứ 1m² thì thu hoạch được 8kg cải bắp với giá bán 7000 đồng/kg. Tính số tiền thu được sau khi bán hết số cải bắp trên mảnh vườn đó.

(0,5 điểm). Cho $B = 4^1 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 5

Câu 17

C. HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm). Mỗi câu đúng cho 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	B	B	C	D	D	D	A	B	B	B

II. Tự luận

Câu	ý	Nội dung	Điểm
	a)	$(-18) + 25 - 21 = 14$	0,5đ
	b)	$24.82 + 24.18 - 100 = 24.(82 + 18) - 100$	0,25đ

13		$= 24.100 - 100 = 2300$	0,25đ
	c)	$(-26) + 48 + (-34) + 42 = [(-26) + (-34)] + (48 + 42)$ $= -60 + 90 = 30$	0,25đ 0,25đ
	d)	$476 - \{5.[409 - (8.3 - 21)^2] - 1724\}$ $= 476 - \{5.[409 - 9] - 1724\}$ $= \dots = 200$	0,25đ 0,25đ
14	a)	$3 + x = -8$ $x = -8 - 3$ $x = -11$	0,25đ 0,25đ
	b)	$(20 - 2.x) . 2 = 60$ $20 - 2.x = 60 : 2$ $20 - 2.x = 30$ $x = -10; 2 = -5$	0,25đ 0,25đ
	c)	$(x - 5)^3 = 8$ $(x - 5)^3 = 2^3$ $x - 5 = 2$ $x = 2 + 5 = 7$	0,25đ 0,25đ
15		Gọi số tổ nhiều nhất có thể chia được là $x (x \in \mathbb{N}^+)$	0,25đ
		Khi đó $48 : x$ và $216 : x$, mà x lớn nhất nên $x = \text{UCLN}(48, 216)$	0,25đ
		Ta có $\text{UCLN}(48, 216) = 24$	0,5đ
		Vậy số tổ nhiều nhất có thể chia được là 24 tổ	0,25đ
		Khi đó mỗi tổ có $48 : 24 = 2$ bác sỹ và $216 : 24 = 9$ y tá	0,25đ
16	a)	Chu vi hình chữ nhật là: $(15 + 8) . 2 = 46(\text{m})$ Diện tích hình chữ nhật là: $15 . 8 = 120(\text{m}^2)$	0,5đ 0,5đ
	b)	Số tiền thu được khi bán hết cái bắp là: $120 . 8 . 7000 = 6\,720\,000$ (đồng)	0,5đ
17		$4^1 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 5 Cho B = Giải: Ta có $B = 4(1 + 4 + 4^2) + 4^4(1 + 4 + 4^2) + \dots + 4^{298}(1 + 4 + 4^2)$ $= 4.21 + 4^4.21 + \dots + 4^{298}.21$ $= 21.(4 + 4^4 + \dots + 4^{298}) : 21$ Vậy B : 21	0,25đ 0,25đ

Chú ý: Nếu HS không làm theo HD chấm mà làm cách khác nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa.

UBND THÀNH PHỐ THANH HÓA
TRƯỜNG THCS QUẢNG THÀNH

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022-2023

Môn: Toán lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Họ và tên: Lớp 6.....

Số báo danh	Họ tên, chữ ký người coi thi		Số phách
	Số 1	Số 2	

.....đường cắt phách.....

Điểm bài thi	Họ tên, chữ ký người chấm thi		Số phách
Bảng số:	Số 1	Số 2	
Bảng chữ:			

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng (từ câu 1 đến câu 12)

Câu 1. Cho tập $A = \{2; 3; 4; 5\}$. Phần tử nào sau đây thuộc tập A.

- A. 1 B. 3 C. 7 D. 8

Câu 2. Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 0 B. 2 C. 4 D. 6.

Câu 3. Các số $-12; 8; 49; -9; 0$ được sắp xếp từ bé đến lớn là :

- A. $-9; -12; 0; 8; 49$ B. $-12; -9; 0; 8; 49$ C. $0; 8; -9; -12; 49$ D. $0; -12; -9; 8; 49$

Câu 4. Kết quả của phép tính $2021^{2023} : 2021^{2022}$ là:

- D. 1. B. 2021. C. 2022. D. 2021^2

Câu 5. BCNN (15, 30, 60) là :

- D. $2^4 . 5 . 7$. B. 2^4 . C. $2^2 . 3 . 5$. D. $5 . 7$.

Câu 6. Điền số thích hợp vào dấu * để số $\overline{711}^*$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- D. 5. B. 9 . C. 3 D. 0.

Câu 7. Trong các hình dưới đây, hình nào dưới đây là hình lục giác đều



(1)

(2)

(3)

(4)

- A. Hình (3). B. Hình (2). C. Hình (1). D. Hình (4).

Câu 8. Hình có một trục đối xứng là:

- C. Hình chữ nhật. B. Hình bình hành. C. Hình thoi. D. Hình thang cân.

Câu 9. Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 20 cm và 40 cm. Diện tích hình thoi đó là:

- D. 400cm^2 . B. 600cm^2 . C. 800cm^2 . D. 200cm^2 .

Câu 10. Trong tập hợp Z các ước của -12 là:

- A. $\{1; 3; 4; 6; 12\}$ B. $\{-1; -2; -3; -4; -6; -12; 1; 2; 3; 4; 6; 12\}$
D. $\{-1; -2; -3; -4; -6; -12\}$ C. $\{-1; -2; -3; -4; -6; -12; 0; 1; 2; 3; 4; 6; 12\}$

Câu 11. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?.

- A. 13°C . B. -5°C C. 5°C . D. -13°C .

Câu 12. Hình nào có tâm đối xứng trong các hình sau?

- A. Hình tam giác đều. B. Hình vuông. C. Hình thang. D. Hình thang cân.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)**Câu 13:** (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $(-18) + 25 - 21$

b) $24.82 + 24.18 - 100$

c) $(-26) + 48 + (-34) + 42$

d) $476 - \{5.[409 - (8.3 - 21)^2] - 1724\}.$

(1,5 điểm). Tìm số nguyên x, biết:

Câu 14

a) $3 + x = -8$

b) $(20 - 2.x) . 2 = 60$

c) $(x - 5)^3 = 8$

Câu 15 (1,5 điểm). Một đội y tế có 48 bác sĩ và 216 y tá được điều động đi tham gia phòng chống Covid-19. Để phục vụ được nhiều nơi có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành bao nhiêu tổ để số bác sĩ cũng như số y tá được chia đều vào các tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu bác sĩ và bao nhiêu y tá?**Câu 16** (1,5 điểm). Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 8m và chiều dài bằng 15m.

a) Tính chu vi và diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó.

b) Người ta tính rằng trung bình cứ 1m² thì thu hoạch được 8kg cải bắp với giá bán 7000 đồng/kg. Tính số tiền thu được sau khi bán hết số cải bắp trên mảnh vườn đó.(0,5 điểm). Cho $B = 4^1 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{300}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 5**Câu 17**

UBND QUẬN CẨM LỆ

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

NGUYỄN THỊ ĐỊNH**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ 1**I. TRẮC NGHIỆM:** (3,0 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.**Câu 1.** Đâu là tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 4 và không vượt quá 7?

A. $A = \{5; 6; 7\}$

B. $A = \{5; 6\}$

C. $A = \{4; 5; 6\}$

D. $A = \{4; 5; 6; 7\}$

Câu 2. Số 14 được viết dưới dạng số La Mã là:

A. XIV

B. XVI

C. XIII

D. IVX

Câu 3. Cho tổng $M = 14 + 16 + 18 + 20$. Dựa vào tính chất chia hết của một tổng, M sẽ chia hết cho số nào sau đây?

- A. 7 B. 5 C. 2 D. 8

Câu 4. Một số chia hết cho 5 khi nó có chữ số tận cùng là:

- A. Số chẵn B. Số 0 C. Số 5 D. Số 0 hoặc 5

Câu 5. Đối với biểu thức không có dấu ngoặc và chỉ có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, thì thực hiện phép tính đúng là:

- A. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân, chia $\rightarrow$ Cộng, trừ
 B. Nhân, chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng, trừ
 C. Cộng, trừ $\rightarrow$ Nhân, chia $\rightarrow$ Lũy thừa
 D. Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng, trừ $\rightarrow$ Nhân, chia

Câu 6. Thực hiện phép tính $3^2 \cdot 3^4$ được kết quả:

- A. 3^6 B. 3^8 C. 9^6 D. 9^8

Câu 7. Số tự nhiên x là bội của 4 và thỏa mãn $24 < x < 30$. Số x là:

- A. 20 B. 12 C. 27 D. 28

Câu 8. A là tập hợp các ước của 6. Vậy A là tập hợp nào sau đây?

- A. $\{0; 1; 2; 3; 6\}$ B. $\{1; 2; 3; 6\}$ C. $\{1; 2; 3\}$ D. $\{2; 3\}$

Câu 9. Có bao nhiêu số nguyên tố nhỏ hơn 10?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 10. Trong các số sau, số nào là hợp số?

- A. 1 B. 11 C. 21 D. 31

Câu 11. Số liền sau của số -1 là số nào sau đây?

- A. -2 B. 0 C. 1 D. 2

Câu 12. Nhiệt độ trong phòng ướp lạnh đang là -6°C , một công nhân đã hạ nhiệt độ xuống thêm 4°C nữa. Hỏi sau khi điều chỉnh, nhiệt độ trong phòng ướp lạnh là bao nhiêu độ C?

- A. -2°C B. -24°C C. -15°C D. -10°C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $39.123 - 39.20 - 39.3$ b) $84 : 4 + 3^9 : 3^7 + 5^0$ c) $80 - \left[130 - (12 - 4)^2 \right]$

Câu 2. (2,0 điểm)

a) Tìm x biết: $5 \cdot (x - 9) = 350$

b) Tìm các số tự nhiên x, biết rằng: $9 : x$; $14 : x$ và x là số lớn nhất.

Câu 3. (1,0 điểm)

a) Tìm các chữ số a, b để: Số $\overline{4a12b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9.

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 8; -21; 5; -12; -1.

Câu 4. (1,5 điểm) Trong đợt trải nghiệm ở thảo cầm viên năm học 2024 – 2025, số học sinh khối lớp 6 của một trường được xếp lên hai loại xe 45 chỗ và 30 chỗ thì vừa đủ chỗ ngồi. Tìm số học sinh khối lớp 6 biết số học sinh khoảng từ 200 đến 300 em.

Câu 5. (0,5 điểm) Cho $A = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{100}$. Chứng minh A chia hết cho 4

----Hết----UBND QUẬN CẨM LỆ

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Năm học: 2024 – 2025

NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Môn: Toán – Lớp 6

HƯỚNG DẪN CHẤM

1. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng : 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	C	D	A	A	D	B	C	C	B	D

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1 (2,0 điểm)	a) $39.123 - 39.20 - 39.3$	0,25
	$= 39.(123 - 20 - 3)$	0,25
	$= 39.100 = 3900$	
	b) $84 : 4 + 3^9 : 3^7 + 5^0$	0,5
	$= 21 + 9 + 1$	0,25
	$= 31$	
	c) $80 - \left[130 - (12 - 4)^2 \right]$	0,25
	$= 80 - [130 - 64]$	0,25
	$= 80 - 66$	0,25
	$= 14$	
Câu 2 (2,0 điểm)	a) $5.(x - 9) = 350$	0,25
	$x - 9 = 350 : 5$	0,25
	$x - 9 = 70$	0,25

	$x = 70 + 9$ $x = 79$	0,25
	b) Vì $9 \vdots x$; $14 \vdots x$ và x là số lớn nhất. Nên $x = UCLN(9;14)$ Ta có: $9 = 3^2$; $14 = 2.7$ $x \in UCLN(9;14) = 1$ Nên	0,25 0,5 0,25
Câu 3 (1,0 điểm)	a) $a = 2$; $b = 0$ HS ghi đúng đáp án nhưng không giải thích cho 0,25	0,5
	b) -21 ; -12 ; -1 ; 5 ; 8	0,5
Câu 4 (1,5 điểm)	Gọi x (HS) là số học sinh của khối lớp 6 ($x \in N^*$) Theo đề ta có $x \vdots 45$ và $x \vdots 30$ Do đó x là BC(45, 30) $45 = 3^2.5$; $30 = 2.3.5$ $BCNN(45; 30) = 3^2.2.5 = 90$ $BC(45, 30) = \{ 0; 90; 180; 270; 360... \}$ Vì số học sinh khoảng từ 200 đến 300 nên số HS của khối lớp 6 đó là 270 học sinh.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 5 (0,5 điểm)	$A = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{100}$ $= (3 + 3^2) + (3^3 + 3^4) + \dots + (3^{99} + 3^{100})$ $= 3.(1 + 3) + 3^3.(1 + 3) + \dots + 3^{99}.(1 + 3)$ $= 3.4 + 3^3.4 + \dots + 3^{99}.4$ $= 4.(3 + 3^3 + \dots + 3^{99})$ Vì 4 chia hết cho 4. Nên $4.(3 + 3^3 + \dots + 3^{99}) \vdots 4$ Vậy A chia hết cho 4.	0,25 0,25

Lưu ý:

- Trên đây là các bước giải cơ bản cho từng bài, từng ý và biểu điểm tương ứng, học sinh phải có lời giải chặt chẽ chính xác mới công nhận cho điểm.
- Học sinh có cách giải khác đúng đến đâu cho điểm thành phần đến đó.

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

MÔN: TOÁN 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu 1: Số phần tử của tập hợp $A = \{2; 4; 6; 8; 10; \dots; 32\}$ là

A. 16 B. 34 C. 32 D. 15

Câu 2: Kết quả của phép tính $5^4 : 25$ bằng?

A. 5^{10} B. 5^2 C. 5^5 D. 25^5

Câu 3: Giá trị của x trong biểu thức $44 + 7.x = 10^3 : 10$ là

A. $x = 8$ B. $x = 18$ C. $x = 28$ D. $x = 38$

Câu 4: Trong các số sau, số chia hết cho cả 3; 5 và 9 là

A. 2016 B. 2015 C. 1140 D. 1125

Câu 5: Cho $a = 48$; $b = 16$ thì $\text{ƯCLN}(a; b)$ bằng

A. 4 B. 48 C. 16 D. 8

Câu 6: Có ba loại bóng đèn trang trí, chúng phát sáng cùng một lúc vào 18h. Đèn thứ nhất cứ 5 giây phát sáng một lần, đèn thứ hai cứ 7 giây phát sáng một lần và đèn thứ 3 cứ 12 giây phát sáng một lần. Ba đèn cùng phát sáng lần tiếp theo vào lúc

A. 18h5phút B. 18h7phút C. 18h9phút D. 18h12phút

Câu 7: Kết quả của phép tính : $(-28) - (-11)$ bằng

A. -39 B. -17 C. 39 D. 17

Câu 8: Để giá trị của: $x + 180$ là số nguyên âm nhỏ nhất có hai chữ số thì x bằng

A. -190 B. -279 C. 170 D. 81

Câu 9: Tổng tất cả các số nguyên n thỏa mãn $-6 < n \leq 2$ là

- A. -12 B. -9 C. -18 D. 10

Câu 10: Hình thoi ABCD có hai đường chéo $AB = 8\text{cm}$; $BD = 6\text{cm}$. Diện tích của hình thoi đó bằng

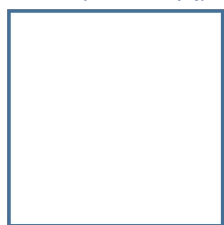
- A. 24cm B. 24cm^2 C. 48cm D. 48cm^2

Câu 11: Một hình bình hành có chu vi bằng 24cm . Một cạnh dài 4cm , cạnh liền kề với cạnh đó dài là

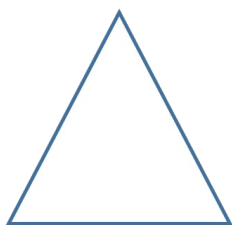
- A. 2cm B. 4cm C. 8cm D. 12cm

Câu 12: Trong các hình sau hình có nhiều trục đối xứng nhất là

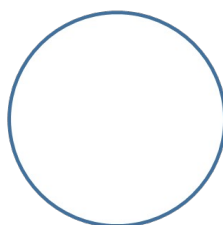
- A. Hình vuông
B. Hình tam giác cân
C. Hình tròn
D. Hình trái tim



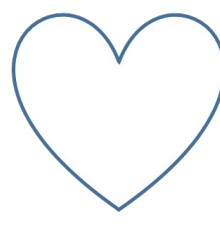
Hình vuông



Hình tam giác cân



Hình tròn



Hình trái tim

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

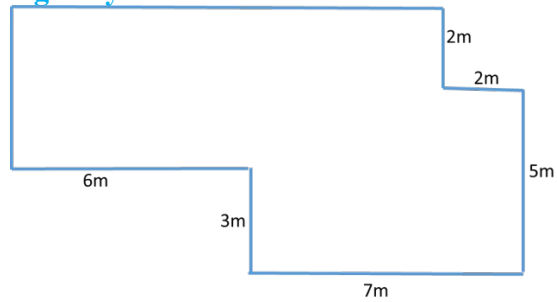
a) $60 : [15 - (7 - 4)^2]$ b) $12 + (-17) + (-12) - (-35)$

Bài 2: (1,0 điểm). Tìm x biết:

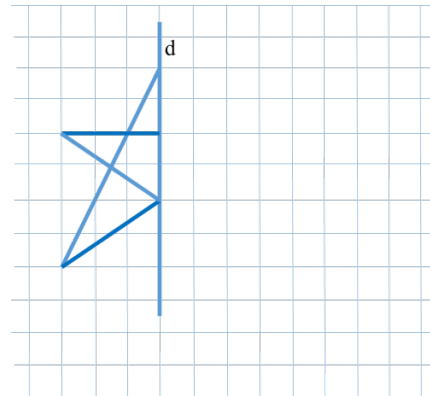
a) $(123 - 4x) - 67 = 8$ b) $4^{x+1} + 2 = -(-66)$

Bài 3: (1,75 điểm). Tính số học sinh của trường THCS Tiên Phong. Biết rằng khi xếp hàng 6, hàng 8 và hàng 9 để tập dân vũ thì vừa đủ và số học sinh của trường trong khoảng từ 200 đến 250 em.

Bài 4: (1,5 điểm) Một mảnh vườn có hình dạng như sau. Hãy tính diện tích của mảnh vườn đó.



Bài 5: (1 điểm) Vẽ tiếp hình sau để được hình nhận đường thẳng d là trục đối xứng



Bài 6: (0,75 điểm) Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{18} + 2^{19} + 2^{20}$

Chứng minh rằng $A \vdots 15$

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I: PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm).

Mỗi đáp án chọn đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	A	D	C	B	B	B	A	B	C	C

Phần II: PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài	Đáp án	Biểu điểm	
Bài 1 (1,0 điểm)	uigeli.xyz		
	a) $60 : \left[15 - (7 - 4)^2 \right]$ $= 60 : \left[15 - 3^2 \right]$ $= 60 : \left[15 - 9 \right]$ $= 60 : 6$ $= 10$	0,25 0,25	Chú ý: + Các cách giải khác đúng, chặt chẽ, đầy đủ vẫn cho điểm tối đa. Riêng bài tính hợp lý nếu tính được hợp lý mà không tính nhưng kết quả đúng chỉ cho nửa số điểm. Nếu chỉ ghi luôn kết quả cuối cùng, không có các bước giải: Không cho điểm
	b) $12 + 17 + (-12) - (-35)$ $= \left[12 + (-12) \right] + \left[(-17) + 35 \right]$ $= 0 + \left[35 - 17 \right]$ $= 18$	0,25 0,25	
Bài 2 (1,0 điểm)	a) $(123 - 4x) - 67 = 8$ $\Rightarrow 123 - 4x = 8 + 67$ $\Rightarrow 123 - 4x = 75$ $\Rightarrow 4x = 123 - 75$ $\Rightarrow 4x = 48$ $\Rightarrow x = 48 : 4$ $\Rightarrow x = 12$ Vậy $x = 12$	0,25 0,25	
	b) $4^{x+1} + 2 = -(-66)$ $\Rightarrow 4^{x+1} + 2 = 66$ $\Rightarrow 4^{x+1} = 66 - 2$ $\Rightarrow 4^{x+1} = 64 = 4^3$ $\Rightarrow x + 1 = 3$ Vậy $x = 2$	0,25 0,25	
Bài 3 (1,75 điểm)	Gọi số học sinh của trường THCS Tiền Phong là a $a \in \mathbb{N}$ và $200 < a < 250$	0,25	
	Theo đề , khi xếp hàng tập dân vũ mà xếp hàng 6, hàng 8, hàng 9 đều vừa đủ hàng nên $a : 6; a : 8$ và $a : 9 \Rightarrow a \in BC(6; 8; 9)$	0,25	

PHÒNG GD&ĐT
TRƯỜNG

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
Môn: TOÁN – Lớp 6
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu trả lời sau và ghi vào giấy làm bài. Ví dụ: Câu 1 chọn đáp án A thì ghi “Câu 1: A”.

Câu 1: Tập hợp số tự nhiên khác 0 được kí hiệu là

- A. $N^* = \{0; 1; 2; 3; \dots\}$. B. $N^* = \{1; 2; 3; \dots\}$. C. $N = \{0; 1; 2; 3; \dots\}$. D. $N = \{1; 2; 3; \dots\}$.

Câu 2: Viết số 24 bằng số La Mã

- A. XXIII. B. XXIX. C. XXIV. D. XIV.

Câu 3: Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc là

- A. $[\quad] \quad () \quad \{\}$. B. $() \quad [\quad] \quad \{\}$. C. $\{\} \quad [\quad] \quad ()$. D. $[\quad] \quad \{\} \quad ()$.

Câu 4: Chọn phát biểu sai.

- A. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước.
B. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ chia hết cho 1 và chính nó.
C. Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.
D. Số 0 là hợp số vì số 0 có nhiều hơn hai ước.

Câu 5: Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{4}{11}$. B. $\frac{14}{20}$. C. $\frac{5}{15}$. D. $\frac{12}{8}$.

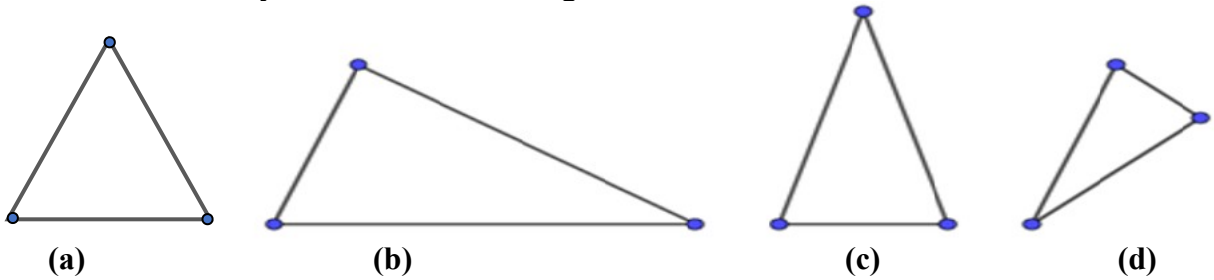
Câu 6: Tập hợp nào dưới đây gồm các số nguyên âm?

- A. $\{-3; -2; 1\}$. B. $\{-9; -2; -1\}$. C. $\{-1; -3; 0\}$. D. $\{1; 4; 8\}$.

Câu 7: Trong các dãy số sau đây, dãy số nào sắp xếp theo thứ tự tăng dần?

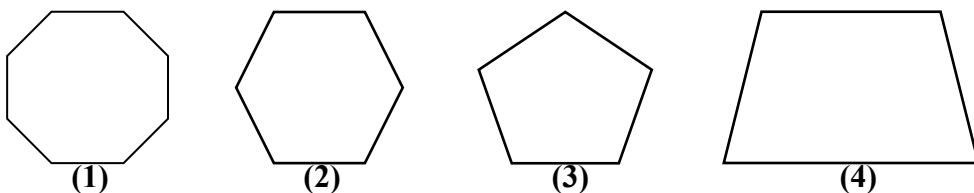
- A. $-5; -3; 0; 7$. B. $-3; -5; 0; 7$. C. $0; -3; -5; 7$. D. $0; 7; -5; -3$.

Câu 8: Hình nào dưới đây là hình biểu diễn tam giác đều?



- A. Hình (b). B. Hình (c). C. Hình (a). D. Hình (d).

Câu 9: Trong các hình dưới đây, hình nào là hình lục giác đều?

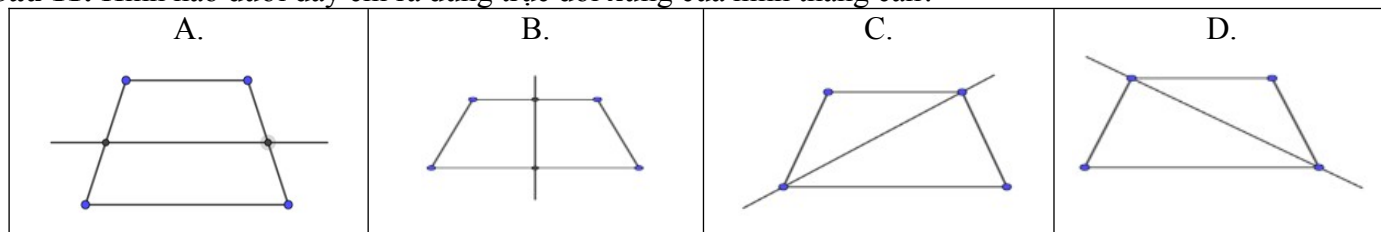


- A. Hình (1). B. Hình (3). C. Hình (4). D. Hình (2).

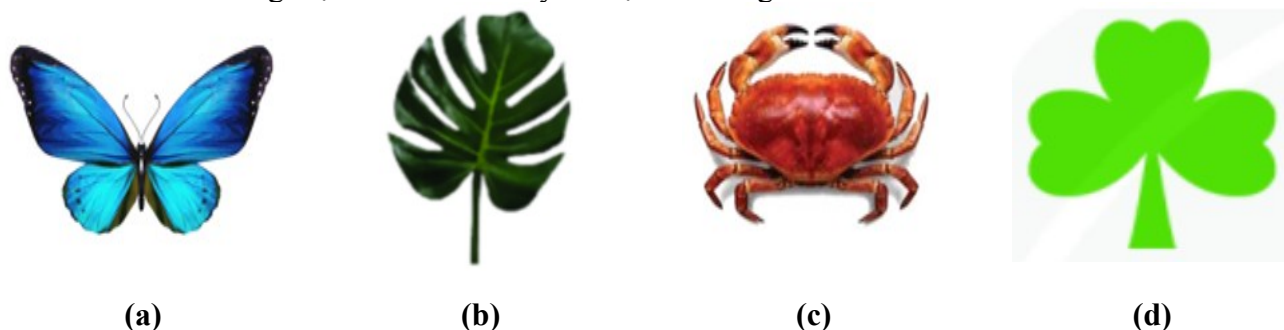
Câu 10: Chọn phát biểu **đúng**.

- A. Trong hình chữ nhật, hai đường chéo không bằng nhau.
- B. Trong hình thoi, các cạnh song song với nhau.
- C. Trong hình bình hành, các góc đối bằng nhau.
- D. Trong hình thang cân, hai cạnh bên song song với nhau.

Câu 11: Hình nào dưới đây chỉ ra đúng trục đối xứng của hình thang cân?



Câu 12: Hình ảnh trong thực tế nào dưới đây có trục đối xứng?



- A. Hình (a); Hình (c); Hình (d).
- B. Hình (b); Hình (c); Hình (d).
- C. Hình (b).
- D. Không có hình nào.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Dùng ba chữ số 2 ; 0 ; 7 viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số, các chữ số khác nhau?

Bài 2: (1,5 điểm)

- a) Tìm số đối của số 12 và -20 ?
- b) Em hiểu ý nghĩa của mỗi câu sau như thế nào?
 - Nhà toán học Py-ta-go sinh năm -570.
 - Độ sâu của vùng đất trũng dưới mực nước biển là 5m.

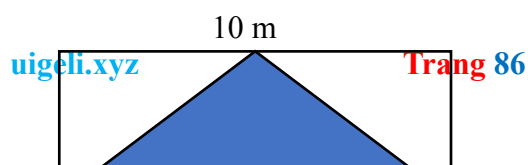
Bài 3: (1,5 điểm)

- a) Biểu diễn các số nguyên: 4 ; -5 ; -3 trên trục số?
- b) So sánh hai số: 125 và -125 ; -89 và -79

Bài 4: (2,0 điểm)

- a) Thực hiện phép tính: $(-12).5 + 20$
- b) Tính nhanh: $(144 - 97) - 144$
- c) Công ty An Bình có lợi nhuận mỗi tháng trong 4 tháng đầu năm là -70 triệu đồng. Trong 8 tháng tiếp theo, lợi nhuận mỗi tháng của công ty là 60 triệu đồng. Sau 12 tháng kinh doanh, lợi nhuận của công ty An Bình là bao nhiêu?

Bài 5: (1,0 điểm) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 10 m, chiều rộng 8 m. Người ta trồng rau trong một mảnh đất hình thoi như hình dưới. Sau khi thu hoạch người ta tính được trung bình mỗi mét vuông thu được 4 kg rau thì cả mảnh đất hình thoi thu được bao nhiêu kilôgam rau?





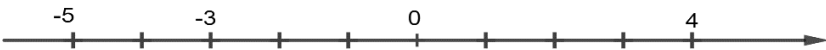
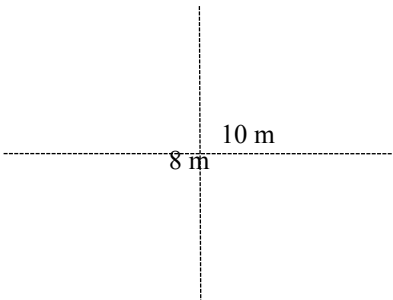
-----Hết-----

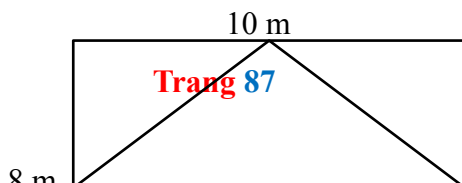
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: TOÁN - LỚP: 6. THỜI GIAN: 90 PHÚT

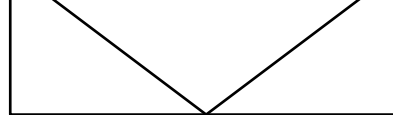
I. Phần trắc nghiệm: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	B	D	A	B	A	C	D	C	B	A

II. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải vắn tắt	Điểm
1 (1,0 điểm)	Chữ số hàng trăm của một số tự nhiên có ba chữ số phải khác 0. Do đó ta chỉ có thể chọn 2 hoặc 7 làm chữ số hàng trăm.	0,25
	- Với chữ số hàng trăm bằng 2 ta có các số: 207; 270.	0,25
	- Với chữ số hàng trăm bằng 7 ta có các số: 702; 720.	0,25
	Vậy ta viết được 4 số có ba chữ số khác nhau từ các chữ số 2; 0; 7 là 207; 270; 702; 720.	0,25
2 (1,5 điểm)	a) - Số đối của số 12 là -12	0,3
	- Số đối của -20 là 20	0,3
	b) - Nhà toán học Py-ta-go sinh năm 570 trước công nguyên.	0,45
	- Độ cao của vùng đất trũng là -5m.	0,45
3 (1,5 điểm)	a) 	0,9
	b) $125 > -125$	0,3
	$-89 < -79$	0,3
4 (2,0 điểm)	a) $(-12) \cdot 5 + 20 = -60 + 20$ $= -40$	0,25
		0,25
	b) $(144 - 97) - 144 = 144 - 97 - 144$ $= 144 - 144 - 97$ $= 0 - 97 = -97$	0,15
		0,15
		0,2
5 (1,0 điểm)	c) Lợi nhuận công ty trong 4 tháng đầu năm là: $4 \cdot (-70) = -280$ (triệu đồng)	0,3
	Lợi nhuận công ty trong 8 tháng tiếp theo là: $8 \cdot 60 = 480$ (triệu đồng)	0,3
	Vậy lợi nhuận công ty trong 12 tháng là: $(-280) + 480 = 200$ (triệu đồng).	0,4
		0,2





	$S = \frac{1}{2} \cdot 10.8 = 40$ Diện tích của mảnh đất hình thoi là: (m ²)	0,4
	Số kilôgam rau cả mảnh đất hình thoi thu hoạch được là: $4.40 = 160$ (kg).	0,4

Lưu ý: 1) Mọi cách làm khác của học sinh nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.

2) Cách tính điểm toàn bài = điểm TN + điểm TL (làm tròn một chữ số thập

phân) **MÃ ĐỀ A**

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)

(Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu sau và ghi vào giấy làm bài)

$$M = \sigma \{x \in N / x \leq 4\}$$

Câu 1. Cho . Cách viết nào sau đây đúng ?

- A.** $M = \sigma \{0; 1; 2; 3; 4\}$. **B.** $M = \sigma \{1; 2; 3; 4\}$. **C.** $M = \sigma \{0; 1; 2; 3\}$. **D.** $M = \sigma \{1; 2; 3\}$.

Câu 2. Kết quả phép tính $3^4 \cdot 3$ được viết dưới dạng lũy thừa là

- A.** 3^3 . **B.** 3^4 . **C.** 3^5 . **D.** 9^4 .

Câu 3. Số nào chia hết cho 9?

- A.** 120. **B.** 354. **C.** 350. **D.** 162.

Câu 4. Hình nào có các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau?

- A.** Hình thang. **B.** Hình thoi. **C.** Hình vuông. **D.** Hình chữ nhật.

Câu 5. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A.** Số đối của số - 10 là 10. **B.** Số đối của số 7 là 7.
C. Số đối của số 15 là - (-15). **D.** Số đối của 5 là -(-5).

Câu 6. Tập hợp P tất cả các ước của số nguyên 7 là

- A.** $P = \{1; 7\}$. **B.** $P = \{-1; -7\}$. **C.** $P = \{1; -1; 7; -7\}$. **D.** $P = \{0; 1; -1; 7; -7\}$.

Câu 7. Cho hình vuông ABCD có cạnh bằng 8cm. Độ dài cạnh CD là

- A.** 4cm. **B.** 8cm. **C.** 10cm. **D.** 16cm.

Câu 8. Chu vi hình thoi có độ dài cạnh bằng 8 cm là

- A.** 64cm. **B.** 32cm. **C.** 32cm². **D.** 16cm.

Câu 9. Trong các hình sau đây, hình nào **không có** trục đối xứng?

- A.** Hình thang cân. **B.** Hình chữ nhật. **C.** Hình vuông. **D.** Hình bình hành.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (1đ) Cho $A = \{x \in N / 7 \leq x \leq 10\}$

- a) Viết tập hợp A bằng cách liệt kê phần tử.
b) Hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 45; -20; 11; 0; -7;

Bài 2. (1.5đ).

2.1 Tính hợp lí: a) $325 + 212 + 175$ b) $29.36 + 29(-136)$

2.2 Tìm * để số $\overline{65*66}$ chia hết cho 3

Bài 3(1.5đ). Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết:

a) $5 \vdots x$

b) $(-24)x = -72$

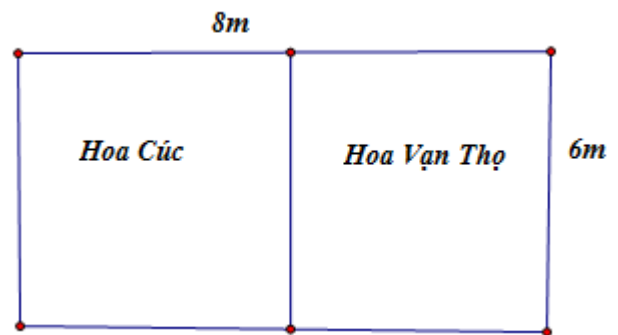
c) $2x+18 = 46 : 44$

Bài 4 (1đ) Số học sinh khối 6 của trường khi xếp thành 12 hàng, 15 hàng, hay 10 hàng đều đều vừa đủ. Hỏi số học sinh khối 6 trường đó là bao nhiêu? Biết rằng số học sinh khối 6 trong khoảng từ 200 đến 280 em.

Bài 5 (1 đ) Một đám đất hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 6m.

a) Tính diện tích của đám đất trên.

b) Người ta dự định chia đám đất thành 2 phần bằng nhau để trồng loại hoa Cúc và hoa Vạn Thọ bán trong dịp tết Nguyên Đán . Mỗi mét vuông trồng 5 cây Vạn Thọ và mỗi mét vuông trồng 8 cây hoa Cúc, giá tiền mỗi cây hoa Vạn Thọ là 5000 đồng; mỗi cây hoa Cúc giá 4000đồng. Tính số tiền phải trả khi mua 2 loại hoa để trồng?



Bài 6: (1,0đ) Cho $3a+2b \vdots 17 (a, b \in \mathbb{N})$. Chứng minh rằng: $10a+b \vdots 17$

HẾT

MÃ ĐỀ B

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)

(Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu sau và ghi vào giấy làm bài)

$$M = \sigma \{x \in \mathbb{N}^6 / x \leq 4\}$$

Câu 1. Cho . Cách viết nào sau đây đúng ?

- A. $M = \sigma \{0; 1; 2; 3; 4\}$. B. $M = \sigma \{1; 2; 3; 4\}$. C. $M = \sigma \{0; 1; 2; 3\}$. D. $M = \sigma \{1; 2; 3\}$.

Câu 2. Kết quả phép tính $4^4:4$ được viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 4^4 . B. 3^4 . C. 4^3 . D. 1^4 .

Câu 3. Số nào chia hết cho 2 và 5?

- A. 120. B. 354. C. 55. D. 162.

Câu 4. Hình nào có các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau?

A. Hình thang. B. Hình thoi. C. Hình chữ nhật. D. Tam giác đều.

Câu 5. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. Số đối của số 8 là 8. B. Số đối của số 7 là -7.

C. Số đối của số 15 là $-(-15)$. D. Số đối của -5 là -5.

Câu 6. Tập hợp P tất cả các ước của số nguyên 13 là

A. $P = \{1; 13\}$. B. $P = \{-1; -13\}$. C. $P = \{1; -1; 13; -13\}$. D. $P = \{0; 1; 13; -13\}$.

Câu 7. Cho hình vuông ABCD có cạnh bằng 10cm. Độ dài cạnh BC là

A. 5cm. B. 10cm. C. 20cm. D. 40cm.

Câu 8. Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo bằng 6 cm và 8cm là

A. 48cm^2 . B. 24cm^2 . C. 28cm^2 . D. 14cm^2 .

Câu 9. Trong các hình sau đây, hình nào có vô số trục đối xứng?

A. Hình tròn. B. Hình bình hành. C. Hình vuông. D. Hình chữ nhật.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (1đ) Cho $A = \{x \in \mathbb{N} / 15 \leq x \leq 20\}$

a) Viết tập hợp A bằng cách liệt kê phần tử.

b) Hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: 35; -12; 21; 0; -8;

Bài 2. (1.5đ).

2.1. Tính hợp lí: a) $535 + 212 + 265$ b) $37.35 + 37(-135)$

2.2. Tìm * để số $\overline{45*6}$ chia hết cho 9

Bài 3. (1.5đ). Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết:

a) $7 : x$

b) $(-21)x = 63$

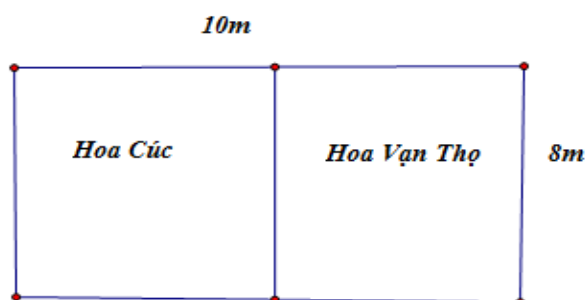
c) $2x + 27 = 5^2 \cdot 5$

Bài 4 (1đ) Số học sinh khối 7 của trường khi xếp thành 12 hàng, 15 hàng, hay 18 hàng đều đều vừa đủ. Hỏi số học sinh khối 7 trường đó là bao nhiêu? Biết rằng số đó trong khoảng từ 300 đến 400.

Bài 5 (1 đ) Một đám đất hình chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 8m.

a) Tính diện tích của đám đất trên.

b) Người ta dự định chia đám đất thành 2 phần bằng nhau để trồng loại hoa Cúc và hoa Vạn Thọ bán trong dịp tết Nguyên Đán. Mỗi mét vuông trồng 5 cây Vạn Thọ và mỗi mét vuông trồng 8 cây hoa Cúc, giá tiền mỗi cây



hoa Vạn Thọ là 5000 đồng; mỗi cây hoa Cúc giá 4000 đồng. Tính số tiền phải trả khi mua 2 loại hoa để trồng?

Bài 6: (1,0đ) Cho $5a+2b:17; (a;b \in N)$. Chứng minh rằng: $4a+5b:17$

HẾT

ĐÁP ÁN

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm, mỗi câu 0,33 điểm)

ĐỀ A

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	A	C	D	C	A	C	B	B	D

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
1 (1,0đ)	a.	Bài 1. (1đ) Cho $A = \{x \in N / 7 \leq x \leq 10\}$ a) Viết tập hợp A bằng cách liệt kê phần tử. $A = \{7; 8; 9; 10\}$	0,5
	b	Hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 45; -20; 11; 0; -7; $-20 < -7 < 0 < 11 < 45$	0,5
2 (1,5đ)	a	a) Tính hợp lí: a) $325 + 212 + 175$ $= (325 + 175) + 212 = 500 + 212 = 712$	0,25 0,25
	b	b) $29 \cdot 36 + 29 \cdot (-136)$ $= 29[36 + (-136)] = 29 \cdot (-100) = -2900$	0,25 0,25
		c) Tìm * để số $\overline{65*66}$ chia hết cho 3 Để $\overline{65*66}$ chia hết cho 3 thì $(6+5+*)$ chia hết cho 3 Hay $11+*$ chia hết cho 3 $* = 1; 4; 7$	0,25 0,25
3 (1đ)	a	Bài 3(1.5đ). Tìm $x \in Z$, biết: a) $5 : x \Rightarrow x \in U(5)$ $U(5) = \{1; 5; -1; -5\}$	0,25 0,25
	b	b) $(-24) \cdot x = -72$ $x = -72 : (-24)$ $x = 3$	0,25 0,25 0,25
	c	$2x + 18 = 46 : 44$ $2x + 18 = 42 = 16$	0,25

		$2x = 16-18$ $2x = -2$ $X = -2:2 = -1$	
Bài 4. (1đ)		Gọi là số học sinh khối 6. $200 \leq x \leq 280$ Theo đề ta có x là bội chung của 10;12;15 $10=2.5$ $12=2.2.3$ $15=3.5$ $BCNN(10;12;15) = 2.2.3.5 = 60$ $BC(10;12;15) = B(60) = \{0;60;120;180;240;300...\}$ Vì $200 \leq x \leq 280$ Nên $x=240$ Vậy số học sinh khối 6 là 240 học sinh.	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 5 (1đ)		Diện tích của đám đất $8.6=48(m^2)$ Diện tích trồng mỗi loại hoa là: $48 : 2 = 24m^2$ Số cây hoa Cúc cần trồng: $24.8 = 192$ (cây) Số cây hoa Vạn Thọ là: $24.5 = 120$ (cây) Số tiền phải trả khi mua cả 2 loại hoa là: $5000.120 + 192.4000 = 1\,368\,000$ đồng	0,5 0,25 0,25
Bài 6 (1đ)		Cho $3a+2b:17 (a,b \in N)$. Chứng minh rằng: $10a+b:17$ $3a+2b:17 \Rightarrow 8(3a+2b):17$ $\Rightarrow 24a+16b:17$ Có $24a+16b+10a+b=34a+17b=17(2a+b):17 \Rightarrow 10a+b:17$ Ta có	0,25 0,25 0,5

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm, mỗi câu 0,33 điểm)
ĐỀ B

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	B	C	A	D	B	C	B	B	A

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
1 (1,0đ)	a.	Bài 1. (1đ) Cho $A = \{x \in N / 15 \leq x \leq 20\}$ b) Viết tập hợp A bằng cách liệt kê phần tử.	0,5

		$A=\{15;16;17;18;19;20\}$	
	b	35;-12; 21;0; -8; 35>21>0>-8>-12	0,5
2 (1,5đ)	a	Tính hợp lí: a) $535 + 212 + 265$ $= (535+265) + 212 = 900+212=1112$	0,25 0,25
	b	b) $37. 35 + 37 (-135)=37[35+(-100)]=37.(-100)=-3700$	0,25 0,25
	c	Tìm * để số $\overline{45*66}$ chia hết cho 9 Để $\overline{45*66}$ chia hết cho 9 thì $(4+5+*)$ chia hết cho 9 Hay $9+*$ chia hết cho 9 nên $*=0;9$	0,25 0,25
3 (1đ)	a	Bài 3(1.5đ). Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết: b) $7 : x \Rightarrow x \in U(7)$ $U(7) = \{1;7;-1;-7\}$	0,25 0,25
	b	b) $(-21) x = 63$ $x = 63 : (-21)$ $x = -3$	0,25 0,25 0,25
	c	$2x+27=52.5$ $2x+27 = 125$ $2x = 125-27$ $2x=98$ $x=98:2 = 49$	0,25
Bài 4. (1đ)		Gọi là số học sinh khối 7. $300 \leq x \leq 400$ Theo đề ta có x là bội chung của 12;15;18 $12=2.2.3$ $15=3.5$ $18=2.3.2$ $BCNN(12;15;18) = 2.2.3.5 = 180$ $BC(12;15;18) = B(180) = \{0;180;360;540...\}$ Vì $300 \leq x \leq 400$ Nên $x=360$	0,25 0,25 0,25 0,25

		Vậy số học sinh khối 7 là 360 học sinh.	
Bài 5 (1đ)		Diện tích của đám đất $8.10=80(m^2)$ Diện tích trồng mỗi loại hoa là: $80 : 2 = 40m^2$ Số cây hoa Cúc cần trồng: $40.8= 320$ (cây) Số cây hoa Vạn Thọ là: $40.5=200$ (cây) Số tiền phải trả khi mua cả 2 loại hoa là: $5000.200+320.4000=2\ 280\ 000$ đồng	0,5 0,25 0,25
Bài 6 (1đ)		Cho. $5a+2b:17; (a;b \in N)$ Chứng minh rằng: $4a+5b:17$ $5a+2b:17 \Rightarrow 6(5a+2b):17$ $\Rightarrow 30a+12b:17$ có $30a+12b+4a+5b=34a+17b=17(2a+b):17$ $\Rightarrow 4a+5b:17$ Ta có	0,25 0,25 0,5

MÃ ĐỀ HSKT

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)

(Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu sau và ghi vào giấy làm bài)

$$M = \sigma\{4;5;6;7;8\}$$

Câu 1. Cho . Số phần tử của tập A là

- A. 2 B. 3 C. 4 **D. 5**

Câu 2. Kết quả phép tính $4^4:4$ được viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 4^4 . B. 3^4 . **C. 4^3 .** D. 1^4 .

Câu 3. Số nào chia hết cho 2 và 5?

- A. 120.** B. 354. C. 55. D. 162.

Câu 4. Hình nào có các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau?

- A. Hình thang. B. Hình thoi. C. Hình chữ nhật. **D. Tam giác đều.**

Câu 5. Số đối của -7 là

- A. -7. **B. 7.**
 C. 0 D. 14.

Câu 6. Tập hợp P tất cả các ước của số nguyên 13 là

- A. $P = \{1;13\}$. B. $P = \{-1;-13\}$. **C. $P = \{1;-1;13;-13\}$.** D. $P = \{0;1;13;-13\}$.

Câu 7. Cho hình vuông ABCD có cạnh bằng 10cm. Độ dài cạnh BC là

A. 5cm. **B.**10cm. C.20cm. D.40cm.

Câu 8. Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo bằng 6 cm và 8cm là

A.48cm². **B.**24cm². C.28cm². D.14cm².

Câu 9. Trong các hình sau đây, hình nào có vô số trục đối xứng?

A. Hình tròn. B. Hình bình hành. C. Hình vuông. D. Hình chữ nhật.

Câu 10. Hình nào có tâm đối xứng?

A. Tam giác đều. B. Hình thang cân. C. Hình thang. **D.** Hình chữ nhật.

Câu 11. Số nào sau đây là số nguyên âm?

A.37. **B.**- 5. C.0. D.12.

Câu 12. Số nào là số nguyên tố?

A.27. B.38. **C.**41. D.52.

Câu 13. Số nào là bội của 8?

A.1. B. 20. **C.**-24. D.57.

Câu 14. ƯCLN(6; 12;18)

A.6. B.12. C.18. D.45.

II. TỰ LUẬN(3đ)

Bài 1(1đ): Cho $A = \{ x \in \mathbb{N} / 7 \leq x \leq 12 \}$

a) Viết tập A bằng cách liệt kê phần tử.

b) Sắp xếp các số -13; -5; 0; 23 theo thứ tự tăng dần

Bài 2(1đ): Thực hiện phép tính

a) $(-10) + (-15)$

b) $23.17 + 23.(-27)$

Bài 3(1đ): Một hình chữ nhật có chiều dài là 12m; chiều rộng 8m.

a. Tính diện tích hình chữ nhật?

b. Tính chu vi hình chữ nhật?

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM TOÁN 6

DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

TRẮC NGHIỆM(7đ) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----

D	C	A	D	B	6	B	B	A	D	B	C	C	A
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

TỰ LUẬN(3đ)

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
1(1đ)	a	Cho $A = \{ x \in \mathbb{N} / 7 \leq x \leq 12 \}$ $A = \{7; 8; 9; 10; 11; 12\}$	0,5
	b	b) Sắp xếp các số -13; -5; 0; 23 theo thứ tự tăng dần $-13 < -5 < 0 < 23$	0,5
2 (1đ)	a	$(-10) + (-15) = -(10+15) = -25$	0,5
	b	$23.17 + 23.(-27)$ $= 23[17 + (-27)] = 23.(-10) = -230$	0,5
3 (1đ)	a	Diện tích hình chữ nhật: $12.8 = 96 \text{ m}^2$	0,5
	b	Chu vi hình chữ nhật: $(12+8).2 = 40 \text{ cm.}$	0,5

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I MÔN TOÁN 6 – THỜI GIAN 90 PHÚT
NĂM HỌC 2024-2025**

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau

Câu 1: Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -5°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ giảm 4°C so với buổi sáng?.

- A. 9°C . B. -1°C
C. 1°C . D. -9°C .

Câu 2: Trong tập các số nguyên sau, tập hợp nào được sắp xếp theo thứ tự tăng dần?

- A. $\{5; 2; 1; 0; -2; -17\}$. B. $\{-2; -17; 0; 1; 2; 5\}$.
C. $\{-17; -2; 0; 1; 2; 5\}$. D. $\{0; 1; 2; 5; -17\}$.

Câu 3: Ba số nguyên bội của -3 là :

- A. 0; 10; 42 B. - 9; 6; 15
C. 26; 5; 45 D. - 18; - 115; 99

Câu 4: Tập các số nguyên ước của 5 là:

- A. $U(5) = \{1; 5\}$ B. $U(5) = \{-1; -5\}$
C. $U(5) = \{0; 5; 10; \dots\}$ D. $U(5) = \{1; -1; 5; -5\}$

Câu 5. Nếu a chia hết cho b, ta nói:

- A. b là ước của a B. a là bội của b
C. A và B đều đúng D. A và B đều sai

Câu 6. Ở độ sâu 15m dưới mực nước biển được biểu diễn bởi số nguyên là:

- A. -15 B. +15
C. 15 D. - (-15)

Câu 7. Trong các biểu thức sau, biểu thức nào nhận giá trị dương?

- A. $(-4). 2$ B. $4. (-2)$
C. $(-4) : (-2)$ D. $4 : (-2)$

Câu 8: Hình vuông có bao nhiêu trục đối xứng:

- A. 2 B. 3

C. 4

D. 0

Câu 9: Hình ảnh trong thực tế nào dưới đây có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1 và 2

B. Hình 3

C. Hình 3 và 4

D. Cả bốn hình.

Câu 10: Trong các biểu tượng sau, biểu tượng nào có tâm đối xứng?



Biểu tượng
Hòa bình



Biểu tượng
Hội Chữ thập đỏ



Biểu tượng
ngành Y Dược

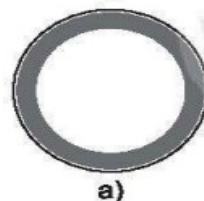
A. Biểu tượng hòa bình

B. Biểu tượng Hội chữ thập đỏ

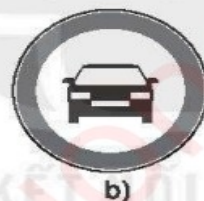
C. Biểu tượng ngành Y dược

D. Cả ba biểu tượng trên.

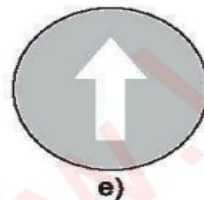
Câu 11: Trong các biển báo giao thông sau đây, biển nào có tâm đối xứng?



a)



b)



e)



f)

A. Hình a)

B. Hình b)

C. Hình e)

D. Hình f)

Câu 12: Cho các chữ sau đây, những chữ cái có tâm đối xứng là:

H K M N X

A. H, N.
C. H, N, X.

B. H, M, X.

D. N, X.

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1: (2,5 đ)

- 1) Một số được viết dưới dạng tổng các chữ số là: $8 \times 10\,000 + 9 \times 100 + 2 \times 10$. Hãy viết số tự nhiên đó?
- 2) a. Hãy biểu diễn các số sau trên trục số? -3; -1 ; 2 ; 4.
b. Hãy so sánh: 1) -23 và 7 2) -16 và - 5

Câu 2: (2,5 đ)

1. Thực hiện các phép tính sau (tính nhanh nếu có thể)

- a) $(-15) + (- 55)$
- b) $(- 8).(- 6)(-125)$
- c) $27.77 + 24.27 - 27$
- d) $(134 - 34).(-28) + 72.[(-55) - 45]$.

2. Một công ty có 3 cửa hàng A, B, C. Kết quả kinh doanh sau một năm của từng cửa hàng như sau: Cửa hàng A: lãi 225 triệu đồng. Cửa hàng B: lỗ 280 triệu đồng. Cửa hàng C: lãi 655 triệu đồng. Hỏi bình quân mỗi tháng công ty lãi hay lỗ bao nhiêu tiền từ ba cửa hàng đó?

Câu 4: (1,0 đ)

Một bức tường trang trí phòng khách có dạng hình chữ nhật có chiều dài 6m, chiều rộng 4m .



- a. Tính diện tích của bức tường hình chữ nhật?
- b. Người ta muốn dán giấy trang trí dạng hình thang cân có cạnh đáy nhỏ bằng chiều rộng của bức tường; đáy lớn bằng chiều dài của bức tường(như hình vẽ). Tính số tiền giấy dán tường? Biết rằng giá giấy dán tường là 100 000 đồng/1m².

Câu 5: (1,0 đ)

a. Tìm hai số tự nhiên a và b biết $BCNN(a, b) = 180$; $UCLN(a, b) = 12$

b. Tìm số nguyên x, y. Biết : $\frac{5}{x} - \frac{y}{3} = \frac{1}{6}$

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.(12 câu = 3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Đáp án	D	C	B	D	C	A	C	C	D	B	A	C
--------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

I. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1 2,5 đ	1. Một số được viết dưới dạng tổng các chữ số là: $8 \times 10\,000 + 9 \times 100 + 2 \times 10$. Số tự nhiên đó là: 80920	0,5
	2. a.) Hãy biểu diễn các số sau trên cùng một trục số? - 3; -1; 2 ; 4. <div style="text-align: center;"> $\begin{array}{ccccccc} & & & & & & \\ -3 & & -1 & & 0 & & 2 & & 4 \end{array}$ </div>	0,25 0,25 0,25 0,25
	2.b.) Hãy so sánh: 1) -23 và 7 Ta có: -23 là số nguyên âm; 7 là số nguyên dương. Mà số nguyên âm nhỏ hơn 0 và nhỏ hơn số nguyên dương. Do đó: $-23 < 7$ 2) -16 và - 5 Vì $16 > 5$ nên $-16 < - 5$	0,25 0,25 0,25 0,25
2 2,5đ	Thực hiện các phép tính sau (tính nhanh nếu có thể) a. $(-15) + (- 55)$ = - (15 + 55) = - 70	0,25 0,25
	b. $(- 8).(- 6) (-125)$ = $[(- 8).(-125)].(- 6)$ = $1\,000.(- 6) = - 6\,000$	0,25 0,25
	c. $. 27 .77 + 24. 27 - 27$ = $27 (77 + 24 -1)$ = $27 . 100 = 2700$	0,25 0,25
	d. $(134 - 34).(-28) + 72. [(-55) - 45]$ = $100.(-28) + 72.(-100)$ = $100(-28) + (-72).100$ = $100. [(-28) + (-72)]$ = $100.(-100)$ = - 10 000.	0,25 0,25
	c. Tổng số tiền lãi 1 năm của 3 cửa hàng là: $225 - 280 + 655 = 600$ (triệu đồng) Trung bình mỗi tháng cửa hàng lãi số tiền là: $600 : 12 = 50$ (triệu đồng)	0,25 0,25

Trang 100

(Đề có 02 trang)

Họ và tên học sinh.....Lớp.....SBD.....Phòng thi.....

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng ở mỗi câu rồi ghi vào giấy bài làm.

Câu 1. Viết tập hợp các chữ số của số 2023?

- A. $\{2; 0; 3\}$. B. $\{2; 0; 2; 3\}$. C. $\{20; 23\}$. D. $\{2\}, \{0\}, \{3\}$.

Câu 2. Tập hợp nào dưới đây là tập hợp N^* ?

- A. $\{0; 1; 2; 3; \dots\}$. B. $\{1; 2; 3; 4; \dots\}$. C. $\{1; 3; 5; 7; \dots\}$. D. $\{2; 3; 4; 5; \dots\}$.

Câu 3. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức $50 - 2.3^2 + 6$ là

- A. nhân $\rightarrow$ lũy thừa $\rightarrow$ cộng $\rightarrow$ trừ. B. lũy thừa $\rightarrow$ nhân $\rightarrow$ trừ $\rightarrow$ cộng.
C. lũy thừa $\rightarrow$ nhân $\rightarrow$ cộng $\rightarrow$ trừ. D. nhân $\rightarrow$ lũy thừa $\rightarrow$ trừ $\rightarrow$ cộng.

Câu 4. Viết tích $5^5 \cdot 5^3$ dưới dạng một lũy thừa là

- A. 25^8 . B. 10^8 . C. 5^8 . D. 5^2 .

Câu 5. Số nào dưới đây chia hết cho cả 2 và 5?

- A. 2023. B. 2025. C. 2024. D. 2020.

Câu 6. Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các phần tử đều là số nguyên tố?

- A. $\{1; 3; 5; 7; 11\}$. B. $\{2; 3; 5; 7; 11\}$.
C. $\{3; 5; 7; 11; 111\}$. D. $\{0; 3; 5; 7; 13\}$.

Câu 7. Số đối của số 79 là

- A. 79. B. -79. C. $-(-79)$. D. -1.

Câu 8. Cho $a, b \in \mathbb{Z}$ và $b \neq 0$. Nếu có số nguyên q sao cho $a = b \cdot q$ thì

- A. a là ước của b . B. b là ước của q .
C. a là bội của b . D. b là bội của a .

Câu 9. Cho các biển báo giao thông sau, phát biểu nào dưới đây là **sai**?

- A. Hình 1 là biển báo dừng lại có hình lục giác đều.
B. Hình 2 là biển báo chỉ đường có hình vuông.
C. Hình 3 là biển báo đường giao nhau có hình tam giác đều.
D. Hình 1 là biển báo dừng lại có hình tam giác đều.



Hình 1



Hình 2



Hình 3

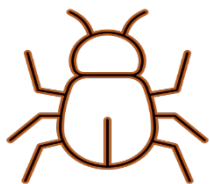
Câu 10. Yếu tố nào sau đây **không phải** của hình chữ nhật?

- A. Hai cặp cạnh đối diện song song. B. Có 4 góc vuông.
C. Hai đường chéo vuông góc với nhau. D. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau.

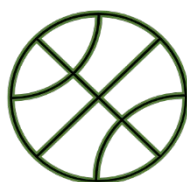
Câu 11. Trong các hình sau, hình nào có 4 trục đối xứng?

- A. Hình vuông. B. Hình thang cân. C. Hình thoi. D. Hình chữ nhật.

Câu 12. Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



(1)



(2)



(3)



(4)

A. (3).

B. (2).

C. (4).

D. (1).

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**Bài 1: (1,75 điểm)**

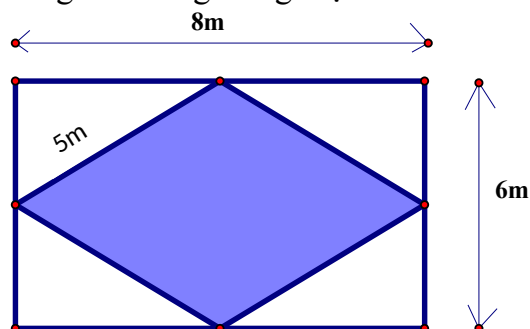
a) So sánh -2024 và -2023.

b) Viết tập hợp các ước nguyên của 8.

c) Thay dấu * bằng một chữ số để số $\overline{25*}$ chia hết cho 9.**Bài 2: (2,25 điểm)**a) Thực hiện phép tính: $205 - (3.400 - 10^3) : 40$ b) Tìm x, biết: $7.(x + 6) = -28$ **Bài 3: (1 điểm)**

Một đội y tế có 24 bác sĩ và 108 y tá. Có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành mấy tổ để các bác sĩ và các y tá được chia đều vào mỗi tổ?

Bài 4: (2 điểm) Trong một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 6m, người ta trồng hoa hồng trong một mảnh đất hình thoi như hình bên, biết cạnh hình thoi là 5m.



a) Tính chu vi và diện tích mảnh đất hình thoi.

b) Trong mảnh đất hình thoi, mỗi mét vuông trồng 4 cây hoa, giá mỗi cây hoa hồng là 20 000 đồng. Trong phần đất còn lại của mảnh vườn người ta trồng cỏ, mỗi mét vuông cỏ giá 30 000 đồng. Tính số tiền cần chi cho việc mua hoa và cỏ.

UBND THÀNH PHỐ HỘI AN
TRƯỜNG

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN 6
KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(Hướng dẫn chấm gồm có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/A	A	B	B	C	D	B	B	C	D	C	A	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 1,75đ	a) $-2023 > -2024$	0,5đ
	b) $U(8) = \{-1; -2; -4; -8; 1; 2; 4; 8\}$	0,75đ
	c) Tổng các chữ số của số $\overline{25^*}$ là $2+5+*=7+*$ Đề $\overline{25^*}$ chia hết cho 9 thì $7+*$ chia hết cho 9 Vì $0 \leq * \leq 9$ nên $* = 2$.	0,25đ 0,25đ
2 2,25đ	a) Thực hiện phép tính: $205 - (3.400 - 10^3) : 40$ $= 205 - (1200 - 1000) : 40$ $= 205 - 200 : 40$ $= 205 - 5$ $= 200$	0,5đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
	a) Tìm x: $7.(x + 6) = -28$ $x + 6 = -28 : 7$ $x + 6 = -4$ $x = -4 - 6$ $x = -10$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
3 1đ	Gọi a là số tổ nhiều nhất có thể chia được ($a \in N^*$).	0,25đ
	Ta có $24 : a, 108 : a$ và a lớn nhất nên a là ƯCLN(24,108).	0,25đ
	$24 = 2^3.3$	0,25đ
	$108 = 2^2.3^3$	0,15đ
	$a = \text{ƯCLN}(24,108) = 2^2.3 = 12$ Vậy có thể chia thành nhiều nhất 12 tổ.	0,1đ
5 2đ	a) Chu vi mảnh đất hình thoi : $5 \cdot 4 = 20$ (m)	0,5đ
	Diện tích mảnh đất hình thoi : $\frac{1}{2} \cdot 8 \cdot 6 = 24(m^2)$	0,5đ
	a) Số tiền mua hoa : $4 \cdot 24 \cdot 20\,000 = 1\,920\,000$ (đồng)	0,25đ
	Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật : $6 \cdot 8 = 48(m^2)$ Số tiền mua cỏ : $(48-24) \cdot 30\,000 = 720\,000$ (đồng) Tổng số tiền mua hoa và cỏ : $1\,920\,000 + 720\,000 = 2\,640\,000$ (đồng)	0,25đ 0,25đ 0,25đ

***Lưu ý: Học sinh giải cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.**

UBND THÀNH PHỐ HỘI AN
TRƯỜNG

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN 6
KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(Hướng dẫn chấm gồm có 01 trang)
Đề dành cho HSKT

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Đúng 6 câu bất kì được 3 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/A	A	B	B	C	D	B	B	C	D	C	A	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 1,75đ	a) $-2023 > -2024$	1đ
	b) $U(8) = \{-1; -2; -4; -8; 1; 2; 4; 8\}$	0,5đ
	b) Tổng các chữ số của số $\overline{25^*}$ là $2+5+*=7+*$ Đề $\overline{25^*}$ chia hết cho 9 thì $7+*$ chia hết cho 9 Vì $0 \leq * \leq 9$ nên $* = 2$.	0,25đ
2 2,25đ	a) Thực hiện phép tính: $205 - (3.400 - 10^3) : 40$ $= 205 - (1200 - 1000) : 40$ $= 205 - 200 : 40$ $= 205 - 5$ $= 200$	0,5đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
	b) Tìm x: $7.(x + 6) = -28$ $x + 6 = -28 : 7$ $x + 6 = -4$ $x = -4 - 6$ $x = -10$	0,5đ 0,25đ 0,15đ 0,1đ
3 1đ	Gọi a là số tổ nhiều nhất có thể chia được ($a \in N^*$). Ta có $24 \vdots a, 108 \vdots a$ và a lớn nhất nên a là ƯCLN(24,108). $24 = 2^3.3$ $108 = 2^2.3^3$ $a = \text{ƯCLN}(24,108) = 2^2.3 = 12$ Vậy có thể chia thành nhiều nhất 12 tổ.	0,25đ 0,5đ 0,15đ 0,1đ
5 2đ	a) Chu vi mảnh đất hình thoi : $5 \cdot 4 = 20$ (m)	1đ
	Diện tích mảnh đất hình thoi : $\frac{1}{2} \cdot 8 \cdot 6 = 24(m^2)$	1đ

***Lưu ý: Học sinh giải cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.**

ĐỀ BÀI

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Em hãy chọn câu trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước câu trả lời đó vào bài làm.

Câu 1. Tập hợp các chữ cái trong cụm từ “PHÚ THỌ” là:

- (A) {PHÚ; THỌ}; (B) {P; H; Ú; T; H; O};
(C) {P; H; U; T; O}; (D) {P; H; U; T; H; O}.

Câu 2. Khẳng định nào sau đây đúng?

- (A) Số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3; (B) Số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9;
(C) Số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 2;
(D) Số có chữ số tận cùng là 9 thì chia hết cho 9.

Câu 3. Trong biểu thức gồm có các dấu ngoặc {}, [], () thì thứ tự thực hiện các phép tính đúng là:

- (A) {} → [] → (); (B) () → [] → {};
(C) {} → () → []; (D) [] → {} → () .

Câu 4. Tập hợp nào sau đây chứa các phân tử là số nguyên tố?

- (A) {1; 3; 5; 7}; (B) {11; 13; 15; 19};
(C) {41; 43; 47; 49}; (D) {2; 5; 11; 31}.

Câu 5. Trong tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, tập hợp các ước của 11 là:

- (A) {1; -1}; (B) {11; -11};
(C) {1; 11}; (D) {-1; 1; 11; -11}.

Câu 6. Bạn Nam chia 108 viên bi màu xanh, 72 viên bi màu vàng và 180 viên bi màu đỏ vào trong các túi sao cho số bi mỗi loại màu ở trong các túi đều bằng nhau. Số túi nhiều nhất bạn Nam có thể chia được là:

- (A) 36 túi; (B) 72 túi;
(C) 18 túi; (D) 12 túi.

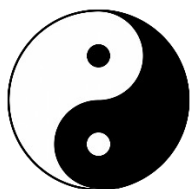
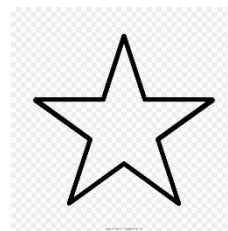
Câu 7. Khẳng định nào sau đây đúng?

- (A) Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau; (B) Hình vuông có bốn cạnh bằng nhau;
(C) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau. (D) Hình thang có hai đường chéo bằng nhau.

Câu 8. So sánh ba số 5; -13; 0, kết quả đúng là:

- (A) $0 < 5 < -13$; (B) $0 < -13 < 5$;
(C) $-13 < 0 < 5$; (D) $5 < -13 < 0$.

Câu 9. Có tất cả bao nhiêu hình có trục đối xứng trong các hình sau:



- (A) Chỉ một hình; (B) Cả bốn hình;
(C) Hai hình; (D) Ba hình.

Câu 10. Cho bốn số sau: 12; 30; 98; 99. Khẳng định nào sau đây đúng?

- (A) Có ba số chia hết cho 3; (B) Không có số nào chia hết cho cả 2 và 5;
(C) Có hai số chia hết cho 9; (D) Cả bốn số đều chia hết cho 2.

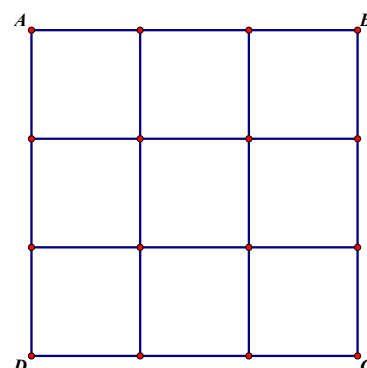
Câu 11. Tập hợp nào sau đây chứa các phần tử là hợp số?

- (A) {2; 9; 12; 15}; (B) {0; 10; 100; 1000};
(C) {11; 22; 33; 44}; (D) {4; 35; 201; 2010}.

Câu 12.

Hình vuông ABCD được tạo thành từ 9 hình vuông nhỏ như hình vẽ bên. Biết cạnh $AB = 9\text{cm}$. Diện tích của một hình vuông nhỏ bằng:

- (A) 1 cm^2 ;
(B) 27 cm^2
(C) 9 cm^2 ;
(D) 3 cm^2 .



PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 13 (2,0 điểm). Tính:

- a) $23.25 + 75.23 - 1300$; b) $36 : 3^2 - 5.2^2$;
c) $183 + 80 : [20 - 4(5^2 - 24)]$ d) $(-125) - [148 + 5.(-25)]$

Câu 14 (1,5 điểm). Tìm số nguyên x, biết:

- a) $x + 21 = 6$; b) $x - 10 = -8$;
c) $(-8)x = (-7).(-6) - 2$.

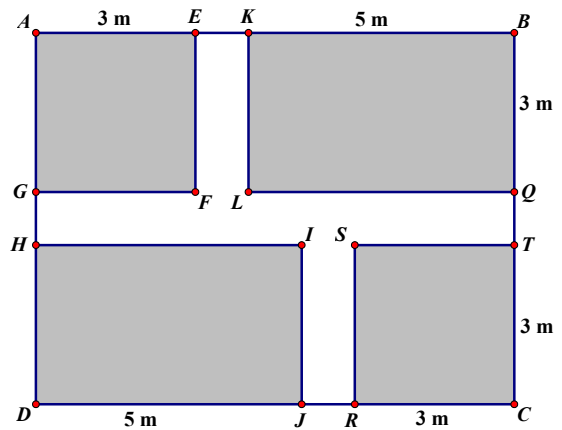
Câu 15 (1,0 điểm). Một tấm vải hình chữ nhật có kích thước $120\text{ cm} \times 160\text{ cm}$. Người thợ may muốn cắt tấm vải thành các miếng hình vuông có độ dài cạnh theo cm là số tự nhiên, đồng thời không muốn thừa ra bất kì miếng vải nào. Hỏi người thợ may có thể cắt được miếng vải hình vuông có cạnh lớn nhất là bao nhiêu?

Câu 16 (2,0 điểm).

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 7 m. Người ta chia mảnh vườn thành bốn khu gồm hai khu hình vuông cạnh 3 m, hai khu hình chữ nhật có chiều dài 5 m, chiều rộng 3 m và chừa lại phần lối đi (màu trắng).

a) Tính diện tích phần lối đi.

b) Người ta muốn lát gạch toàn bộ lối đi bằng những viên gạch hình vuông có cạnh bằng 50 cm. Tính số gạch cần dùng.



Câu 17 (0,5 điểm). Tìm tất cả các số nguyên tố p sao cho $p + 2$, $p + 4$ cũng là số nguyên tố.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	B	D	D	A
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	C	A	D	C

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Thang điểm
13	a) $23.25 + 75.23 - 1300 = 23.(25 + 75) - 1300$ $= 23.100 - 1300 = 2300 - 1300 = 1000.$	0,5
	b) $36:3^2 - 5.2^2 = 36:9 - 5.4$ $= 4 - 20 = -16.$	0,5
	c) $183 + 80:[20 - 4(5^2 - 24)] = 183 + 80:(20 - 4.1)$ $= 183 + 80:16 = 183 + 5 = 188.$	0,5

	$d) (-125) - [148 + 5 \cdot (-25)] = (-125) - [148 + (-125)]$ $= (-125) - 148 - (-125) = (-125) + 125 - 148 = -148$	0,5
14	a) $x + 21 = 6$ $x = 6 - 21$ $x = -15$ Vậy $x = -15$.	0,5
	b) $x - 10 = -8$ $x = (-8) + 10$ $x = 2$ Vậy $x = 2$.	0,5
	c) $(-8)x = (-7) \cdot (-6) - 2$ $(-8)x = 42 - 2$ $(-8)x = 40$ $x = 40 : (-8)$ $x = -5$ Vậy $x = -5$.	0,5
15	Gọi độ dài cạnh của mỗi miếng vải hình vuông là x (cm) ($x \in \mathbb{N}^*$). Để không thừa ra bất kì miếng vải nào thì $120 : x$ và $160 : x$. Để có thể cắt được miếng vải có độ dài cạnh lớn nhất thì x phải là ƯCLN của 120 và 160.	0,5
	Ta có: $120 = 2^3 \cdot 3 \cdot 5$ và $160 = 2^5 \cdot 5$. $\text{ƯCLN}(120; 160) = 40$ nên $x = 40$. Vậy người thợ may có thể cắt được miếng vải hình vuông có cạnh lớn nhất là 40 cm.	0,5
16	a) Diện tích phần lối đi được tính bằng diện tích cả mảnh vườn trừ đi tổng diện tích bốn khu (hai khu hình vuông có diện tích bằng nhau, hai khu hình chữ nhật có diện tích bằng nhau). Diện tích phần lối đi là: $7 \cdot 9 - 2 \cdot 3^2 - 2 \cdot 3 \cdot 5 = 15 (\text{m}^2)$.	1,0
	b) Đổi $15 \text{ m}^2 = 150000 \text{ cm}^2$. Số viên gạch cần dùng để lát toàn bộ lối đi là: $150000 : (50 \cdot 50) = 60$ (viên)	1,0
17	• Nếu $p = 2$ thì $p + 2 = 4$ không phải là số nguyên tố.	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> Nếu $p = 3$ thì $p + 2 = 5$ và $p + 4 = 7$ là các số nguyên tố. Nếu $p > 3$ thì $p = 3k + 1$ hoặc $p = 3k + 2$ với $k \in \mathbb{N}^*$. <ul style="list-style-type: none"> Nếu $p = 3k + 1$ thì $p + 2 = 3k + 3 \vdots 3$ nên $p + 2$ là hợp số. Nếu $p = 3k + 2$ thì $p + 4 = 3k + 6 \vdots 3$ nên $p + 4$ là hợp số. <p>Vậy chỉ có $p = 3$ là số nguyên tố thỏa mãn yêu cầu đề bài.</p>	
--	---	--

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - TOÁN 6

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm).

Chọn đáp án đúng và ghi vào tờ giấy thi

Câu 1. [NB] Cho tập hợp $A = \{1; 2; 4; 8\}$ Cách viết nào sau đây là đúng.

- A. $1 \notin A$. B. $\{2; 4\} \subset A$. C. $8 \subset A$. D. $4 \notin A$.

Câu 2. [NB] Phép nhân $3.3.3.3.3.3$ được viết thành

- A. 3 . B. 3^6 . C. 6^3 . D. 18 .

Câu 3. [NB] Tổng nào sau đây chia hết cho 5

- A. $11 + 2021$. B. $2020 + 2021$. C. $2010 + 2015 + 2020$. D. $2020 + 2025 + 2019$.

Câu 4. [NB] Trong hình bình hành nhận xét nào sau đây là sai?

- A. Các cạnh đối bằng nhau. B. Các góc đối bằng nhau.
C. Hai đường chéo vuông góc. D. Các cạnh đối song song với nhau.

Câu 5. [NB] Cho các số $7; 13; 16; 23$ số không là số nguyên tố là

- A. 7 . B. 16 . C. 13 . D. 23 .

Câu 6. [TH] Kết quả của $(-24) + 35$ bằng:

- A. 11 . B. 7 . C. -7 . D. 0 .

Câu 7. [VD] Tập hợp tất cả các số nguyên x thỏa mãn $-2 \leq x < 2$ là

- A. $\{-1; 0; 1\}$. B. $\{-2; 0; 2\}$. C. $\{-2; -1; 0; 1\}$. D. $\{-1; 0; 1; 2\}$.

Câu 8. [NB] Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng là



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Cả ba hình.

B. Hình 1 và hình 2

C. Hình 3 và hình 1.

D. Hình 2 và hình 3.

Câu 9. [VD] Biết $x \cdot (-3) = -27$ khi đó giá trị của x là

A. -9.

B. 9.

C. 81.

D. -81.

Câu 10. [VD] Tổng của ba số nguyên tố là 1012 khi đó số nguyên tố nhỏ nhất trong ba số là

A. 73.

B. 13.

C. 3.

D. 2.

Câu 11. [NB] Hình chữ nhật có mấy trục đối xứng?

A. 2.

B. 1.

C. 3.

D. 4.

Câu 12. [VD] Bác Hòa uốn một sợi dây thép thành móc treo đồ có dạng hình vuông với độ dài cạnh bằng 25 cm . Bác Hòa cần dùng cuộn dây thép có độ dài là

A. 10 m .B. 10 cm .C. 100 m .D. 100 cm .

II. Tự luận (7,0 điểm).

Câu 1 (1,5 điểm). Tính

a) [TH] $23 - (23 - 2022)$.

b) [TH] $4^5 : 4^3 - 8$.

c) [TH] $7 \cdot (-23) + 7 \cdot 23$.

Câu 2 (1,0 điểm). Tìm x , biết [TH]

a) $x - 2 = 1989$.

b) $2x + 5 = 3^4 : 3^2$.

Câu 3 (2,0 điểm). [VD]

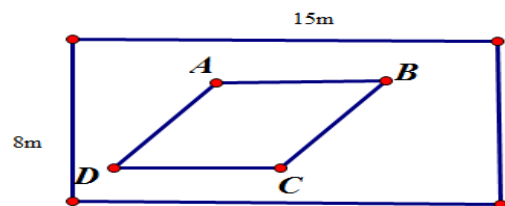
Số học sinh của một trường trung học cơ sở khi xếp hàng 12, 15, 18 đều vừa đủ. Biết số học sinh đó trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh. Tính số học sinh của trường trung học cơ sở đó?

Câu 4 (1,5 điểm). [VD]

Bản thiết kế một hiên nhà được biểu thị bởi hình bên. Cần phải mua bao nhiêu mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà đó?

Câu 5 (1,0 điểm). [VDC]

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15 m , chiều rộng 8 m . Người ta trồng một vườn hoa hình thoi ở trong mảnh đất đó, biết diện tích phần còn lại là 75 m^2 . Tính độ dài đường chéo AC , biết $BD = 9\text{ m}$.
(tham khảo hình vẽ bên)



---Hết---

ĐÁP ÁN CHẤM THI CUỐI KỲ I - TOÁN 6

Thời gian : 90 phút

I. Trắc nghiệm. (3,0 điểm)

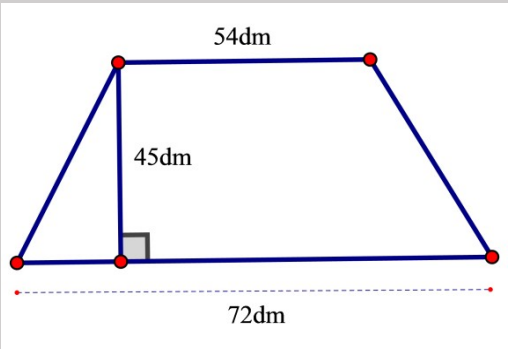
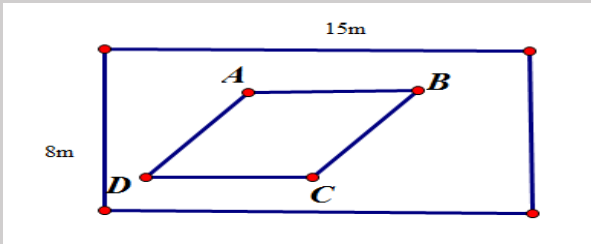
Mỗi câu đúng cho 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	C	C	B	A	C	D	B	D	A	D

II. Tự luận. (7,0 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	THANG ĐIỂM
1	Tính a) $23 - (23 - 2022)$. b) $4^5 : 4^3 - 8$. c) $7 \cdot (-23) + 7 \cdot 23$.	1,5
a.	$23 - (23 - 2022) = 23 - 23 + 2022 = 0 + 2022 = 2022$.	0,5
b.	$4^5 : 4^3 - 8 = 4^2 - 8 = 16 - 8 = 8$.	0,5
c.	$7 \cdot (-23) + 7 \cdot 23 = 7 \cdot [(-23) + 23] = 7 \cdot 0 = 7$.	0,5

2	Tìm x , biết a) $x - 74 = 118$. b) $2x + 5 = 3^4 : 3^2$.	1,0
a.	$x - 2 = 1989$. $x = 1989 + 2$ $x = 1991$. Vậy $x = 1991$.	0,5
b.	$2x + 5 = 3^4 : 3^2$ $2x + 5 = 9$ $2x = 9 - 5$ $2x = 4$ $x = 2$ Vậy $x = 2$.	0,5
3	Số học sinh của một trường trung học cơ sở khi xếp hàng 12, 15, 18 đều vừa đủ. Biết số học sinh đó trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh. Tính số học sinh của trường trung học cơ sở đó?	2,0
	Gọi số học sinh của trường đó là a học sinh ($a \in \mathbb{N}^*$) Theo đề bài do xếp hàng 12, 15, 18 đều vừa đủ và số học sinh đó trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh nên $a : 12 ; a : 15 ; a : 18$ và $500 < a < 600$	0,5
	Vì $a : 12 ; a : 15 ; a : 18 \Rightarrow a \in BC(12, 18, 21)$ Có $12 = 2^2 \cdot 3, 18 = 2 \cdot 3^2, 21 = 3 \cdot 7$ $\Rightarrow BCNN(12, 18, 21) = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 7 = 252$.	0,5
	$BC(12, 18, 21) = B(252) = \{0; 252; 504; 756; \dots\}$.	0,5
	Vì $a \in BC(12, 18, 21)$ và $500 < a < 600 \Rightarrow a = 504$ Vậy trường đó có 504 học sinh	0,5

4	<p>Bản thiết kế một hiên nhà được biểu thị bởi hình bên. Cần phải mua bao nhiêu mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà đó?</p> 	1,5
	<p>Cần phải mua số mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà là:</p> $\frac{(54 + 72) \cdot 45}{2} = \frac{5670}{2} = 2835 \text{ (dm}^2\text{)}$	1,5
5	<p>Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15 m, chiều rộng 8 m. Người ta trồng một vườn hoa hình thoi ở trong mảnh đất đó, biết diện tích phần còn lại là 75 m². Tính độ dài đường chéo AC, biết BD = 9 m. (tham khảo hình vẽ bên)</p> 	1,0
	<p>Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $15 \cdot 8 = 120 \text{ (m}^2\text{)}.$</p>	
	<p>Diện tích phần trồng hoa hình thoi là: $120 - 75 = 45 \text{ (m}^2\text{)}$</p>	
	<p>Độ dài đường chéo AC là $45 \cdot 2 : 9 = 10 \text{ (m)}$</p>	

---Hết---

ĐỀ

I. Trắc nghiệm khách quan (3,0 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Cho $M = \{a, 5, b, c\}$. Khẳng định sai là

- A. $5 \in M$. B. $a \in M$. C. $d \notin M$. D. $c \notin M$.

Câu 2: Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10

- A. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$. B. $A = \{6; 7; 8; 9\}$. C. $A = \{6; 7; 8; 9; 10\}$. D. $A = \{6; 7; 8\}$.

Câu 3: Cho tập hợp $A = \{6; 7; 8; 9; 10\}$. Viết tập hợp A bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của nó. Chọn câu đúng

- A. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 \leq x \leq 10\}$. B. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 < x \leq 10\}$.
C. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 \leq x < 10\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 \geq x \geq 10\}$.

Câu 4: Nếu $x \in M$ và $y \in M$ thì $x + y$ chia hết cho

- A. 10 B. 6 C. 4 D. 2

Câu 5: Khi nào ta nói a là bội của b ?

- A. $b \in M$ B. $a \in M$ C. $a \in \mathbb{N}$ D. $b \in \mathbb{N}$

Câu 6: Hãy chỉ ra số là ước của tất cả các số:

- A. 0 B. 2 C. 1 D. 3

Câu 7: Hãy tìm các số $x \in B(12)$ và $20 < x < 50$

- A. $x \in \{24; 36; 48\}$ B. $x \in \{20; 24; 36\}$
B. $x \in \{24; 36; 50\}$ D. $x \in \{12; 24; 36\}$

Câu 8: Số nào sau đây chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5

- A. 1230 B. 2018 C. 2020 D. 2030

Câu 9: Số 234 chia hết cho những số nào sau đây? Chọn câu đúng nhất.

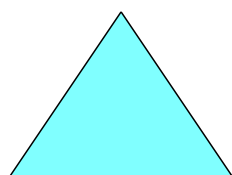
- A. 2 B. 3 C. 9 D. Cả 2, 3, 9

Câu 10: Các hình ảnh tại một số địa danh du lịch nổi tiếng thế giới sau đây. Hình nào có trục đối xứng?

			
(a) Đền thờ TajMahal	(b) Đền thờ TajMahal	(c) Ngôi nhà	(d) Citi Skylines

- A. Hình a, b B. Hình b, c C. Hình c D. Hình d

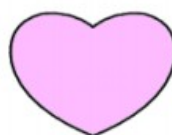
Câu 11: Trong các hình dưới đây. Những hình có tâm đối xứng?



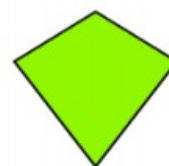
Tam giác
đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

A. Hình Tam giác B. Hình Cánh quạt C. Hình Trái tim D. Hình Cánh điều

Câu 12: Trong các hình dưới đây, hình nào có cả trục đối xứng và tâm đối xứng?

			
a) Biểu tượng của chương trình lương thực thế giới	b) Biểu tượng của Di sản thế giới	c) Biểu tượng của đại hội thể thao	d) Biểu tượng của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

A. Hình a

B. Hình b

C. Hình c

D. Hình d

Câu 13: Diện tích của một hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng 8cm là:

A. 20cm²

B. 40cm²

C. 48cm²

D. 96cm²

Câu 14: Chu vi của hình chữ nhật có chiều dài 3dm và chiều rộng 15cm là:

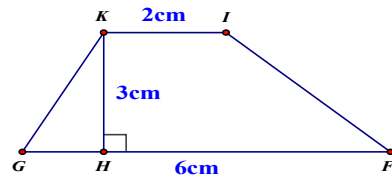
A. 36cm

B. 36cm²

C. 90cm

D. 90cm²

Bài 15: Tính diện tích hình thang $KIFG$ trong hình vẽ sau:



A. 24cm²

B. 18cm²

C. 36cm²

D. 12cm²

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 16: (2 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $5.2^3 - 18 : 3^2$

b) $17.85 + 15.17$

c) $(-27) + 34 + (-67)$

d) $75 - (3.5^2 - 4.2^3)$

$(-5).x = 25$

Câu 17: (0,5 điểm). Tìm số nguyên x, biết

Câu 18: (1,5 điểm). Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 36 bút bi thành một số phần thưởng như nhau để trao thưởng trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bút bi.

Câu 19: (2,0 điểm). Bác Thành trồng cây Chanh tứ quý trên một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 140m, biết chiều dài hơn chiều rộng 10m. Mảnh vườn bác Thành trồng được bao nhiêu cây chanh tứ quý; biết rằng 1m² trồng được 12 (cây).

Câu 20: (1,0 điểm).a) Tính tổng $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{100}$ b) Cho $A = 2021^3$ và $B = 2020.2021.2022$. Không tính cụ thể các giá trị của A và B, hãy so sánh A và B.

-----Hết-----

C. HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN TOÁN 6- MĐ: 18B

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	D	B	A	C	B	C	A	B	D	A	B	D	D	C	D
Điểm	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 16: (2,0đ)	$a) 5.2^3 - 18 : 3^2 = 5.8 - 18 : 9 = 40 - 2 = 38$ $b) 17.85 + 15.17 = 17.(85 + 15) = 17.100 = 1700$ $c) (-27) + 34 + (-67) = [(-27) + (-67)] + 34 = (-94) + 34 = (-60)$ $d) 75 - (3.5^2 - 4.2^3) = 75 - (3.25 - 4.8) = 75 - (75 - 32)$ $= 75 - 33 = 32$	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 17: (0,5đ)	$(-5).x = 25$ $x = (25) : (-5)$ $x = -5$ Vậy $x = -5$	0,25 0,25
Câu 18: (1,5đ)	Gọi a là số phần thưởng để cô giáo chủ nhiệm trao trong dịp sơ kết học kì ($a \in \mathbb{N}^*$; $a < 24$) Để số phần thưởng là nhiều nhất thì a phải là số lớn nhất sao cho $24M; 36M$ Tức là $a = \text{ƯCLN}(24, 36)$. Ta có $24 = 2^3.3$, $36 = 2^2.3^2$ $\text{ƯCLN}(24, 36) = 2^2.3 = 12 \Rightarrow a = 12$ (TMĐK) Từ đó Vậy có thể chia được nhiều nhất 12 phần thưởng. Trong đó có 2 quyển vở, 4 bút bi.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 19: (2,0đ)	Nửa chu vi hình chữ nhật là: $140 : 2 = 70$ (m) Chiều dài hình chữ nhật là: $(70 + 10) : 2 = 40$ (m) Chiều rộng của hình chữ nhật là: $70 - 40 = 30$ (m) Diện tích mảnh đất là: $40.30 = 1200$ (m ²)	0,25 0,25 0,25 0,25 0,5

	Vườn bác Thành trồng được số cây chanh tứ quý là $1200:12 = 100$ (cây)	
Câu 20: (1,0đ)	a) $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{100}$ $2A = 2.2 + 2^2.2 + 2^3.2 + 2^4.2 + \dots + 2^{100}.2$ $2A = 2^2 + 2^3 + 2^4 + 2^5 + \dots + 2^{101}$ $2A - A = (2^2 + 2^3 + 2^4 + 2^5 + \dots + 2^{101}) - (2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{100})$ $A = 2^2 + 2^3 + 2^4 + 2^5 + \dots + 2^{101} - 2 - 2^2 - 2^3 - 2^4 - \dots - 2^{100}$ $A = 2^{101} - 2$ Vậy $A = 2^{101} - 2$	0,25
		0,25
	b) Có : $A = 20213 = 2021.2021.2021$ $B = 2020.2021.2022$ $= (2021 - 1).2021.(2021 + 1)$ $= (2021.2021 - 2021).(2021 + 1)$ $= 2021.2021.2021 + 2021.2021 - 2021.2021 - 2021$ $= 2021.2021.2021 - 2021$ Vậy $A > B$	0,25
		0,25
Tổng		7,0
<i>Học sinh làm theo cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.</i>		

- Đề kiểm tra cuối kì I môn toán 6. Mã đề HT 18A gồm 2 trang

-Thời gian duyệt đề: Ngày / /2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN TOÁN – KHỐI 6

Thời gian làm bài 90 phút

(Không tính thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM) (Học sinh chọn một chữ cái đứng trước đáp án cho là đúng và ghi vào giấy làm bài).

Câu 1. Tập hợp số tự nhiên được kí hiệu là.

A. $\mathbb{N}$

B. $\mathbb{Z}$

C. $\mathbb{Q}$

D. $\mathbb{R}$

Câu 2. Số nguyên âm có hai chữ số lớn nhất là.

A. -99

B. -98

C. -11

D. -10

Câu 3. Phát biểu nào sau đây là **sai**.

A. $-44 < -34$

B. $-3 < 3$

C. $-10 < 0$

D. $-9 > -8$

Câu 4. Số lượng kem bán được trong một ngày tại một cửa hàng được ghi lại vào bảng thống kê sau.

Loại kem	Vani	Sô-cô-la	Dừa	Dâu	Sầu riêng	Đậu đỏ	Cà phê
Số lượng	5	13	43	6	9	-7	0

Thông tin nào không hợp lí trong bảng dữ liệu ở trên?

A. Dừa B. -7 C. Đậu đỏ D. 0

Câu 5. Hình bình hành có cạnh đáy 8 cm và đường cao tương ứng là 5 cm thì có diện tích là.

A. 13 cm^2 B. 26 cm^2 C. 40 cm^2 D. 20 cm^2

Câu 6. Kết quả của phép tính $(-5).4 = \dots$

A. -20 B. 20 C. 10 D. -10

Câu 7. Số nào là ước của 8.

A. 4 B. 0 C. 5 D. 6

Câu 8. Số lượt yêu thích các món ăn nhanh của lớp 6A được cho ở biểu đồ tranh như sau:

Món ăn	Số lượt yêu thích món ăn
Pizza	
Sandwich	
Hamburger	
Hot dog	

Món ăn nào được các bạn học sinh lớp 6A yêu thích nhiều nhất?

A. Pizza B. Sandwich C. Hamburger D. Hot dog

Câu 9. Để số $47x$ chia hết cho 3 thì x là số nào bên dưới.

A. 0 B. 2 C. 5 D. 7

Câu 10. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng.

A. Hình thang cân có 2 đường chéo vuông nhau. B. Hình bình hành có 2 đường chéo bằng nhau.
C. Hình chữ nhật có 2 đường chéo bằng nhau. D. Hình thoi có 2 đường chéo bằng nhau.

Câu 11. Bội chung nhỏ nhất của 24 và 36 là.

A. 100 B. 72 C. 148 D. 256

Câu 12. Kết quả của phép tính $(-8).(-125) = \dots$

A. -133 B. 133 C. -1000 D. 1000

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể).

- a) $2^3.3^2 + 7^{16} : 7^{14} - 2022^0$
b) $2.(-5).(-4).25$

Câu 2. (1,0 điểm) Tìm số nguyên x

- a) $22 + x = 13$

b) $115 : (x + 22) = 5$

Câu 3. (1,0 điểm)

- a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $-32; 25; 0; 7; -18$.
- b) Trong các tòa nhà cao tầng thường có thang máy. Người ta gọi tầng mặt đất (tầng 0) là tầng G, các tầng hầm ở bên dưới tầng G lần lượt gọi là tầng B1, B2, Một thang máy đang ở tầng G, sau đó đi lên thêm 5 tầng rồi lại đi xuống 7 tầng. Hỏi lúc này thang máy đang ở tầng nào?

Câu 4. (1,0 điểm) Điều tra thể loại phim yêu thích nhất của 36 học sinh, một bạn ghi lại bảng dữ liệu như sau:

H	C	H	L	H	K	H	C	T	H	L	K	H	T	H	C	H	H
K	L	T	H	L	K	L	C	T	C	T	H	C	L	T	T	C	T

(H: Hoạt hình; L: Lịch sử; K: Khoa học; C: Ca nhạc; T: Trinh thám)

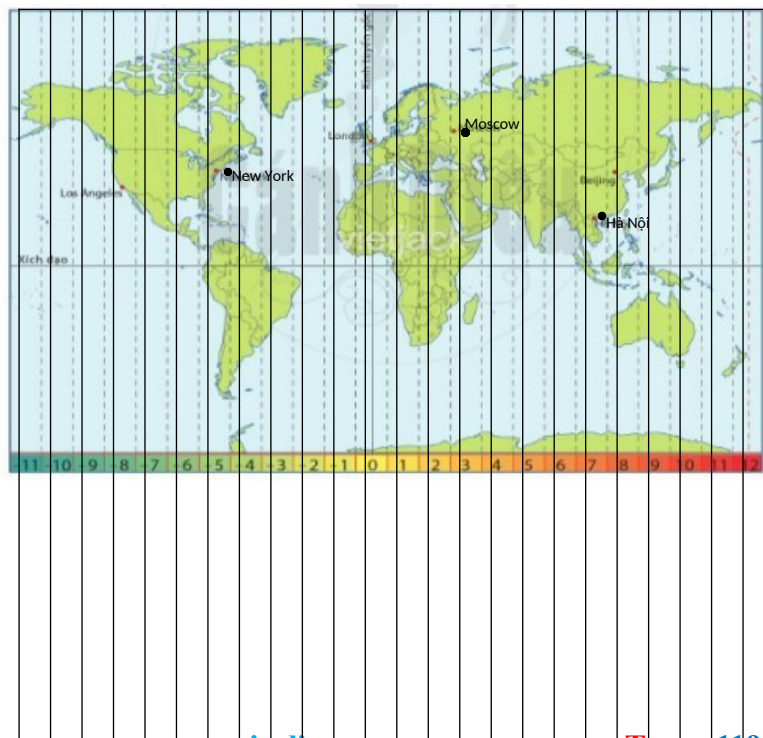
Em hãy lập bảng thống kê về thể loại phim yêu thích nhất của 36 học sinh tương ứng với bảng dữ liệu ở trên và cho biết loại phim nào được yêu thích nhiều nhất? Loại phim nào được yêu thích ít nhất?

Câu 5. (1,0 điểm) Bạn Lâm đi chợ mua 14 quả xoài, 35 quả mận và 21 quả cam. Lâm muốn chia đều trái cây vào các đĩa sao cho số lượng trái cây mỗi loại trên các đĩa là như nhau. Hỏi bạn Lâm có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu đĩa trái cây?

Câu 6. (1,0 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 10 mét và chiều dài 12 mét.

- a) Tính diện tích của khu vườn.
- b) Người ta làm một lối đi rộng 1 mét xung quanh khu vườn, phần diện tích đất còn lại dùng để trồng hoa hướng dương. Tính diện tích phần đất trồng hoa.

Câu 7. (1,0 điểm) Trái Đất mất trung bình 24 giờ để tự quay quanh trục cho nên người ta chia các khu vực trên Trái Đất thành 24 múi giờ. Đài thiên văn Greenwich ở thành phố London nước Anh được chọn là múi giờ gốc (múi giờ 0). Đi về bên phải (phía đông) sẽ lần lượt là các múi giờ +1; +2; ...; +12. Đi về bên trái (phía tây) sẽ lần lượt là các múi giờ -1; -2; ...; -11. Bản đồ sau cho biết các múi giờ ở một số nơi trên thế giới và Hà Nội ở múi giờ +7.



Dựa vào các thông tin ở trên, em hãy cho biết:

- a) Hà Nội và Moscow cách nhau bao nhiêu giờ?

tin ở trên, em hãy

Moscow cách nhau giờ?

b) Ở Hà Nội đang là 7 giờ ngày 22/12/2022 thì cùng lúc đó ở New York là mấy giờ? Ngày nào?

- HẾT -

(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN TOÁN LỚP 6

PHẦN TRẮC NGHIỆM (mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	D	B	C	A	A	B	C	C	B	D

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Lời giải		Điểm
1	a) $2^3.3^2+7^{16}:7^{14}-2022^0$ $=72+49-1$ $=120$		0,5
	b) $2.(-5).(-4).25$ $=(-10).(-100)$ $=1000$		0,5
2	a) $22+x=13$ $x=-9$		0,5
	b) $115:(x+22)=5$ $x+22=23$ $x=1$		0,5
3	a) $-32;-18;0;7;25$		0,5
	b) $0+5-7=-2$ Vậy thang máy ở tầng hầm B2 (hoặc tầng -2)		0,5
4	Thẻ loại phim	Số bạn chọn	0,5
	Hoạt hình	11	
	Lịch sử	6	
	Khoa học	4	
	Ca nhạc	7	
	Trình thám	8	

	<div>Bảng thống kê loại phim yêu thích nhất của 36 học sinh khối 6</div> <div></div> <div>Loại phim được yêu thích nhiều nhất là Hoạt hình.</div> <div>Loại phim được yêu thích ít nhất là Khoa học.</div>	<div>0,25</div> <div>0,25</div>																												
5	<div>Số đĩa cần tìm là ƯCLN (14, 21, 35)</div> <div><div><div>14 = 2.7</div><div>21 = 3.7</div><div>35 = 5.7</div></div><div>TSNT chung là 7</div></div> <div>ƯCLN (14, 21, 35) = 7</div> <div>Vậy bạn Lâm có thể chia được nhiều nhất 7 đĩa trái cây.</div>	<div>0,25</div> <div>0,25</div> <div>0,25</div> <div>0,25</div>																												
6	<div>a) Diện tích khu vườn hình chữ nhật là: $10.12 = 120\text{ (m}^2\text{)}$</div> <div>Vậy diện tích của khu vườn là 120 m^2.</div>	<div>0,5</div>																												
	<div>b) Diện tích phần đất trồng hoa là: $(10 - 1 - 1).(12 - 1 - 1) = 80\text{ (m}^2\text{)}$</div> <div>Vậy diện tích phần đất trồng hoa là 80 m^2.</div>	<div>0,5</div>																												
7	<div>a) Hà Nội ở múi giờ +7, Moscow ở múi giờ +3. Ta có $(+7) - (+3) = 4$ nên Hà Nội cách Moscow 4 giờ.</div>	<div>0,5</div>																												
	<div>b) Hà Nội ở múi giờ +7, New York ở múi giờ -5. Ta có bảng đổi giờ sau:</div> <table><tr><td>Múi giờ</td><td>-5</td><td>-4</td><td>-3</td><td>-2</td><td>-1</td><td>0</td><td>+1</td><td>+2</td><td>+3</td><td>+4</td><td>+5</td><td>+6</td><td>+7</td></tr><tr><td>Giờ</td><td>19</td><td>20</td><td>21</td><td>22</td><td>23</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr></table> <div>Vậy ở Hà Nội là lúc 7 giờ ngày 22/12/2022 thì cùng lúc ở New York là lúc 19 giờ ngày 21/12/2022.</div>	Múi giờ	-5	-4	-3	-2	-1	0	+1	+2	+3	+4	+5	+6	+7	Giờ	19	20	21	22	23	0	1	2	3	4	5	6	7	<div></div> <div>0,5</div>
Múi giờ	-5	-4	-3	-2	-1	0	+1	+2	+3	+4	+5	+6	+7																	
Giờ	19	20	21	22	23	0	1	2	3	4	5	6	7																	
<div>Học sinh làm theo cách khác có kết quả đúng vẫn đạt điểm.</div>																														

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm có 02 trang)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm) Hãy khoanh tròn vào phương án đúng nhất trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. [NB] Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

- A. 2 B. -2 C. 0,2 D. $\frac{1}{2}$

Câu 2. [NB] Số nào sau đây **không phải** là số nguyên tố?

- A. 31 B. 17 C. 20 D. 11

Câu 3. [NB] Khẳng định nào dưới đây là **sai**?

- A. Trên trục số, điểm - 2 nằm sau điểm - 1.
B. Trên trục số, điểm - 2 nằm trước điểm - 1.
C. Trên trục số, các số nguyên âm nằm trước gốc O.
D. Trên trục số, các số nguyên âm nằm trước các số nguyên dương .

Câu 4. [NB] Số 10 là bội của số nguyên nào dưới đây?

- A. -5. B. -6. C. -7. D. -8.

Câu 5. [NB] Hình nào sau đây **không** có trục đối xứng?

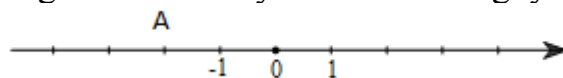


- A. Hình (a) B. Hình (b). C. Hình (c). D. Hình (d).

Câu 6. [NB] Trong các hình sau, hình nào **không** có tâm đối xứng?

- A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật.
C. Hình tam giác đều. D. Hình bình hành.

Câu 7. [TH] Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. - 4. B. - 2. C. 2. D. - 3.

Câu 8. [TH] Nhiệt độ trung bình ở Mát-xcơ-va của Nga tháng 1 là -8°C và tháng 2 là -7°C , khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng 1 cao hơn tháng 2.
B. Thời tiết tháng 1 nóng hơn tháng 2.
C. Nhiệt độ trung bình tháng 1 thấp hơn tháng 2 .
D. Thời tiết hai tháng như nhau .

Câu 9. [TH] Phát biểu nào dưới đây là sai?

- A. Nếu tam giác ABC có $AB = AC$ thì tam giác ABC là tam giác đều.
B. Nếu tam giác ABC có $AB = AC = BC$ thì tam giác ABC là tam giác đều.

C. Nếu tam giác ABC có góc A bằng góc B bằng góc C bằng 60° thì tam giác ABC là tam giác đều.

D. Nếu tam giác ABC có $AB = BC$ thì chưa chắc tam giác ABC đã là tam giác đều.

Câu 10.[TH] Hình lục giác đều có đường chéo chính là 12cm. Số đo cạnh của hình lục giác đều nói trên là

A. 12cm.

B. 6cm

C. 4cm.

D. -8cm.

Câu 11.[VD] Tổng của các số nguyên x sao cho $-3 < x < 4$ là

A. 3.

B. -3

C. 4.

D. -4.

Câu 12.[VD] Phân số nào sau đây là phân số tối giản?

A. $\frac{-6}{7}$.

B. $\frac{-6}{8}$

C. $\frac{-6}{9}$.

D. $\frac{-6}{10}$.

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1.(1,5 điểm).[TH]

a) Năm 2022 thuộc thế kỷ nào? Viết thế kỷ trên bằng số La Mã.

b) Nhà Toán học Ở-Clit sinh vào khoảng năm 325 trước Công nguyên và nhà Toán học Ác-si-mét sinh vào khoảng năm 287 trước Công nguyên.

Hãy cho biết trong hai nhà Toán học nói trên, ai sinh ra trước.

Bài 2.(2,5 điểm) .

1).[NB] Liệt kê các số nguyên vừa là ước của 10, vừa là bội của 5.

2).[VD]

a) Viết tổng sau dưới dạng bình phương của một số tự nhiên: $1 + 3 + 5 + 7 + 9$.

b) Tính một cách hợp lí: $-21 + 21.(-32) + 21.(-67)$.

c) Tính giá trị của biểu thức $22 - (15 - x)$ khi $x = 2015$.

Bài 3.(2,0 điểm)

1). [NB] Nêu tâm đối xứng và trục đối xứng của hình chữ nhật.

2). [TH] Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài 12m và chiều rộng 2m. Tính diện tích lối đi đó.

Bài 4.(1,0 điểm).[VDC] Một tủ cấp đông khi chưa bật tủ thì nhiệt độ bên trong tủ là 24°C . Khi bật tủ đông, nhiệt độ bên trong tủ giảm đều 2°C mỗi phút. Hỏi phải mất bao lâu để nhiệt độ trong tủ đạt -10°C ?

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
Môn Toán – Lớp 6

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi được điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	C	A	A	B	C	B	C	A	B	A	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1.(1,5 điểm).[TH]

a) Năm 2022 thuộc thế kỷ nào? Viết thế kỷ trên bằng số La Mã.

b) Nhà Toán học O-Clit sinh vào khoảng năm 325 trước Công nguyên và nhà Toán học Ác-si-mét sinh vào khoảng năm 287 trước Công nguyên.

Hãy cho biết trong hai nhà Toán học nói trên, ai sinh ra trước.

Tóm tắt cách giải		Điểm
a)	Năm 2022 thuộc thế kỷ 21 Thế kỷ 21 viết bằng số La Mã là: XXI	0,5 0,5
b)	Nếu ta dùng số nguyên âm để biểu diễn cho những năm trước Công nguyên thì Nhà Toán học O-Clit sinh vào khoảng năm -325 và nhà Toán học Ác-si-mét sinh vào khoảng năm -287. Vì số -325 đứng trước số -287 trên trục số, nên nhà Toán học O-Clit sinh ra trước nhà Toán học Ác-si-mét.	0,25 0,25

Bài 2.(2,5 điểm) .

1).[NB] Liệt kê các số nguyên vừa là ước của 10, vừa là bội của 5.

2).[VD]

a) Viết tổng sau dưới dạng bình phương của một số tự nhiên: $1 + 3 + 5 + 7 + 9$.

b) Tính một cách hợp lí: $-21 + 21.(-32) + 21.(-67)$.

c) Tính giá trị của biểu thức $22 - (15 - x)$ khi $x = 2015$.

Tóm tắt cách giải		Điểm
1)	Các số nguyên là ước của 10 gồm có: 10; 5; 2; 1; -1; -2; -5; -10 Các số nguyên là bội của 5 gồm có: 0; ± 5 ; ± 10 ; ...; $\pm 5k$ với $k \in \mathbb{Z}$ Vậy các số nguyên vừa là ước của 10, vừa là bội của 5 gồm có: 10; 5; -10; -5	0,25 0,25 0,5
2)	a) Ta có: $1 + 3 + 5 + 7 + 9 = 25 = 5^2$	0,5
	b) $-21 + 21.(-32) + 21.(-67) = (-21)(1 + 32 + 67) = (-21).100 = -2100$	0,5
	c) Giá trị của biểu thức $22 - (15 - x)$ khi $x = 2015$ là: $22 - (15 - 2015)$ $= 22 - 15 + 2015$ $= 2022$	0,5

Bài 3.(2,0 điểm)

1). [NB] Nêu tâm đối xứng và trục đối xứng của hình chữ nhật.

2). [TH] Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài 12m và chiều rộng 2m. Tính diện tích lối đi đó.

Tóm tắt cách giải		Điểm
a)	Tâm đối xứng của hình chữ nhật là giao điểm của hai đường chéo Mỗi đường thẳng đi qua trung điểm hai cạnh đối diện là một trục đối xứng của hình chữ nhật.	0,75 0,75
b)	Diện tích lối đi hình chữ nhật nói trên là: $S = 12.2 = 24 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5

Bài 4.(1,0 điểm).[VDC] Một tủ cấp đông khi chưa bật tủ thì nhiệt độ bên trong tủ là 24°C . Khi bật tủ đông, nhiệt độ bên trong tủ giảm đều 2°C mỗi phút. Hỏi phải mất bao lâu để nhiệt độ trong tủ đạt -10°C ?

Tóm tắt cách giải		Điểm
Độ thay đổi nhiệt độ của tủ cấp đông khi giảm từ 24°C đến -10°C là: $24^\circ\text{C} - (-10^\circ\text{C}) = 34^\circ\text{C}$		0,5
Vì tủ giảm đều 2°C mỗi phút, nên để thay đổi 34°C thì cần thời gian là: $34: 2 = 17 \text{ (phút)}$		0,5

Lưu ý :

+ Mỗi bài toán có thể có nhiều cách giải, học sinh giải cách khác mà đúng thì vẫn cho điểm tối đa. Khi chấm cần thảo luận thống nhất biểu điểm chi tiết cho các tình huống làm bài của học sinh.

+ Điểm từng câu không làm tròn số.



ĐỀ SỐ 01

Phần 1: Trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (NB) (0,25 điểm) Các phần tử của một tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nào?

- A. $\{ \}$ B. $[]$ C. $()$ D. $\langle \rangle$

Câu 2. (NB) (0,25 điểm) Cho $A = \{a; b; c; d\}$. Chọn đáp án **sai** trong các đáp án sau?

- A. $a \in A$ B. $b \in A$ C. $e \notin A$ D. $0 \in A$

Câu 3. (TH) (0,25 điểm) Khoanh vào số liền trước của số là kết quả của phép tính $400 + 75$

- A. 474 B. 475 C. 476 D. 477

Câu 4. (TH) (0,25 điểm) Kết quả phép tính lũy thừa $7^3 \cdot 7^2$

- A. 7^6 B. 7^4 C. 7^1 D. 7^5

Câu 5. (NB) (0,25 điểm) Biểu thức nào sau đây không chia hết cho 3?

- A. $9 + 12$ B. $9 + 11$ C. $9 + 18$ D. $9 + 21$

Câu 6. (NB) (0,25 điểm) Chọn khẳng định **sai**?

- A. Số 2 là số nguyên tố nhỏ nhất
B. Mọi số nguyên tố đều là số lẻ.
C. Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn 2 ước
D. Có 2 số tự nhiên liên tiếp là số nguyên tố

Câu 7. (TH) (0,25 điểm) Những số nào không là số nguyên tố cũng không là hợp số ?

- A. 2 ; 3. B. 4; 7. C. 0; 1. D. 0; 6.

Câu 8. (TH) (0,25 điểm) Cho A là tập hợp các ước chung của 10 và 15. Khoanh vào khẳng định **sai**?

- A. $5 \in A$ B. $10 \in A$ C. $1 \in A$ D. $3 \in A$

$$-1; 0; 2; 5\frac{1}{2}; -6; 4; -7$$

Câu 9. (NB) (0,25 điểm) Có bao nhiêu số nguyên âm trong các số sau:

- A. 2. **B. 3.** C. 4. D. 5.

Câu 10. (NB) (0,25 điểm) Mọi số nguyên âm đều:

- A. Nhỏ hơn 0 B. Nhỏ hơn mọi số nguyên dương
C. Lớn hơn 0 **D. Cả A và B**

Câu 11. (TH) (0,25 điểm) Diễn tả câu sau bằng một câu không sử dụng số âm: “Cá voi xanh có thể lặn được -2500m”

Trả lời: “ Cá voi xanh có thể lặn được.....”

- A. 2500m** dưới mực nước biển
B. -2500m dưới mực nước biển
C. 2500m trên mực nước biển
D. -2500m trên mực nước biển

Câu 12. (TH) (0,25 điểm) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 2; -4; 0; 5; -11; -3; 9

- A. -4; -11; -3; 0; 2; 5; 9 **B. -11; -4; -3; 0; 2; 5; 9**
C. -3; -4; -11; 0; 2; 5; 9 D. 9; 5; 2; 0; -3; -4; 11

Câu 13. (TH) (0,25 điểm) Khoanh vào giá trị của biểu thức $P = 3 \cdot (-4) \cdot 5 \cdot (-6)$

- A. $P = -360$ B. $P = -630$ **C. $P = 360$** D. $P = 630$

Câu 14. (TH) (0,25 điểm) Khoanh vào kết quả của phép tính $[(-26) + (-37)] : 9$

- A. -7** B. 7 C. -63 D. 63

Câu 15. (NB) (0,25 điểm) Một tam giác có 3 cạnh bằng nhau là:

- A. Tam giác vuông B. Tam giác cân **C. Tam giác đều** D. Tam giác vuông cân

Câu 16. (NB) (0,25 điểm) Mỗi góc trong tam giác đều có số đo bằng:

- A. 45° B. 90° **C. 60°** D. 120°

Câu 17. (NB) (0,25 điểm) Khoanh vào biển báo **không** có trục đối xứng trong các biển báo dưới đây.



Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

- A.** Hình 1. **B.** Hình 2. **C.** Hình 3. **D.** Hình 4.

Câu 18. (NB) (0,25 điểm) Chữ cái nào dưới đây có trục đối xứng?

- A.** Q **B.** P **C.** E **D.** N

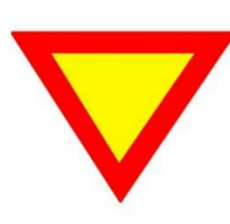
Câu 19. (NB) (0,25 điểm) Khoanh vào biển báo có tâm đối xứng trong các biển báo dưới đây.



Hình 1



Hình 2



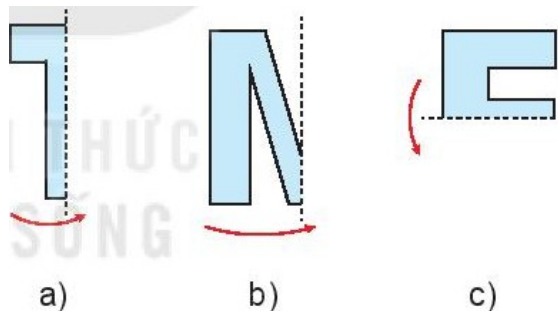
Hình 3



Hình 4

- A.** Hình 1. **B.** Hình 2. **C.** Hình 3. **D.** Hình 4.

Câu 20. (TH) (0,25 điểm) Bạn An đang gấp giấy để cắt chữ. Em hãy đoán xem An cắt được chữ gì khi mở những mảnh giấy dưới đây ra (H.5.5)



Hình 5.5

- A.** Chữ T, chữ M, chữ E **B.** Chữ T, chữ N, chữ E
C. Chữ H, chữ M, chữ E **D.** Chữ T, chữ M, chữ F

Phần 2: Tự luận (5 điểm)

Câu 21. (1,0 điểm) Cho tập hợp $D = \{x \in \mathbb{Z} \mid -2 \leq x < 4\}$

- Liệt kê các phần tử của tập hợp D
- Sắp xếp các phần tử của tập hợp D theo thứ tự tăng dần.
- Tính tổng các phần tử có trong tập hợp D.

Câu 22. (0,75 điểm) Tính nhanh giá trị các biểu thức dưới đây:

- $232 + (581 - 232 + 119)$
- $(-3) \cdot (-17) + 3 \cdot (120 - 17)$

Câu 23. (0,75 điểm)

a) Tìm các ước của 4 và các ước của 6

b) Tìm các ước chung của 4 và 6

Câu 24. (0,75 điểm)

Bố có 12 quả bóng màu xanh và 15 quả bóng màu đỏ. Bố muốn chia số bóng cho ba anh em Việt, Hà

và Nam sao cho mỗi người đều có số quả bóng xanh bằng nhau và số quả bóng đỏ bằng nhau.
Hỏi bố

có thực hiện được điều đó hay không? Nếu có hãy mô tả cách chia bóng.

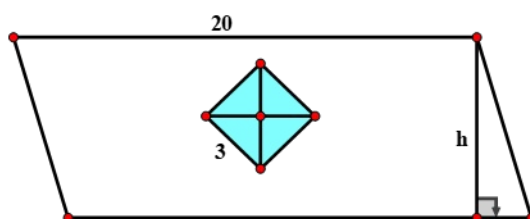
Câu 25. (1,0 điểm)

Một mảnh vườn hình bình hành có chiều dài cạnh đáy là 20m, giữa vườn người ta đào một cái ao

hình vuông cạnh 3m như hình vẽ. Biết chiều cao h dài gấp đôi cạnh hình vuông.

a) Tính diện tích cái ao

b) Tính diện tích còn lại của vườn sau khi đào ao?



Câu 26. (1,0 điểm)

Tòa nhà Bitexco có 68 tầng, tầng trệt gọi là tầng G. Tòa nhà có 3 hầm để xe, gọi là B1, B2, B3 theo thứ tự từ trên xuống. Cô Lan là nhân viên văn phòng tại tòa nhà. Buổi sáng cô để xe tại khu vực tầng hầm, đi thang máy lên 22 tầng đến nơi làm việc. Buổi trưa cô đi thang máy xuống 15 tầng, đến nhà hàng tại tầng 5 tòa nhà, để đến chỗ ăn liên hoan tất niên. Em hãy tính toán và cho biết cô Lan để xe ở tầng nào? Làm việc ở tầng mấy?

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần 1 Trắc nghiệm: (5,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	D	A	D	B	B	C	B	B	D	A	B	C	A	C	C	A	C	D	A

Phần 2 Tự luận (5,0 điểm)

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
Bài 21 (1,0 đ)	a)	$D = [-2; -1; 0; 1; 2; 3]$	0,25
	b)	Sắp xếp theo thứ tự tăng dần: -2;-1;0;1;2;3	0,25
	c)	Tổng các phần tử của D là: $(-2)+(-1)+0+1+2+3=3$	0,5
Bài 22 (0,75 đ)	a)	$232 + (581 - 232 + 119)$ $= 232 + 581 - 232 + 119$ $= (232 - 232) + (581 + 119)$ $= 0 + 700 = 700$	0,5
	b)	$(-3) \cdot (-17) + 3 \cdot (120 - 17)$ $= 3 \cdot 17 + 3 \cdot 120 - 3 \cdot 17$ $= (3 \cdot 17 - 3 \cdot 17) + 3 \cdot 120$ $= 360$	0,25

Bài 23 (0,75đ)	a) Tất cả các ước của 4 là : 1 ; -1 ; 2 ; -2 ; 4 ; -4 Tất cả các ước của 6 là : 1 ; -1 ; 2 ; -2 ; 3 ; -3 ; 6 ; -6	0,25 0,25
	Ước chung của 4 và 6 là 1 ; -1 ; 2 ; -2	0,25
Bài 24 (0,75đ)	Bố có thể thực hiện điều đó vì $\begin{cases} 12:3 \\ 15:3 \end{cases}$	0,25 0,5
Bài 25 (1,0đ)	a) Diện tích cái ao là: $3.3 = 9 \text{ (m}^2\text{)}$. b) Chiều cao h của mảnh vườn là: $3.2=6 \text{ (m)}$ Diện tích mảnh vườn là: $20.6=120 \text{ (m}^2\text{)}$. Diện tích còn lại sau khi đào ao là: $120 - 9=111 \text{ (m}^2\text{)}$.	0,5 0,25 0,25
Bài 26 (1,0đ)	Gọi x ($x \in \mathbb{Z}$) là vị trí tầng hầm. Theo bài ra ta có: $x + 22 - 15 = 5$ $x = 5 - 7$ $x = -2$ (tmdk) Vậy cô Lan để xe ở tầng hầm B2. Vị trí tầng mà cô Lan làm việc là: $-2 + 22 = 20$ Vậy cô Lan làm việc ở tầng 20.	0,25 0,25 0,25 0,25
Tổng		10 đ

PHÒNG GD & ĐT ĐẠI LỘC
TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG
ĐẠO

(Đề có 2 trang)

KIỂM TRA HỌC KỲ I – NĂM HỌC: 2024 - 2025

MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 6

Thời gian làm bài : 90 Phút; (Đề có 18 câu)

Họ tên:

Lớp:SBD.....

Mã đề 001

ĐIỂM	LỜI PHÊ CỦA GIÁO VIÊN
------	-----------------------

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong mỗi câu sau:

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$. Cách viết nào sau đây sai ?

- A. $0 \in A$. B. $4 \notin A$. C. $3 \in A$. D. $5 \notin A$.

Câu 2: Kết quả phép tính $5^6 \cdot 5^3$ là

- A. 5^9 . B. 25^9 . C. 5^2 . D. 5^3 .

Câu 3: Trong các số sau, số nguyên tố là

- A. 9. B. 10. C. 11. D. 12.

Câu 4: Trong các số sau, số chia hết cho 5 là

- A. 321. B. 248. C. 1246. D. 625.

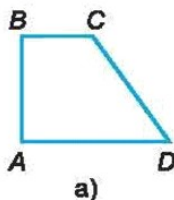
Câu 5: Số đối của số -12 là

- A. 0. B. -12. C. 12. D. -21.

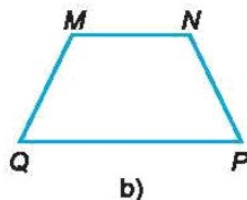
Câu 6: UCLN(5,15) là

- A. 5. B. 15. C. -15. D. 51.

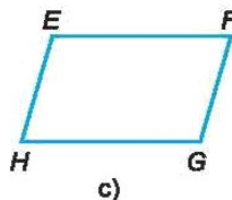
Câu 7: Trong các hình dưới đây, hình nào là hình bình hành?



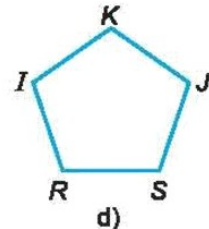
a)



b)



c)



d)

A. a

B. b

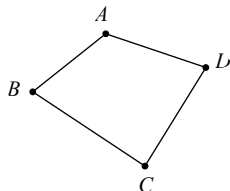
C. c

D. d

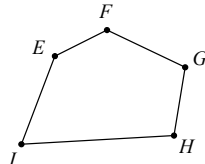
Câu 8: Hình vuông có mấy trục đối xứng?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

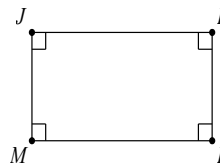
Câu 9: Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



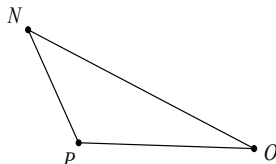
(1)



(2)



(3)



(4)

A. (3).

B. (4).

C. (2).

D. (1).

Câu 10: Hình nào sau đây **không** có tâm đối xứng?

- A. Hình tam giác đều. B. Hình chữ nhật. C. Hình bình hành. D. Hình vuông.

Câu 11 : Chữ cái nào sau đây có tâm đối xứng ?

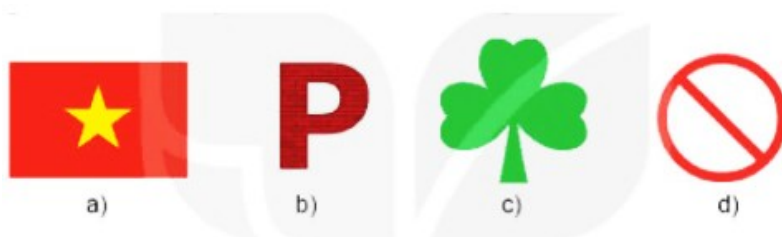
A. T

B. F

C. P

D. X

Câu 12: Trong các hình dưới đây, hình nào **không** có trục đối xứng?



A. Hình a).

B. Hình b).

C. Hình c).

D. Hình d).

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1: (0,5 điểm) Trong các số 3212; 2520; 2405; 7020. Số nào chia hết cho cả 2; 5 và 9.

Bài 2: (1,75 điểm)

- Tìm tất cả các ước của số -8.
- Biểu diễn các số sau đây trên cùng một trục số: -3; -1; 3.
- So sánh hai số nguyên - 4321 và - 4312.

Bài 3: (1,75 điểm) Tính giá trị biểu thức sau (tính hợp lí nếu có thể):

- $(-2023) \cdot 26 + 74 \cdot (-2023)$
- $45 - [(-5)^2 \cdot 2 - (29 + 3^5 : 3^3)]$

Bài 4: (1,0 điểm) Có một gian phòng nền hình chữ nhật. Biết chiều rộng gian phòng là 5m và chiều dài gian phòng gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi của gian phòng.

Bài 5: (1,0 điểm) Một cửa hàng kinh doanh nửa tháng đầu lãi 9 triệu đồng, nửa tháng sau lỗ 3 triệu đồng. Hỏi tháng đó cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu triệu đồng?

Bài 6: (1,0 điểm) Học sinh khối 6 khi xếp thành hàng 2, hàng 3, hàng 5 đều thừa 1 bạn. Hỏi số học sinh đó bằng bao nhiêu, biết rằng số học sinh trong khoảng 180 đến 200 bạn.

-----Hết-----

PHÒNG GD & ĐT ĐẠI LỘC
TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG
ĐẠO

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I-NĂM HỌC 2024 -
2025

MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 6

Thời gian làm bài : 90 Phút

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM- MÃ ĐỀ A

(Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm):

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	C	D	C	A	C	D	A	A	D	B

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Câu	Nội Dung	Điểm
1 (0,5đ)	Số chia hết cho cả 2; 5 và 9 là: 2520; 7020	0,5
2 (1,75đ)	a) $U(-8) = \{1; -1; 2; -2; 4; -4; 8; -8\}$	0,5
	b) Biểu diễn đúng mỗi điểm trên trục số được 0,25đ	0,75
	c) Vì $4321 > 4312$ nên $-4321 < -4312$	0,5
3 (1,75đ)	a) $(-2023) \cdot 26 + 74 \cdot (-2023) = -2023 (26 + 74)$ $= -2023 \cdot 100$ $= -202300$	0,25 0,25 0,25
	b) $45 - [(-5)^2 \cdot 2 - (29 + 3^5 : 3^3)]$ $= 45 - [25 \cdot 2 - (29 + 3^2)]$ $= 45 - [50 - (29 + 9)]$ $= 45 - (50 - 38)$ $= 45 - 12$ $= 33$	0,25 0,25 0,25 0,25
4 (1đ)	Chiều dài hình chữ nhật là: $5 \cdot 2 = 10(\text{cm})$ Chu vi hình chữ nhật là: $2 \cdot (10 + 5) = 30(\text{cm})$	0,5 0,5
5 (1đ)	Lỗ 3 triệu đồng nghĩa là lãi (-3) triệu đồng	0,25
	Cửa hàng đó lãi: $9 + (-3) = 6$ (triệu đồng)	0,5
	Vậy tháng đó cửa hàng đó lãi 6 triệu đồng	0,25
6 (1đ)	Gọi số học sinh cần tìm là x ($x \in N^*$; $180 \leq x \leq 200$) Khi xếp thành hàng 2, hàng 3, hàng 5 đều thừa 1 bạn	0,25
	$\left. \begin{array}{l} x-1:2 \\ x-1:3 \\ x-1:5 \end{array} \right\} \Rightarrow x-1 \in BC(2, 3, 5)$ Ta có:	0,25
	$BCNN(2,3,5) = 30$ $BC(2,3,5) = B(30) = \{0; 30; 60; 90; 120; 150; 180; 210; \dots\}$	0,25
	Do $180 \leq x \leq 200$ nên $179 \leq x-1 \leq 199$ Do đó: $x-1 = 180$ suy ra $x = 181$	0,25

Vậy số học sinh khối 6 cần tìm là 181 học sinh
--

Chú ý:

Tất cả các câu trong bài kiểm tra nếu cách làm khác đúng vẫn đạt điểm tối đa.

TRƯỜNG THCS ĐỀ THÁM**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024****Môn: Toán – Lớp 6**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm có 02 trang)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1.[NB] Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu như thế nào?

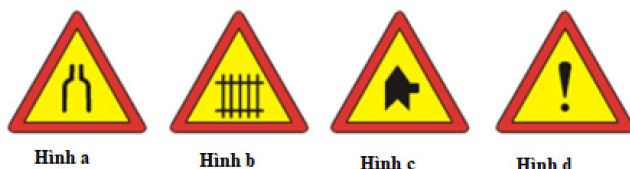
- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{Z}$ C. $\mathbb{Q}^*$ D. $\mathbb{R}$

Câu 2.[NB] Số đối của số 4 là số nào trong các đáp án dưới đây?

- A. 4. B. $\frac{1}{4}$. C. -4. D. $-\frac{1}{4}$.

Câu 3.[NB] Trong các số sau số nào là số nguyên tố?

- A. 11. B. 21 cm. C. 51 cm. D. 81 cm.

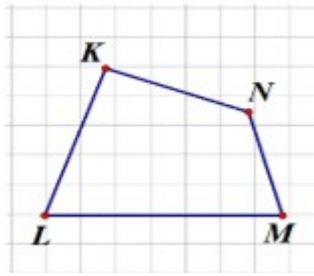
Câu 4.[NB] Trong các hình a, hình b, hình c, hình d sau đây, hình nào **không** có trục đối xứng?

- A. Hình b. B. Hình a. C. Hình d. D. Hình c.

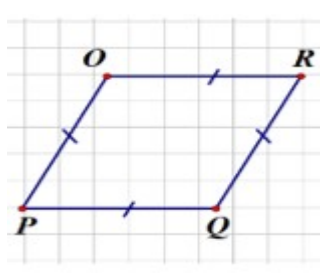
Câu 5.[NB] Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{2}{4}$. B. $\frac{3}{5}$.
 C. $\frac{7}{14}$. D. $\frac{10}{15}$.

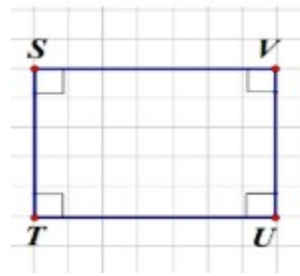
Câu 6.[NB] Trong các hình 1, hình 2, hình 3, hình 4 dưới đây, hình nào **không** có tâm đối xứng?



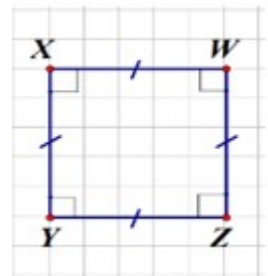
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 2. **B. Hình 1.** C. Hình 4. D. Hình 3.

Câu 7.[NB] Số 12 **không phải** là bội của số nguyên nào dưới đây?

- A. 4. B. -3. C. 6. **D. 24.**

Câu 8.[NB] Trong các *Hình (a)*, *Hình (b)*, *Hình (c)*, *Hình (d)* dưới đây. Hình nào sau đây có trục đối xứng?



Hình (a)



Hình (b)



Hình (c)



Hình (d)

- A. Hình (a) B. Hình (b). **C. Hình (c).** D. Hình (d).

Câu 9.[NB] Hình chữ nhật có bao nhiêu trục đối xứng?

- A. 1. **B. 2.** C. 3. D. 4.



Câu 10.[TH] Các điểm E và F ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?



- A. -3 và -5 **B. -3 và -2** C. 1 và 2 D. -5 và -6

Câu 11.[NB] Trong các số sau số nào là số nguyên âm?

- A. 6. **B. -6.** C. 96. D. 0.

Câu 12.[TH] Kết quả so sánh nào sau đây là đúng?

- A. $-3 > 2$ B. $-3 < -4$ C. $-5 > 0$ **D. $-3 > -5$**

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1.(3,5 điểm)

- a) **[NB]** Hãy chỉ ra số chia hết cho 3, số chia hết cho 5 trong các số sau 102; 26;55; 58?
 b) **[TH]** Tính theo cách hợp lý: $17 + 101 + 83 + 99$
 c) **[TH]** Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 35; -1; -12; 0.

d) **[TH]** Vẽ hình chữ nhật có chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm.

e) **[VD]** Tìm x biết: $15 + (4 - 2x) = (-3).(-3)$

Bài 2. (1,5 điểm) [TH] Tính giá trị các biểu thức sau

a) $A = 12 - (-8) + (-15) + (-20)$

b) $B = (-15).18 + 82.(-15)$

Bài 3. (1,0 điểm) [VD] Một người thợ phải làm các khung thép hình chữ nhật, mỗi khung thép có chiều dài 35cm, chiều rộng 30cm để làm đai cho cột bê tông cốt thép. Nếu dùng 260m dây thép thì người đó sẽ làm được bao nhiêu khung thép như vậy?

Bài 4. (1,0 điểm) [VDC] Chuẩn bị cho năm học mới, Mai được mẹ mua cho một sổ bút và một sổ quyển vở hết tất cả 165 nghìn đồng. Biết một chiếc bút giá 17 nghìn đồng, một quyển vở giá 15 nghìn đồng. Hỏi mẹ đã mua cho Mai bao nhiêu cái bút, bao nhiêu quyển vở?

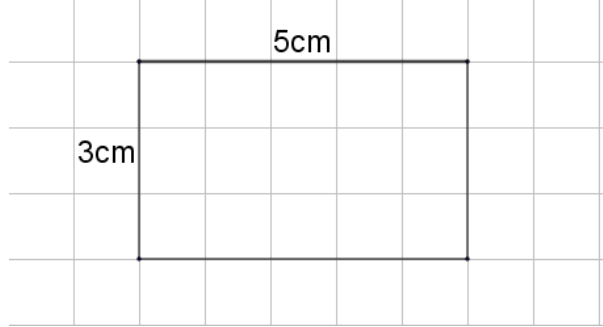
----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM CỦA ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 6

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	A	D	B	B	D	C	B	B	B	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Số chia hết cho 3: 102 Số chia hết cho 5: 55	0,25 0,25
1b (0,75đ)	$17 + 101 + 83 + 99$ $= (17 + 83) + (101 + 99)$ $= 100 + 200$ $= 300$	0,25 0,25 0,25
1c (0,75đ)	35; 0; -1; -12	0,75
1d (0,5đ)		0,5
1e (1,0đ)	$15 + (4 - 2x) = (-3).(-3)$ $15 + (4 - 2x) = 9$ $4 - 2x = 9 - 15 = -6$ $2x = 4 + 6 = 10$ $x = 10 : 2 = 5$	0,25 0,25 0,25 0,25
2a	$A = 12 - (-8) + (-15) + (-20)$	

(0,75đ)	$= 12 + 8 + (-15) + (-20)$ $= 20 + (-20) + (-15)$ $= -15$	0,25 0,25 0,25
2b (0,75đ)	$B = (-15).18 + 82.(-15)$ $= (-15)(18 + 82)$ $= (-15).100$ $= -150$	0,25 0,25 0,25
3 (1,0đ)	Chu vi mỗi khung thép là $2 \cdot (35 + 30) = 130$ (cm). Đổi $260 \text{ m} = 26000 \text{ cm}$. Số khung thép được làm là $26000 : 130 = 200$ (khung thép)	0,5 0,25 0,25
4 (1,0đ)	Gọi x, y lần lượt là số bút, số vở mà Mai mua được $x, y \in \mathbb{N}^*$ Số tiền mua bút là: $17x$ (nghìn đồng) Số tiền mua vở là: $5y$ (nghìn đồng) Theo đề bài ta có: $17x + 5y = 165$ Vì $165 : 5; 5y : 5$ nên $17x : 5$ suy ra $x : 5$ Do đó $x = 5$ (vì $17x < 165$) Khi đó $y = (165 - 17.5) : 5 = 16$ Vậy Mai mua được 5 cái bút và 16 quyển vở.	0,25 0,25 0,25 0,25

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
THỊ XÃ MỸ HÀO**

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 2 trang)

**ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN TOÁN 6**

Thời gian làm bài: 90 phút

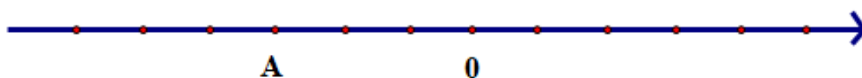
Họ tên : Số báo danh :

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào bài làm.

- Câu 1.** Kết quả phép tính $135 + (-1)^{100}$ là
A. 136. B. 35. C. -235. D. -35.
- Câu 2.** Cho a là số nguyên tố nhỏ nhất có một chữ số, b là hợp số lớn nhất có hai chữ số. Tính $a - b$?
A. - 95. B. 96. C. - 97. D. - 8.
- Câu 3.** Thương và số dư trong phép chia $237 : 9$ lần lượt là
A. 25;12 B. 26;3 C. 12;25 D. 3;26

Câu 4. Cho trục số như hình vẽ dưới đây, điểm nằm cách điểm A về phía chiều dương 5 đơn vị là điểm nào?



- A. +5. B. 2. C. -5. D. -8.

Câu 5. Tìm số nguyên âm nhỏ nhất để $5:(x+2)$?

- A. -3. B. -10. C. -1. D. -7.

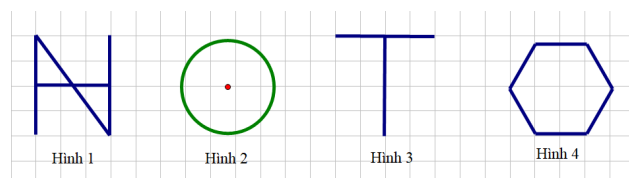
Câu 6. Trong các hình sau hình nào **không** có trục đối xứng?

- A. Hình thoi. B. Hình lục giác đều. C. Tam giác đều. D. Hình bình hành.

Câu 7. Cho lục giác đều $ABCDEF$ biết $AB = 3\text{ cm}$. Tính chu vi của lục giác đều đó?

- A. 24. B. 9. C. 18. D. 36.

Câu 8. Trong các hình cho dưới đây, hình nào có tâm đối xứng?

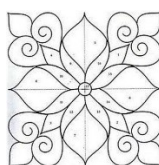


- A. Hình 1; 2; 4. B. Hình 1; 3; 4. C. Hình 2; 3; 4. D. Hình 1; 2; 3.

Câu 9. Cho $A = x - (y - z)$. Biểu thức A sau khi bỏ ngoặc là

- A. $x - y - z$. B. $x - y + z$. C. $-x + y + z$. D. $-x - y + z$.

Câu 10. Hình vẽ sau có số trục đối xứng là



- A. 0. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 11. Biết $x, y = -24$ và $x - y = 11$. Khi đó $x + y$ là

- A. 5. B. 10. C. -2. D. 23.

Câu 12. Cho hình thoi $ABCD$ biết $AC = 6\text{ cm}$, $BD = 8\text{ cm}$, $AB = 5\text{ cm}$. Độ dài đoạn BC là:

- A. 5cm. B. 6cm. C. 8cm. D. 10cm.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài 1: (1,5 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $-105 + 5.[7 + (19 - 9)^2 : (-25)]$

b) $98 - (98 - 17) + (-17 + 83)$

c) $(-25).19 + 25.63 + 25.56$

Bài 2: (1,5 điểm).

a) Tìm số nguyên x biết: $6x + 13 = -35$

b) Thủy ngân là một kim loại ở thể lỏng trong điều kiện bình thường. Nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân là $-39^\circ C$, nhiệt độ sôi của thủy ngân là $357^\circ C$. Tính số độ chênh lệch giữa nhiệt độ sôi và nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân.

Bài 3: (1,0 điểm). Số học sinh của một trường trung học cơ sở khi xếp hàng ^{12} , xếp hàng ^{16} , xếp hàng ^{18} để tập đồng diễn thể dục thì đều vừa đủ. Biết số học sinh của trường trong khoảng từ ^{400} đến ^{500} học sinh. Tìm số học sinh của trường đó.

Bài 4: (2,0 điểm). Cô Nga muốn lát gạch cho cái sân của nhà mình có dạng hình chữ nhật với chiều dài ^{18m} và chiều rộng ^{5m} . Loại gạch lát sân hình vuông có cạnh ^{60cm} .

a) Tính số viên gạch vừa đủ để lát hết nền nhà đó (không tính mạch vữa)?

b) Biết mỗi viên gạch có giá ^{15000} đồng và tiền công lát gạch là $^{70\,000}$ đồng/m². Tính chi phí lát sân (cả tiền công và tiền gạch)

Bài 5: (1,0 điểm).

a) Cho $a, b \in \square$ và $(11a + 2b) : 43$. Chứng minh $(10a + 37b) : 43$

b) Tìm $x \in \square$ biết $3^{x-1} + 2.3^x = 63$

----- HẾT -----

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
THỊ XÃ MỸ HẠO**

HD ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 3 trang)

**ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN TOÁN 6**

Thời gian làm bài: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	B	B	D	D	C	A	B	D	A	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm).

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (1,5đ)	$-105 + 5.[7 + (19 - 9)^2 : (-25)]$ a) $= -105 + 5.[7 + 10^2 : (-25)]$ $= -105 + 5.[7 + 100 : (-25)]$ $= -105 + 5.[7 + (-4)]$ $= -105 + 5.3$ $= -105 + 15 = -90$	0,25
	$98 - (98 - 17) + (-17 + 83)$ b) $= 98 - 98 + 17 - 17 + 83$ $= (98 - 98) + (17 - 17) + 83$ $= 83$	0,25
	$(-25).19 + 25.63 + 25.56$ c) $= 25.(-19) + 25.63 + 25.56$ $= 25.[(-19) + 63 + 56]$ $= 25.100 = 2500$	0,25
Bài 2 (1,5đ)	a) $6x + 13 = -35$ $6x = -35 - 13$ $6x = -48$ $x = -8$	0,75
	b) Số độ chênh lệch giữa nhiệt độ sôi và nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân là $357 - (-39) = 396(^{\circ}C)$	0,75
Bài 3 (1,0đ)	Số học sinh của một trường trung học cơ sở khi xếp hàng ^{12} , xếp hàng ^{16} , xếp hàng ^{18} để tập đồng diễn thể dục thì đều vừa đủ. Biết số học sinh của trường trong khoảng từ ^{400} đến ^{500} học sinh. Tìm số học sinh của trường đó.	

	<p>Giải</p> <p>Gọi số học sinh của trường đó là x ($x \in \mathbb{N}, 400 \leq x \leq 500$)</p> <p>Theo bài ra ta có: $x : 12; x : 16; x : 18$</p> <p>Khi đó $x \in BC(12, 16, 18)$</p> <p>$12 = 2^2 \cdot 3$</p> <p>$16 = 2^4$</p> <p>$18 = 2 \cdot 3^2$</p> <p>$BCNN(12, 16, 18) = 2^4 \cdot 3^2 = 144$</p> <p>$BC(12, 16, 18) = B(144) = \{0; 144; 288; 432; 576; \dots\}$</p> <p>Do $400 \leq x \leq 500$ nên $x = 432$</p> <p>Vậy trường đó có 432 học sinh.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>Bài 4</p> <p>(2đ)</p>	<p>Bài 4 (2 điểm). Cô Nga muốn lát gạch cho cái sân của nhà mình có dạng hình chữ nhật với chiều dài $18m$ và chiều rộng $5m$. Loại gạch lát sân hình vuông có cạnh $60cm$.</p> <p>a) Tính số viên gạch vừa đủ để lát hết nền nhà đó (không tính mạch vữa)?</p> <p>b) Biết mỗi viên gạch có giá 15000 đồng và tiền công lát gạch là 70000 đồng/m². Tính chi phí lát sân (cả tiền công và tiền gạch)</p>	
	<p>a. Diện tích sân hình chữ nhật là $18 \cdot 5 = 90 (m^2)$</p> <p>Diện tích một viên gạch là $60^2 = 3600 (cm^2) = 0,36 (m^2)$</p> <p>Số viên gạch cần mua để lát sân là $90 : 0,36 = 250$ (viên gạch)</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>
	<p>b. Số tiền mua gạch là $250 \cdot 15000 = 3750000$ (đồng)</p> <p>Tiền công lát gạch là $90 \cdot 70000 = 6300000$ (đồng)</p> <p>Chi phí cô Nga cần bỏ ra để lát sân là</p> <p>$3750000 + 6300000 = 10050000$ (đồng)</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>
<p>17</p>	<p>a) Cho $a, b \in \mathbb{N}$ và $(11a + 2b) : 43$ và $(10a + 37b) : 43$. Chứng minh</p> <p>Ta có $(11a + 2b) : 43 \Rightarrow 3 \cdot (11a + 2b) : 43 \Rightarrow 33a + 6b : 43$</p>	<p>0,25</p>

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

Môn: Toán - Lớp: 6

Thời gian: 90 phút (*không tính thời gian phát đề*)

Trang 142

- A. 0 B. 14. C. 3. D. 48

Câu 5. Trong hình tam giác đều không có tính chất nào sau đây:

- A. Có 1 góc bằng 60° . B. Có 3 cạnh bằng nhau.
C. Có 1 góc bằng 90° . D. Có 3 góc bằng nhau.

Câu 6. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau, bốn góc bằng nhau và bằng 90° là hình gì?

- A. Hình thoi. B. Hình bình hành. C. Hình chữ nhật. D. Hình vuông.

Câu 7. Hình thang cân có mấy tâm đối xứng?

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 3.

Câu 8. Cho nhiệt độ của các hành tinh trong hình vẽ sau:



Sao Hải Vương
-218°C

Sao Thiên Vương
-224°C

Sao Thổ
-178°C

Sao Thủy
-184°C

Sắp xếp tên các hành tinh theo thứ tự tăng dần về nhiệt độ?

- A. Sao Thiên Vương, sao Thủy, sao Thổ, sao Hải Vương.
B. Sao Thiên Vương, sao Hải Vương, sao Thủy, sao Thổ.
C. Sao Thủy, sao Thiên Vương, sao Thổ, sao Hải Vương.
D. Sao Thiên Vương, sao Thổ, sao Hải Vương, sao Thủy.

Câu 9. Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b sẽ là:

- A. $a - b = a + (-b)$. B. $a - b = a + b$. C. $a - b = a - (-b)$. D. $a - b = -a - b$.

Câu 10. Trong các số sau số nào là số nguyên tố?

- A. 1. B. 17. C. 30. D. 42.

Câu 11. Tập hợp số nguyên gồm:

- A. Số nguyên âm và số nguyên dương. B. Số nguyên âm và số 0.
C. Số tự nhiên khác 0 và số nguyên âm. D. Số nguyên âm, số 0, số nguyên dương.

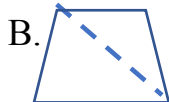
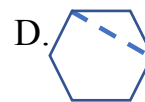
Câu 12. Trong các hình sau đây, hình nào có hai đường chéo vuông góc với nhau?



Câu 13. Trong các hình sau đây, hình nào có các cặp cạnh đối bằng nhau?



Câu 14. Hình nào sau đây nhận đường nét đứt làm trục đối xứng?



Câu 15. Có tất cả bao nhiêu hình có trục đối xứng trong các hình sau:



A. 1.

B. 0.

C. 2.

D. 4.

Câu 16. Trong các hình sau hình nào không có tâm đối xứng?

A. Tam giác đều.

B. Hình bình hành.

C. Hình thoi.

D. Hình vuông.

PHẦN II. TỰ LUẬN. (6 điểm)

Câu 1. (3 điểm)

a) Hãy biểu diễn các số sau đây trên cùng một trục số: 2; -2; -4; 5; -3; 3; 0.

b) Liệt kê các phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 \leq x \leq 4\}$;

c) So sánh hai số nguyên: -4 287 và -4 387.

Câu 2. (2 điểm) Tính giá trị của biểu thức sau một cách hợp lí nếu có thể:

a) $(-126) + 113$;

b) $(3589 - 2024) - (2024 + 7589) + (-952)$;

c) $[247 - (247 + 683)] - (-693)$;

d) $1 + (-4) + (-7) + 10 + 13 + (-16) + (-19) +$

22.

Câu 3. (1 điểm)

a) Số học sinh khối 6 của trường THCS Minh - Lương khi xếp hàng 20; 25; 30 thì thừa lần lượt là 13; 18; 23. Tính số học sinh khối 6 của trường, biết rằng số học sinh đó chưa đến 300 bạn.

b) Cho $A = 1 + 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{95} + 7^{96}$.

Tìm số nguyên x biết: $584 - (2 - x)^3 = 6 \cdot A - (7^{97} + 415)$

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ I – TOÁN 6.

Phần I. Trắc nghiệm. (4 điểm)

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	D	A	B	C	C	D	A	B
Câu	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16
Đáp án	A	B	D	C	B	C	C	A

(Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

Phần II. Tự luận. (6 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1. (3 điểm)		
a) Hãy biểu diễn các số sau đây trên cùng một trục số: 2; -2; -4; 5; -3; 3; 0. b) Liệt kê các phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 \leq x \leq 4\}$; c) So sánh hai số nguyên: -4 287 và -4 387.		
1 (3,0 điểm)	a) Học sinh biểu diễn được các số trên cùng một trục số.	1,0
	b) Các phần tử của tập hợp $A = \{-2; -1; 0; 1; 2; 3; 4\}$.	1,0
	c) Vì $-4\,287 > -4\,387$ nên $-4\,287 > -4\,387$.	1,0
Câu 2. (2 điểm) Tính giá trị của biểu thức sau một cách hợp lí nếu có thể:		
a) $(-126) + 113$; b) $(3589 - 2024) - (2024 + 7589) + (-952)$; c) $[247 - (247 + 683)] - (-693)$; d) $1 + (-4) + (-7) + 10 + 13 + (-16) + (-19) + 22$.		
2 (1,0 điểm)	a) $(-126) + 113 = -(126 - 113) = -13$	0,5
	b) $(3589 - 2024) - (2024 + 7589) + (-952)$ $= 3589 - 2024 - 2024 - 7589 + (-952)$ $= [3589 + (-7589)] + [(-2024) + (-2024) + (-952)]$ $= (-4000) + (-5000) = -9000$.	0,5
	c) $[247 - (247 + 683)] - (-693) = (247 - 247 - 683) + 693$ $= (-683) + 693 = (693 - 683) = 10$.	0,5
	d) $1 + (-4) + (-7) + 10 + 13 + (-16) + (-19) + 22$ $= [1 + (-4)] + [(-7) + 10] + [13 + (-16)] + [(-19) + 22]$ $= (-3) + 3 + (-3) + 3 = [(-3) + 3] + [(-3) + 3] = 0 + 0 = 0$	0,5

Câu 3. (1 điểm)

a) Số học sinh khối 6 của trường THCS Minh - Lương khi xếp hàng 20; 25; 30 thì thừa lần lượt là 13; 18; 23. Tính số học sinh khối 6 của trường, biết rằng số học sinh của trường chưa đến 300 bạn.

b) Cho $A = 1 + 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{95} + 7^{96}$.

Tìm số nguyên x biết: $584 - (2 - x)^3 = 6 \cdot A - (7^{97} + 415)$

<p>3 (1,0 điểm)</p>	<p>a) Gọi số học sinh khối 6 của trường THCS Minh - Lương là x (học sinh), $x \in \mathbb{N}^*$ và $x < 300$.</p> <p>Vì khi xếp hàng 20; 25; 30 thì thừa lần lượt là 13; 18; 23 nên $x + 7 : 20$; $x + 7 : 25$; $x + 7 : 30$.</p> <p>Do đó $x + 7 \in \text{BC}(20, 25, 30)$. Ta có: $20 = 2^2 \cdot 5$; $25 = 5^2$; $30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$ nên $\text{BCNN}(20, 25, 30) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5^2 = 300$</p> <p>Suy ra $x + 7 \in \text{BC}(20, 25, 30) = \text{B}(300) = \{0; 300; 600; \dots\}$</p> <p>$\Rightarrow x \in \{0; 293; 593; \dots\}$ và $x < 300$</p> <p>Vậy khối 6 của trường THCS Minh - Lương có 293 học sinh.</p> <p>b) Ta có: $7A = 7 + 7^2 + 7^3 + 7^4 + \dots + 7^{96} + 7^{97}$</p> <p>$6A = 7A - A = (7 + 7^2 + 7^3 + 7^4 + \dots + 7^{96} + 7^{97}) - (1 + 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{95} + 7^{96})$</p> <p>$6A = 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{96} + 7^{97} - 1 - 7 - 7^2 - 7^3 - \dots - 7^{95} - 7^{96}$</p> <p>$6A = 7^{97} - 1$</p> <p>Do đó: $584 - (2 - x)^3 = 6 \cdot A - (7^{97} + 415)$</p> <p>$584 - (2 - x)^3 = (7^{97} - 1) - (7^{97} + 415)$</p> <p>$584 - (2 - x)^3 = 7^{97} - 1 - 7^{97} - 415$</p> <p>$584 - (2 - x)^3 = (7^{97} - 7^{97}) - (1 + 415)$</p> <p>$584 - (2 - x)^3 = -416$</p> <p>$(2 - x)^3 = 584 - (-416)$</p> <p>$(2 - x)^3 = 584 + 416$</p> <p>$(2 - x)^3 = 1000$</p> <p>$(2 - x)^3 = 10^3$</p> <p>$2 - x = 10$</p>	<p>0,25</p>
		<p>0,25</p>

	$x = 2 - 10$	
	Vậy $x = - 8$.	0,25

UBND HUYỆN AN THI
TRƯỜNG THCS HỒ TÙNG MẬU

KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ 101

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước mỗi câu trả lời đúng ghi vào bài làm.

Câu 1. Tam giác đều có mỗi góc bằng

- A. 90° . B. 120° . C. 50° . D. 60° .

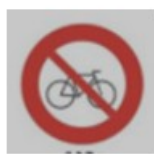
Câu 2. Số liền trước số -9 là

- A. -8 B. -10 . C. 9 . D. -9

Câu 3. Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



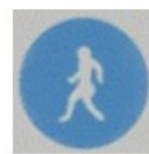
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2 C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 4. Trong các hình sau, hình ảnh nào có trục đối xứng



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 3. B. Hình 2. C. Hình 1 và 3. D. Hình 1.

Câu 5. Số La Mã XVI có giá trị là

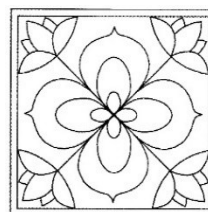
- A. 16 B. 4 C. 6 D. 14

Câu 6. Số nào sau đây chia hết cho 3?

- A. 872 . B. 419 . C. 610 . D. 351 .

Câu 7. Hình vẽ bên có số trục đối xứng là

- A. 2 trục. B. 4 trục. C. 6 trục. D. 1 trục



Câu 8. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức

- A. Nhân, chia $\rightarrow$ cộng, trừ $\rightarrow$ lũy thừa.
B. Lũy thừa $\rightarrow$ nhân, chia $\rightarrow$ cộng, trừ.
C. Lũy thừa $\rightarrow$ cộng, trừ $\rightarrow$ nhân, chia.
D. Cộng, trừ $\rightarrow$ nhân, chia $\rightarrow$ lũy thừa.

không chứa dấu ngoặc là

Câu 9. Số đối của số -68 là

- A. -69 . B. 68 . C. -67 . D. 70 .

Câu 10. Phân số nào sau đây là phân số tối giản?

- A. $\frac{2}{4}$ B. $\frac{4}{10}$ C. $\frac{3}{9}$ D. $\frac{3}{7}$.

Câu 11. Tập hợp ước của 9 là

- A. $\{3; 6; 9\}$ B. $\{-9; -3; -1; 1; 3; 9\}$ C. $\{1; 3; 6; 9\}$ D. $\{1; 3; 9\}$.

Câu 12. Bội của 24 là

- A. 70 . B. 60 . C. 120 . D. 12 .

Câu 13. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào **không** có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



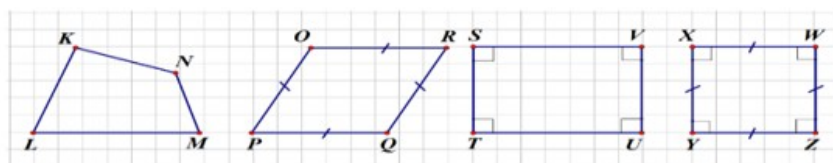
Hình 3

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 1 và 3.

Câu 14. Trong các số sau số nào **không** chia hết cho 9 ?

- A. -27 . B. 33 . C. 27 . D. 18 .

Câu 15. Trong các hình sau, hình nào **không** có tâm đối xứng?



Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

- A. Hình 2 B. Hình 3. C. Hình 1. D. Hình 4.

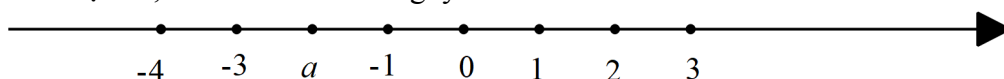
Câu 16. Cho $M = \{a; b; c; 9\}$. Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. $9 \in M$. B. $a \in M$. C. $c \in M$. D. $b \notin M$.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 1. (2 điểm)

- a. Sắp xếp các số: $2022; (-11); 0; (-20); 2023$ theo thứ tự tăng dần. Điểm biểu diễn số nào xa số 0 nhất? Điểm biểu diễn số nào gần số 0 nhất?
- b. Cho trục số, tìm số đối của số nguyên a :



- c. Viết tập hợp các số nguyên lớn hơn -2 nhỏ hơn 6 bằng hai cách.

Câu 2. (1 điểm) Thực hiện phép tính.

- a. $(-32) + (-43)$ b. $(-3).(-2) - 21 : 3$

Câu 3. (1 điểm) Tính nhanh

- a. $(-521) + 154 + (-79) + 146$ b. $37.(-69) + 37(-31) + 500$

Câu 4 (1 điểm)

Bác An dùng mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 8 m để trồng rau.

- Tính diện tích mảnh vườn.
- Ở giữa mảnh vườn bác có xây một bồn hoa hình thoi có độ dài hai đường chéo là 8 m và 5 m. Tính diện tích bác An dùng để trồng rau.

Câu 5. (1 điểm)

Một chung cư có 25 tầng và 2 tầng hầm (tầng trệt được đặt là tầng G, các tầng trên (lầu) được đánh số từ thấp đến cao là 1; 2; 3; ...; 24 (tầng cao nhất là 24), các tầng hầm được đánh số từ cao xuống thấp là B1; B2). Một thang máy đang ở tầng 12, sau đó đi lên 7 tầng, và xuống 21 tầng rồi lại lên 1 tầng. Hỏi cuối cùng thì thang máy dừng lại ở tầng nào?

----- **HẾT** -----

UBND HUYỆN AN THI
TRƯỜNG THCS HỒ TÙNG MẬU

KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ 102

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước mỗi câu trả lời đúng ghi vào bài làm.

Câu 1. Phân số nào sau đây là phân số tối giản?

A. $\frac{2}{4}$

B. $\frac{3}{7}$

C. $\frac{3}{9}$

D. $\frac{4}{10}$

Câu 2. Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 4.

B. Hình 3.

C. Hình 2.

D. Hình 1.

Câu 3. Bội của 24 là

A. 70.

B. 12.

C. 60.

D. 120.

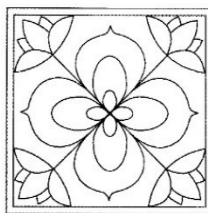
Câu 4. Hình vẽ bên có số trục đối xứng là

A. 6 trục.

C. 4 trục.

B. 1 trục.

D. 2 trục.



D. 2 trục.

Câu 5. Số đối của số -68

A. -67.

B. -69.

C. 70.

D. 68.

Câu 6. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không chứa dấu ngoặc là

A. Luỹ thừa → cộng, trừ → nhân, chia.

B. Nhân, chia → cộng, trừ → luỹ thừa.

C. Luỹ thừa → nhân, chia → cộng, trừ.

D. Cộng, trừ → nhân, chia → luỹ thừa.

Câu 7. Tam giác đều có mỗi góc bằng

A. 60° .

B. 90° .

C. 50° .

D. 120° .

Câu 8. Trong các hình sau, hình ảnh nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 2. B. Hình 1 và 3. C. Hình 3. D. Hình 1.
- Câu 9. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào **không** có trục đối xứng?



Hình 1

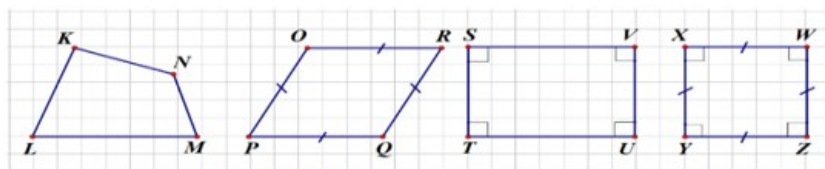


Hình 2



Hình 3

- A. Hình 2. B. Hình 1 và 3. C. Hình 1. D. Hình 3.
- Câu 10. Cho $M = \{a; b; c; 9\}$. Khẳng định nào sau đây **sai**?
- A. $a \in M$. B. $c \in M$. C. $9 \in M$. D. $b \notin M$.
- Câu 11. Trong các hình sau, hình nào **không** có tâm đối xứng?



Hình 1

Hình 2

Hình 3

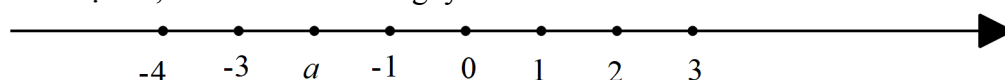
Hình 4

- A. Hình 4. B. Hình 2. C. Hình 1. D. Hình 3.
- Câu 12. Số liền trước số -9 là
- A. -9 . B. -10 . C. 9 . D. -8 .
- Câu 13. Số La Mã XVI có giá trị là:
- A. 14. B. 4. C. 16. D. 6.
- Câu 14. Tập hợp ước của 9 là
- A. $\{-9; -3; -1; 1; 3; 9\}$. B. $\{1; 3; 9\}$. C. $\{3; 6; 9\}$. D. $\{1; 3; 6; 9\}$.
- Câu 15. Trong các số sau số nào **không** chia hết cho 9?
- A. 27. B. 33. C. 18. D. -27 .
- Câu 16. Số nào sau đây chia hết cho 3?
- A. 351. B. 610. C. 872. D. 419.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 1. (2 điểm)

- c. Sắp xếp các số: $2022; (-11); 0; (-20); 2023$ theo thứ tự tăng dần. Điểm biểu diễn số nào xa số 0 nhất? Điểm biểu diễn số nào gần số 0 nhất
- d. Cho trục số, tìm số đối của số nguyên a :



- c. Viết tập hợp các số nguyên lớn hơn -2 nhỏ hơn 6 bằng hai cách.

Câu 2. (1 điểm) Thực hiện phép tính.

b. $(-32) + (-43)$

b. $(-3).(-2) - 21 : 3$

Câu 3. (1 điểm) Tính nhanh

b. $(-521) + 154 + (-79) + 146$

b. $37.(-69) + 37(-31) + 500$

Câu 4 (1 điểm)

Bác An dùng mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 8 m để trồng rau.

c. Tính diện tích mảnh vườn.

d. Ở giữa mảnh vườn bác có xây một bồn hoa hình thoi có độ dài hai đường chéo là 8 m và 5 m. Tính diện tích bác An dùng để trồng rau.

Câu 5. (1 điểm)

Một chung cư có 25 tầng và 2 tầng hầm (tầng trệt được đặt là tầng G, các tầng trên (lầu) được đánh số từ thấp đến cao là 1; 2; 3; ...; 24 (tầng cao nhất là 24), các tầng hầm được đánh số từ cao xuống thấp là B1; B2). Một thang máy đang ở tầng 12, sau đó đi lên 7 tầng, và xuống 21 tầng rồi lại lên 1 tầng. Hỏi cuối cùng thì thang máy dừng lại ở tầng nào?

----- HẾT -----

IV. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.**

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
101	D	B	A	A	A	D	B	B	B	D	B	C	A	B	C	D
102	B	D	D	C	D	C	A	C	C	D	C	B	C	A	B	A

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Bài	Nội Dung	Điểm
1 (2đ)	$-20; -11; 0; 2022; 2023$ a. Các số được sắp xếp theo thứ tự tăng dần : Điểm biểu diễn số 2023 xa số 0 nhất Điểm biểu diễn số -11 gần số 0 nhất	0,5đ 0,25đ 0,25
	Ta có $a = -2$ Vậy số đối của a là 2	0,5
	$A = \{x \in \mathbb{Q} \mid -2 < x < 6\}$ $A = \{-1; 0; 1; 2; 3; 4; 5\}$	0,25 0,25
2 (1 đ)	$(-32) + (-43)$ $= -(32 + 43)$ $= -75$	0,5

	$(-3).(-2) - 21 : 3$ $= 6 - 7$ $= -1$	0,5
3 (1 đ)	$(-521) + 154 + (-79) + 146$ $= [(-521) + (-79)] + (154 + 146)$ $= (-600) + 300$ a. $= -300$	0,25 0,25
	$37.(-69) + 37.(-31) + 500$ $= 37. [(-69) + (-31)] + 500$ $= -3700 + 500$ $= -3200$ b.	0,25 0,25
	a) Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là: $8.25 = 200(m^2)$ b) Diện tích bồn hoa hình thoi là: $5.8 : 2 = 20(m^2)$ Diện tích đất trồng cây là: $200 - 20 = 180(m^2)$	0,5 0,25 0,25
5 (1 đ)	+) Dùng số 0 để chỉ tầng G; +) Dùng các số nguyên dương 1; 2; 3; ...; 24 để chỉ các tầng lầu; +) Dùng các số nguyên âm -1 và -2 để chỉ lần lượt các tầng hầm B1 và B2. Khi thang máy đi lên, ta sử dụng phép cộng. Khi thang máy đi xuống, ta sử dụng phép trừ. Thang máy đang ở tầng 12, sau đó đi lên 7 tầng, và xuống 21 tầng rồi lại lên 1 tầng, vậy tầng mà nó đến là: $12 + 7 - 21 + 1 = -1$. Vậy thang máy cuối cùng dừng lại ở tầng hầm 1	0,5 0,5

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA CUỐI KỲ I – NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 6

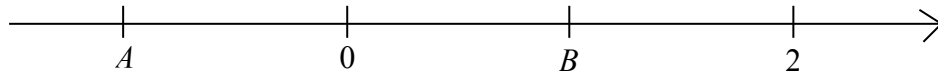
Thời gian làm bài : 15 Phút;

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 001

I. TRẮC NGHIỆM(12 câu -3 điểm)*Em hãy ghi lại mã đề và đáp án câu trả lời đúng trên bài làm (giấy riêng).***Câu 1:** Cho trục tọa độ sau: Điểm A biểu diễn số nguyên nào trên trục số?



- A. 2. B. -1. C. 1. D. -2

Câu 2: Trong các số sau, số nào là số nguyên âm: 12,5; -9; 0; 2023

- A. 0 B. -9. C. 2023. D. 12,5.

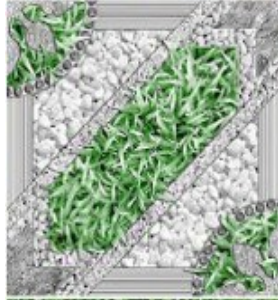
Câu 3: Dưới đây là hình trang trí gạch đá hoa, hình trang trí nào **không** có tính đối xứng



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 2. B. Hình 3. C. Hình 4. D. Hình 1.

Câu 4: Trong các số sau số **không** chia hết cho 15 là

- A. 5. B. 15. C. 0. D. 30.

Câu 5: Biết N là tập hợp số tự nhiên. Cách viết đúng là

- A. $N = \{1; 2; 3; 4; \dots\}$ B. $N = \{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$ C. $N = \{1; 2; 3; 4\}$ D. $N = \{0; 1; 2; 3; 4\}$

Câu 6: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào **không** có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

- A. Biển báo đường cấm. (Hình d)
B. Biển báo cấm dừng xe và đỗ xe. (Hình b)
C. Biển báo cấm đi ngược chiều. (Hình a)
D. Biển báo cấm sử dụng còi. (Hình c)

Câu 7: Chọn câu **đúng**

- A. $-3 < -7$. B. $6 < 0$. C. $7 < -9$. D. $0 > -4$.

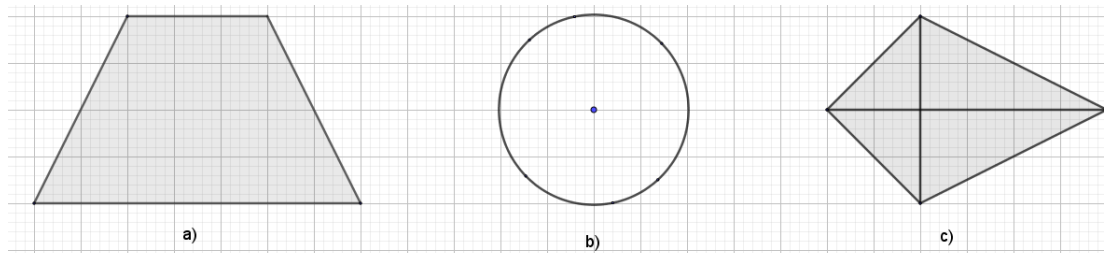
Câu 8: Số đối của -2023 là

- A. $\frac{1}{2023}$. B. $-\frac{1}{2023}$. C. 2023 . D. -2023 .

Câu 9: Tập hợp các số nguyên là ước của 7 là:

- A. $\{-7; -1; 1; 7\}$. B. $\{1; 7\}$. C. $\{-1; -7\}$. D. $\{7\}$.

Câu 10: Cho hình sau, hình có tâm đối xứng là:

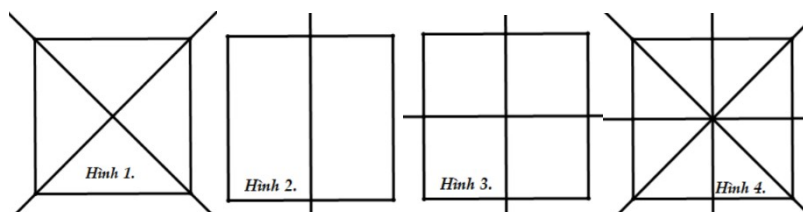


- A. Hình a. B. Hình a và Hình c.
C. Hình c . D. Hình b .

Câu 11: Phân số tối giản của phân số $\frac{20}{120}$ là:

- A. $\frac{6}{1}$. B. $\frac{20}{60}$. C. $\frac{1}{6}$. D. $\frac{2}{12}$.

Câu 12: Hình nào dưới vẽ đúng trục đối xứng của hình vuông



- A. Hình 3. B. Hình 1. C. Hình 4. D. Hình 2.

----- HẾT -----

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA CUỐI KỲ I – NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 6

Thời gian làm bài : 15 Phút;

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 002

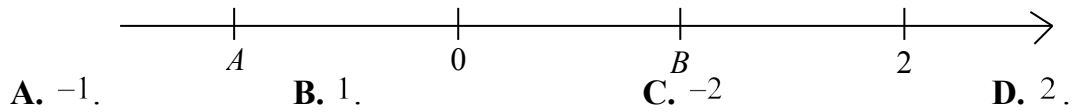
I. TRẮC NGHIỆM(12 câu -3 điểm)

Em hãy ghi lại mã đề và đáp án câu trả lời đúng trên bài làm (giấy riêng).

Câu 1: Biết N là tập hợp số tự nhiên. Cách viết đúng là

- A. $N = \{1; 2; 3; 4\}$. B. $N = \{0; 1; 2; 3; 4...\}$. C. $N = \{0; 1; 2; 3; 4\}$. D. $N = \{1; 2; 3; 4...\}$.

Câu 2: Cho trục tọa độ sau: Điểm A biểu diễn số nguyên nào trên trục số?



Câu 3: Số đối của -2023 là

- A. $\frac{1}{2023}$. B. $-\frac{1}{2023}$. C. -2023 . D. 2023 .

Câu 4: Trong các số sau, số nào là số nguyên âm: 12,5; -9; 0; 2023

- A. 12,5 . B. 2023 . C. 0 D. -9 .

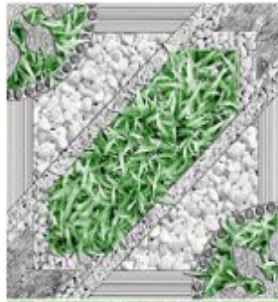
Câu 5: Dưới đây là hình trang trí gạch đá hoa, hình trang trí nào **không** có tính đối xứng



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 4. B. Hình 2. C. Hình 1. D. Hình 3.

Câu 6: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào **không** có trục đối xứng?



a)



b)



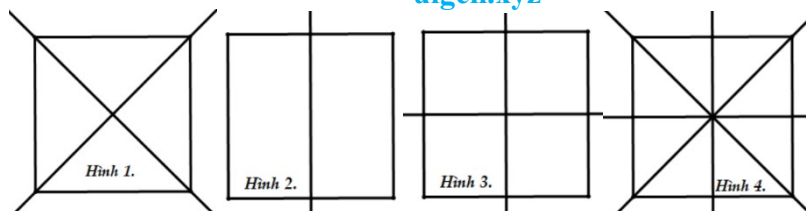
c)



d)

- A. Biển báo cấm đi ngược chiều. (Hình a)
B. Biển báo đường cấm. (Hình d)
C. Biển báo cấm dừng xe và đỗ xe. (Hình b)
D. Biển báo cấm sử dụng còi. (Hình c)

Câu 7: Hình nào dưới vẽ đúng trục đối xứng của hình vuông



- A. Hình 4. B. Hình 1. C. Hình 3. D. Hình 2.

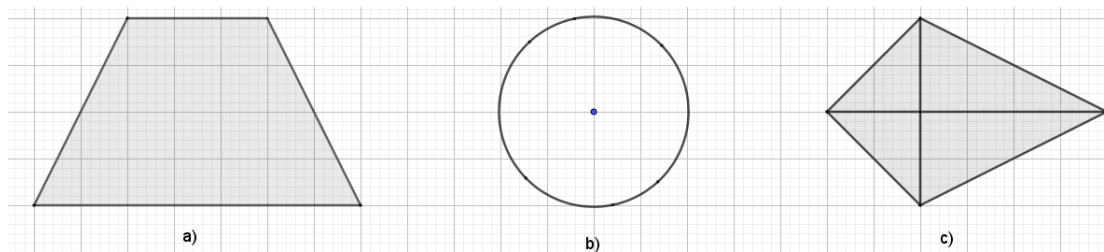
Câu 8: Phân số tối giản của phân số $\frac{20}{120}$ là:

- A. $\frac{2}{12}$. B. $\frac{20}{60}$. C. $\frac{6}{1}$. D. $\frac{1}{6}$.

Câu 9: Tập hợp các số nguyên là ước của 7 là:

- A. $\{-7; -1; 1; 7\}$. B. $\{7\}$. C. $\{1; 7\}$. D. $\{-1; -7\}$.

Câu 10: Cho hình sau, hình có tâm đối xứng là:



- A. Hình a. B. Hình a và Hình c.
C. Hình c. D. Hình b.

Câu 11: Chọn câu đúng

- A. $0 > -4$. B. $6 < 0$. C. $7 < -9$. D. $-3 < -7$.

Câu 12: Trong các số sau số **không** chia hết cho 15 là

- A. 5 . B. 0 . C. 15 . D. 30 .

----- HẾT -----

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA CUỐI KỲ I – NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 6

Thời gian làm bài: 75 phút

(không kể thời gian giao đề)

(Đề có 1 trang)

Họ tên : Số báo danh :

TỰ LUẬN (7 điểm)**Câu 13: (2,75 điểm)** Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

- a) $34.25 + 34.75$
 b) $(-16) + (-39)$
 c) $(-13).7$
 d) $(2023 - 154) - (23 + 46 - 200)$

Câu 14: (1,25 điểm)

- a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $0; -1; 2; 5; -4; 3; -7$.
 b) Các số sau, số nào là số nguyên tố, số nào là hợp số: $2025; 43; 2024; 17$.

Câu 15: (1,5 điểm)

- a) Thời tiết một ngày mùa đông tại Sapa của nước Việt Nam là -2°C , đến buổi trưa cùng ngày nhiệt độ tăng thêm 5°C , đến buổi tối cùng ngày nhiệt độ giảm 7°C . Hỏi nhiệt độ buổi tối là bao nhiêu độ $^{\circ}\text{C}$?
 b) Quán mì của cha mẹ bạn Phúc bán cả 7 ngày trong tuần. Thứ 7 và chủ nhật thì quán đông gấp đôi ngày thường. Mỗi ngày thường bán được 200 tô. Hỏi tháng 2 năm 2022 quán mì của nhà bạn Phúc bán được bao nhiêu tô? Biết tháng 2 năm 2022 có 28 ngày trong đó có 4 ngày thứ 7 và 4 ngày chủ nhật.

Câu 16: (1,5 điểm)

- a) Vẽ hình chữ nhật MNPQ có $MN = 5\text{cm}$; $MQ = 3\text{cm}$.
 b) Một vườn hoa hình chữ nhật dài 60m , rộng 48m được bao quanh bởi một lối đi có bề rộng $2,5\text{m}$. Tính số tiền để lát gạch lối đi? Biết để lát gạch mỗi mét vuông cần 220000 đồng.

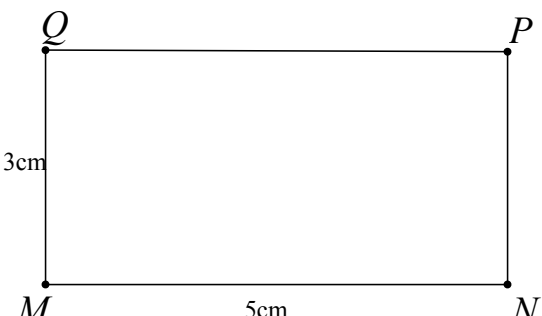
----- HẾT -----**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM****A. HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng thì cho đủ số điểm từng phần như hướng dẫn quy định.
- Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải đảm bảo không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải thống nhất giữa các GV cùng chấm bài kiểm tra.
- Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến một chữ số thập phân (Ví dụ lẻ 0,25 làm tròn thành 0,3; lẻ 0,75 làm tròn thành 0,8)

B. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:**I. TRẮC NGHIỆM: (0,25đ/1 câu đúng)**

Mã đề	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
001	B	B	C	A	B	D	D	C	A	D	C	C
002	B	A	D	D	A	D	A	D	A	D	A	A

II. TỰ LUẬN

Bài/ Câu	Phần	Đáp án	Biểu điểm	Cộng
Câu 13 (2,75 điểm)	a)	$34 \cdot 25 + 34 \cdot 75 = 34(25 + 75)$ $= 34 \cdot 100 = 3400$	0,25 0,5	2,75
	b)	$(-16) + (-39) = -(16 + 39) = -55$	0,75	
	c)	$(-13) \cdot 7 = -(13 \cdot 7) = -91$	0,75	
	d)	$(2023 - 154) - (23 + 46 - 200)$ $= 2023 - 154 - 23 - 46 + 200$ $= (2023 - 23) - (154 + 46) + 200$ $= 2000 - 200 + 200$ $= 2000 + 0 = 2000$	0,25 0,25	
Câu 14 (1,25 điểm)	a)	Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần là: -7 ; -4 ; -1 ; 0 ; 2 ; 3 ; 5	0,75	1,25
	b)	Số nguyên tố là: 43; 17. Số nào là hợp số: 2025; 2024.	0,25 0,25	
Câu 15 (1,5 điểm)		Nhiệt độ buổi tối tại Sapa của nước Việt Nam là: $-2 + 5 - 7 = -4^{\circ}\text{C}$	0,5	1,5
	a)	Mỗi ngày thứ 7 hay chủ nhật quán bán được: $200 \cdot 2 = 400$ (tô mì) Vi tháng 2 năm 2022 có 28 ngày trong đó có 4 ngày thứ 7 và 4 ngày chủ nhật nên trong tháng 2 năm 2022 quán bán được: $(400 + 400) \cdot 4 + 200 \cdot (28 - 8) = 7200$ (tô mì). Vậy tháng 2 năm 2022 quán mì nhà bạn Phúc bán được 7200 tô mì.	0,25 0,5 0,25	
Câu 16 (1,5 điểm)	a)		0,5	1,5
	b)	$60 \cdot 48 = 2880 (\text{m}^2)$ Diện tích hình chữ nhật là Chiều dài hình chữ nhật không tính lối đi là $60 - 2 \cdot 5 \cdot 2 = 55 (\text{m})$ Chiều rộng hình chữ nhật không tính lối đi là	0,25 0,25	

		$48 - 2,5.2 = 43 \text{ (m)}$ Diện tích hình chữ nhật không tính lối đi là $55.43 = 2365 \text{ (m}^2\text{)}$ $2880 - 2365 = 515 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích lối đi là Số tiền lát gạch lối đi là $515.220000 = 113\,300\,000 \text{ (đồng)}$	0,25 0,25	
--	--	--	------------------	--

-----*****-----

Đakpơ, ngày 15 tháng

11 năm 2024

PHÒNG GD&ĐT TRỰC NINH
TRƯỜNG THCS TT CÁT THÀNH

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024-2025

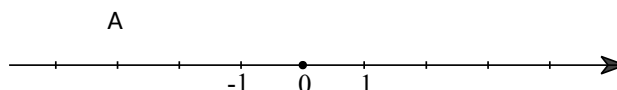
Môn Toán lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Phần trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn (2,0 điểm):

Em hãy ghi lại chữ cái A, B, C, D đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. 3 B. - 4 C. 4. D. - 3.

Câu 2. Số đối của -5 là

- A. -5 . B. $\frac{-1}{5}$. C. 5. D. $\frac{1}{5}$.

Câu 3. Một chiếc tàu ngầm của Nga đang ở độ cao -123m so với mực nước biển. Sau đó tàu ngầm chìm xuống thêm 130m . Độ cao mới của tàu ngầm đó so với mực nước biển là:

- A. -253m . B. 7m . C. 253m . D. -7m .

Câu 4. Cho tập hợp $B = \{x/x \text{ là số nguyên tố có một chữ số}\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $B = \{1; 2; 3; 5; 7\}$ B. $B = \{2; 3; 5; 7; 9\}$
C. $B = \{2; 3; 5; 7\}$ D. $B = \{2; 3; 5\}$

Câu 5. Cho hình thang cân $ABCD$. Biết đáy nhỏ $AB = 3\text{ cm}$, cạnh bên $BC = 2\text{ cm}$, đáy lớn $CD = 5\text{ cm}$. Chu vi của hình thang cân $ABCD$ là

- A. 6 cm . B. 10 cm . C. 12 cm . D. 15 cm .

Câu 6. Mẫu số chung của các phân số $\frac{1}{12}, \frac{3}{15}, \frac{7}{18}$ là

- A. 180 . B. 240 . C. 120 . D. 150 .

Câu 7. Hình nào dưới đây không có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 8. Cho các hình sau, hình có tâm đối xứng là



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 2 và hình 3. B. Hình 1 và hình 2.
C. Hình 3 và hình 1. D. Cả ba hình trên.

II. Phần trắc nghiệm đúng sai: (1 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 9.

- (a) Chữ H là hình vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng.
(b) Chữ N là hình có tâm đối xứng và không có trục đối xứng.
(c) Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.
(d) Chữ I là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.

Câu 10.

- (a) Tập hợp số nguyên tố gồm số nguyên âm và số nguyên dương
(b) Tích của 2 số nguyên âm luôn là số nguyên dương
(c) Số 0 là số nguyên âm
(d) $-2024 \in \mathbb{Z}$

III. Phần tự luận (7,0 điểm):

Bài 1: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a) $(-2021) + (-999) + 2021 + (-1)$.

b) $2040 - [43 - (3 + 2)^2] + 2023^0$.

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm số nguyên x biết:

a) $x - 16 = -24$

b) $3 \cdot (45 - x) + 116 = 221$

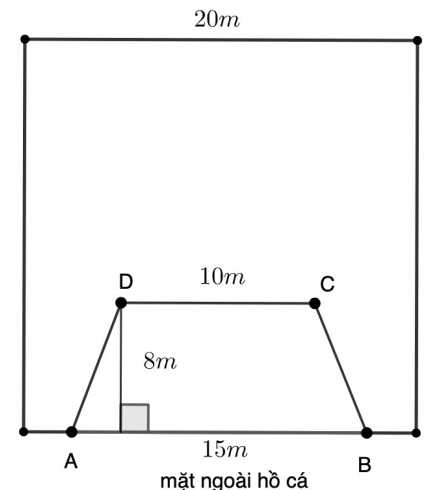
c) $42 \vdots x; 54 \vdots x; 108 \vdots x$ và $3 < x < 8$

Bài 3: (1,5 điểm) Lịch cập cảng của ba tàu như sau: tàu thứ nhất cứ 10 ngày cập cảng một lần; tàu thứ hai cứ 12 ngày cập cảng một lần, tàu thứ ba cứ 15 ngày cập cảng một lần. Vào một ngày nào đó, ba tàu cùng cập cảng. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì ba tàu lại cùng cập cảng?**Bài 4:** (1,5 điểm) Bác Nam có một lô đất hình vuông với độ dài cạnh là 20m. Bên trong lô đất, bác Nam xây một hồ cá thủy sinh hình thang cân ABCD có các kích thước được cho như hình vẽ, phần đất còn lại bác dự định trồng hoa.

a) Tính diện tích lô đất của bác Nam?

b) Tính diện tích bác Nam dự định trồng hoa?

c) Bác Nam dự định rào lưới sắt xung quanh lô đất hình vuông của mình từ điểm A đến điểm B (bớt lại khu vực mặt ngoài của hồ cá). Tính số tiền bác Nam phải trả để mua lưới sắt biết 1m lưới giá 20 000 đồng?

**Bài 5:** (1,0 điểm) Chứng tỏ rằng $\frac{30n+4}{12n+1}$ là phân số tối giản với mọi số tự nhiên n .**Hết**